CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP ĐẮK NÔNG

---------- oOo ----------

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT

CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

của cơ sở nhà máy sản xuất gạch không nung Đắk Nông

Địa điểm: Thôn 2, xã Nhân Đạo, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông

Công suất: 40 triệu sản phẩm/năm

Đắk Nông, tháng 6 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP ĐẮK NÔNG

---------- oOo ----------

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT

CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

của cơ sở nhà máy sản xuất gạch không nung Đắk Nông

Địa điểm: Thôn 2, xã Nhân Đạo, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông

Công suất: 40 triệu sản phẩm/năm

ĐƠN VỊ TƯ VẤN	CHỦ CƠ SỞ
KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC	
Nguyễn Sỹ Huân	GIÁM ĐỐC Nguyễn Thành Luân

Đắk Nông, tháng 6 năm 2024

MỤC LỤC

Chương I 1

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ 1

1. Tên chủ cơ sở: 1

2. Tên cơ sở: 1

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở: 2

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:... 2

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:..... 3

3.3. Sản phẩm của cơ sở:.... 5

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:.... 5

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở (nếu có): 8

Chương II 9

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, ... 9

KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG 9

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có): 9

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có): 10

Chương III 11

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP 11

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 11

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải (nếu có): 11

1.1. Thu gom, thoát nước mưa: 11

1.2. Thu gom, thoát nước thải: 2

1.3. Xử lý nước thải: 4

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải (nếu có): 7

3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường: 8

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại: 10

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung (nếu có): 13

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường: 13

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có):..... 14

Chương IV..... 15

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG..... 15

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải (nếu có): 15

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải (nếu có): 16

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung (nếu có):..... 17

Chương V 18

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ..... 18

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải. 18

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải. 18

3. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo (Chỉ áp dụng đối với cơ sở không phải thực hiện quan trắc chất thải theo quy định):..... 20

Chương VI..... 22

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ..... 22

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:..... 22

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:..... 22

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:..... 22

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật. 22

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ: 22

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải: 23

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở. 23

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm. 23

Chương VII 24

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA..... 24

VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ..... 24

Chương VIII 25

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ 25

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở: Công ty Cổ phần Công nghiệp Đắk Nông

- Địa chỉ văn phòng: Thôn 2, Xã Nhân Đạo, Huyện Đắk R'lấp, Đắk Nông

- Người đại diện: Nguyễn Thành Luân Chức vụ: Giám đốc

- Điện thoại: 0261.222.6666; Fax:.....; E-mail:...

- Giấy đăng ký kinh doanh số: 6400348304 đăng ký lần đầu ngày 04/3/2016, đăng ký lần thứ 4 ngày 11/12/2020 của Công ty Cổ phần công nghiệp Đắk Nông.

2. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất gạch không nung Đắk Nông

- Địa điểm cơ sở: Thôn 2, Xã Nhân Đạo, Huyện Đắk R'lấp, Đắk Nông. Khu đất có vị trí tiếp giáp như sau:

+ Phía Đông giáp đất nông nghiệp.

+ Phía Tây giáp đất nông nghiệp.

+ Phía Nam giáp tuyến băng tải quặng của nhà máy Alumina.

+ Phía Bắc giáp đường liên xã.

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần (nếu có): Giấy Xác nhận Đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 37/GXN-UBND ngày 09/9/2016 của UBND huyện Đắk R'lấp xác nhận cho Nhà máy sản xuất gạch không nung Đắk Nông - Công ty Cổ phần công nghiệp Đắk Nông.

- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):

+ Quy mô diện tích: 22.471,0 m^2.

+ Quy mô công suất: 4.290.930 viên/năm.

+ Quy mô vốn đầu tư: 60 tỷ đồng, thuộc nhóm dự án Nhóm C theo tiêu chí quy định tại Luật Đầu tư công năm 2019 (khoản 2 Điều 10).

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ: Là dự án đầu tư thuộc nhóm III - phục lục V, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường, dự án thuộc khoản 2 Điều 39 Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hoạt

động trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành có tiêu chí về môi trường như đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này.

Căn cứ khoản 4 điều 41 Luật Bảo vệ môi trường: dự án thẩm quyền cấp giấy phép của UBND cấp huyện.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:

3.1.1. Quy mô về công suất

Công suất thiết kế: 40.000.000 viên/năm

Công suất hiện tại chỉ mới đạt hiệu xuất 10% so với công suất thiết kế: năm 2022: 4.323.200 viên; năm 2023: 4.290.930 viên.

3.1.1. Quy mô về diện tích

Quy mô diện tích: 22.471,0 m^2.

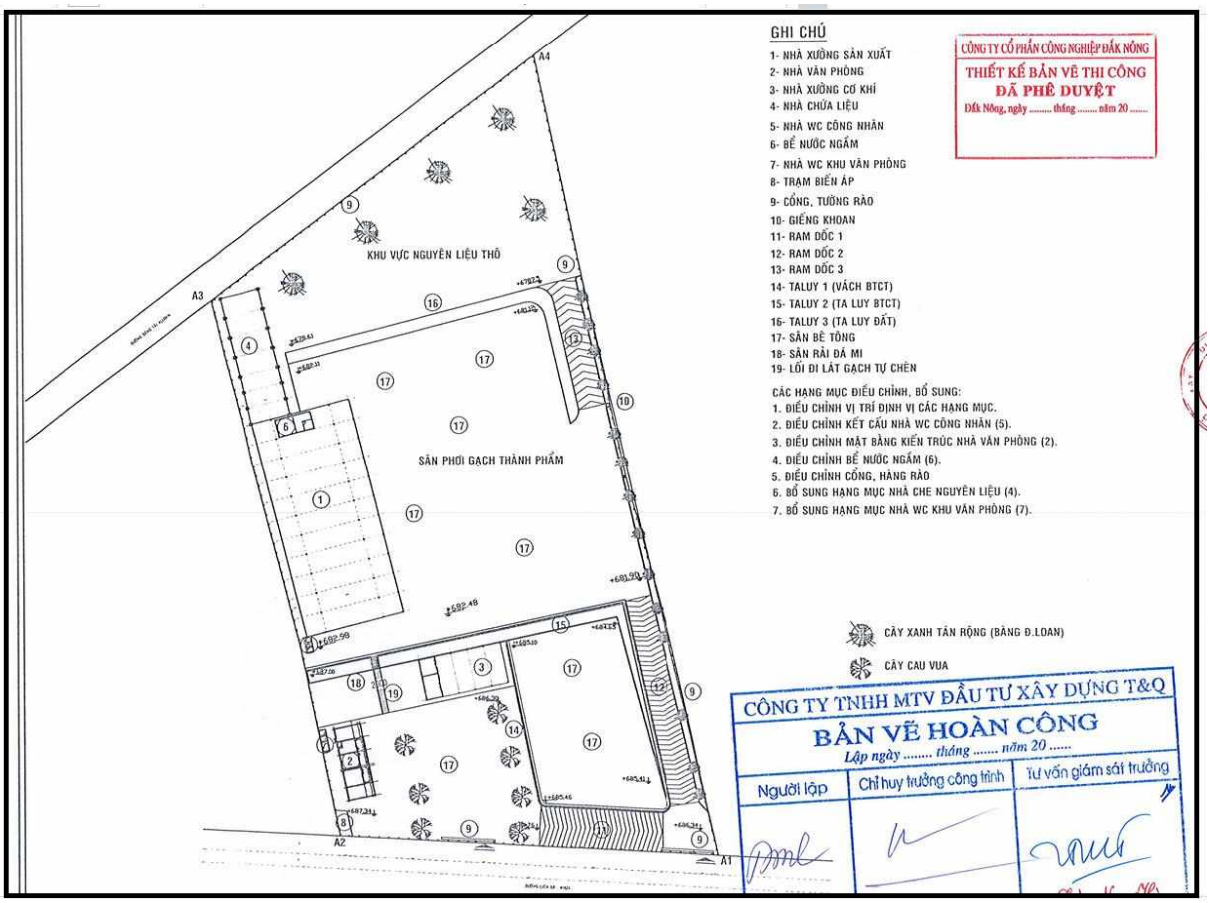

Hình 1. 1. Mặt bằng tổng thể bố trí các công trình của nhà máy (kèm theo bản vẽ hoàn công tại phụ lục)

Bảng 1. 1. Bảng tổng hợp các hạng mục chính của nhà máy

TT	Tên công trình/hạng mục	Đơn vị	Diện tích/khối lượng theo Giấy chứng nhận QSDĐ)	Ghi chú
1	Khu nhà văn phòng	m^2	182,0	
2	Khu nhà vệ sinh văn phòng	m^2	15,0	
3	Khu nhà vệ sinh công nhân	m^2	10,34	
4	Nhà xưởng sản xuất	m^2	1.980,0	
5	Nhà che liệu	m^2	456,0	
6	Khu vực phụ trợ, sân bãi	m^2	19.827,66	
	Tổng	m^2	22.471,0	

Nguồn: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Công ty Công ty Cổ phần công nghiệp Đắk Nông

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:

Sơ đồ công nghệ sản xuất gạch không nung:

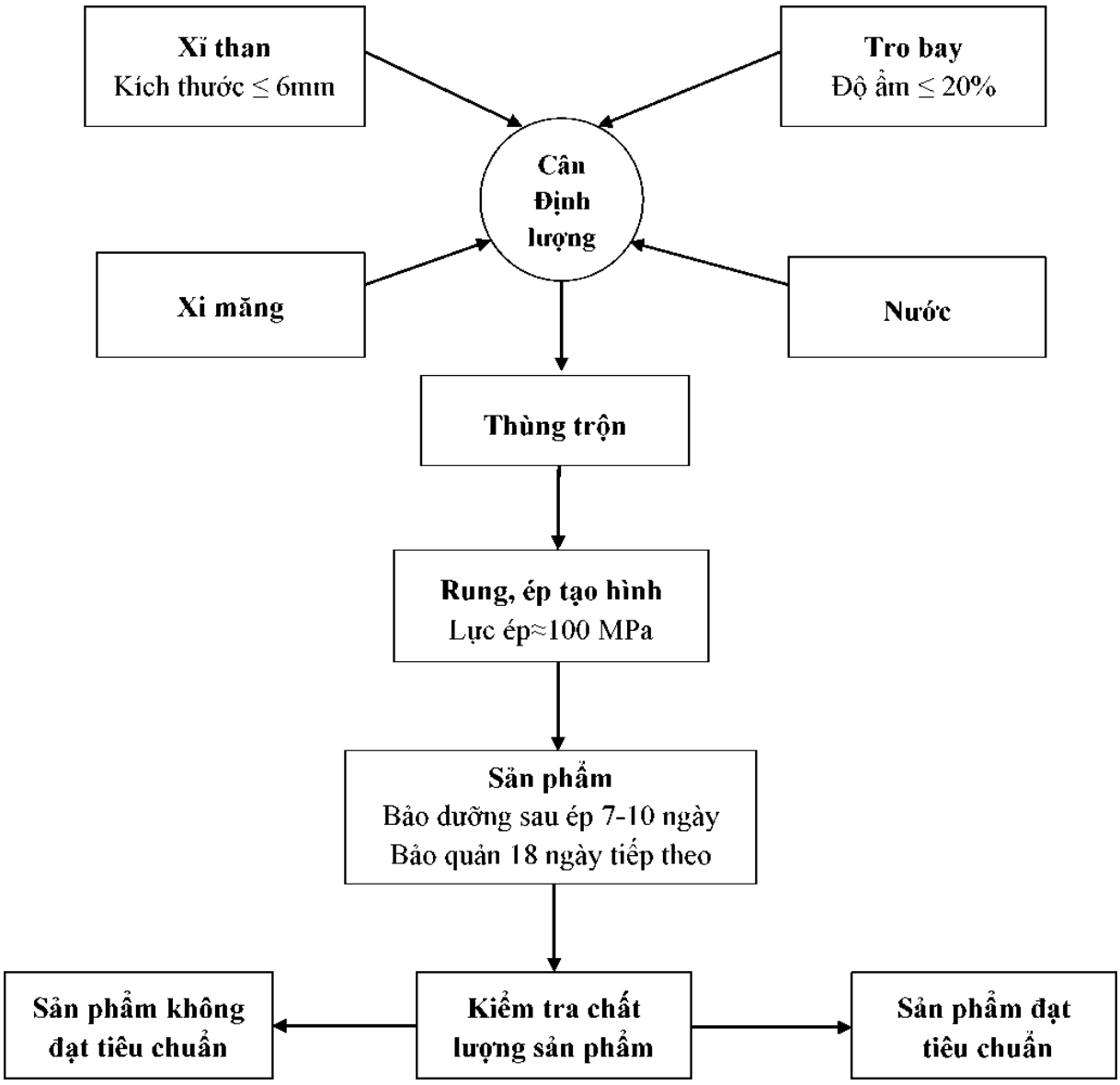

Hình 1. 2. Quy trình công nghệ sản xuất

b. Thuyết minh quy trình sản xuất:

Xỉ than, tro bay sau khi vận chuyển về bãi tập kết được che phủ bạt, sử dụng hệ thống phun sương nhằm đảm bảo không phát sinh bụi ra môi trường.

Xỉ đáy lò được sàng tuyển thành các cỡ hạt nhỏ mịn, lựa chọn các cỡ hạt nhỏ có kích thước từ 0÷6mm. Thiết bị cân định lượng cho tỉ lệ các nguyên liệu chính gồm xỉ than, tro bay, xi măng.

Sau khi đưa vào thùng trộn bằng hệ thống cân định lượng tự động, khuấy đều với lượng nước tự động bơm bào được cài đặt sẵn trên máy tính tạo độ ẩm thích hợp. Khi hỗn hợp đã trộn đủ tiêu chuẩn hệ thống cửa xả tự động mở ra xả nguyên liệu lên băng tải để rót hỗn hợp nguyên liệu vào phiễu định lượng của máy gạch. Tại đây nguyên liệu được cấp vào ván khuôn và điền đầy nhờ hệ thống rung của máy. Khi khuôn được điền đầy nguyên liệu dưới lực ép ≈100Mpa sẽ tạo hình thành viên gạch theo kích thước chuẩn của khuôn. Sản

phẩm gạch được tự động đẩy sắp lên khay chờ sẵn rồi theo băng tairvaanj chuyenr ra ngoài để bảo dưỡng. Các quá trình trên đều diễn ra tự động theo lập trình đã lập sẵ trên máy tính, mỗi chu kỳ ép của máy diễn ra trong thời gian từ 24÷30s tùy theo sản phẩm được lựa chọn để sản xuất.

3.3. Sản phẩm của cơ sở:

Bảng 1. 2. Sản phẩm của cơ sở năm 2022-2023

STT	NĂM	ĐVT	THÔNG TN SẢN PHẨM	Kích thước (mm)	SỐ LIỆU
1	**2022**	Viên	Gạch 4 lỗ	80 x 80 x 180	3.963.200
2		Viên	Gạch 6 lỗ	80 x 120 x 180	
3		Viên	Gạch thẻ	40 x 80 x 180	340.500
4		Viên	Gạch Block 15	190 x 150 x 390	19.500
Tổng					***4.323.200***
STT	**NĂM**	**ĐVT**	**THÔNG TN SẢN PHẨM**	**Kích thước (mm)**	**SỐ LIỆU**
1	**2023**	Viên	Gạch 4 lỗ	80 x 80 x 180	3.507.200
2		Viên	Gạch 6 lỗ	80 x 120 x 180	2.800
3		Viên	Gạch thẻ	40 x 80 x 180	774.400
4		Viên	Gạch Block 15	190 x 150 x 390	6.530
Tổng					***4.290.930***

Nguồn: Công ty Cổ phần công nghiệp Đắk Nông, năm 2024

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu

Khi sản xuất ra một sản phẩm gạch không nung thì mỗi loại gạch 4 lỗ, 6 lỗ,…. Có tỉ lệ phối trộn khác nhau, do đó khối lượng mỗi nguyên liệu khác nhau. Cụ thể tỉ lệ phối trộn cho 1 viên gạch tại nhà máy như sau:

Bảng 1. 3. Tỷ lệ phối trộn cho 1 viên gạch

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Gạch 4 lỗ	Gạch 6 lỗ	Gạch thẻ	Gạch Block 15
I	**Nguyên liệu đầu vào/ Khối trộn**	**Kg**	**630**	**635**	**630**	**635**
1	Xi măng	Kg	90	90	70	90
2	Tro bay	Kg	90	90	90	90
3	Xỉ đáy (loại trung)	Kg	360	320	380	320
4	Cát	Kg	40	80	40	80
5	Nước	Kg	50	55	50	55

II	**Số lượng thành phẩm /khối trộn**	**Viên**	**378**	**212**	**560**	**30**

Nguồn: Công ty Cổ phần công nghiệp Đắk Nông, năm 2024

4.2. Nhu cầu sử dụng máy móc, thiết bị

Các máy móc, trang thiết bị của cơ sở được đầu tư cụ thể được thể hiện ở bảng liệt kê:

Bảng 1. 4. Máy móc, thiết bị sử dụng tại nhà máy

STT	Tên, chủng loại vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
I	Máy sàng phân loại	Cái	1	Sử dụng tốt
II	Dây chuyền sản xuất gạch không nung tự động	Hệ thống		
1	Phiểu chứa liệu	Cái	1	Sử dụng tốt
2	Cân định lượng	Cái	1	Sử dụng tốt
3	Xe kíp	Cái	1	Sử dụng tốt
4	Dàn máy ép chính	Cái	1	Sử dụng tốt
5	Máy ra gạch	Cái	1	Sử dụng tốt
III	Xe			
1	Xe xúc lật cấp liệu	Cái	1	Sử dụng tốt
2	Xe nâng komatsu	Cái	2	Sử dụng tốt

Nguồn: Công ty Cổ phần công nghiệp Đắk Nông, năm 2024

Bảng 1. 5. Thông số kỹ thuật chính của dây chuyên sản xuất gạch không nung

Công suất thiết kế/năm	40.000.000 viên tiêu chuẩn	Chế độ vận hành	Tự động hoàn toàn
Tần suất rung	6.800 vòng/phút	Chu kỳ sản xuất	15 - 30s (tùy theo loại SP)
Tổng công suất dây truyền	120 Kw	Kích thước máy	9.800x2.290x2.825 mm
Lực ép rung	75 - 100 MPa	Trọng lượng máy	13.800 kg

Tần số	50 - 75 Hz	Số CN tham gia sx	15-18 người

Nguồn: Kế hoạch bảo vệ môi trường đã được phê duyệt năm 2016

4.3. Nhu cầu sử dụng điện, nước

4.3.1. Nhu cầu sử dụng điện

Trong giai đoạn vận hành, nguồn điện cung cấp cho hoạt động sản xuất, chiếu sáng, làm mát không khí, các thiết bị văn phòng, máy bơm dầu, điện dùng cho công tác bảo vệ, chiếu sáng đường giao thông, sinh hoạt hàng ngày của cán bộ nhân viên…

Số lượng điện sử dụng tối đa khoảng 10.401 kwh/ tháng.

Bảng 1. 6. Lượng điện tiêu thụ năm 2023 tại cơ sở

Tháng	Lượng điện tiêu thụ
1	2.600
2	5.100
3	6.500
4	4.900
5	3.300
6	2.200
7	2.900
8	3.300
9	4.300
10	7.300
11	8.300
12	10.401

Nguồn: Công ty Cổ phần công nghiệp Đắk Nông, năm 2024

(kèn theo hóa đơn điện 12 tháng năm 2023 tại phụ lục)

4.3.2. Nhu cầu sử dụng nước

Nguồn nước phục vụ nhu cầu hoạt động của cơ sở được lấy từ nguồn nước giếng khoan trong khu vực cơ sở.

Số lượng giếng khoan: 01 giếng.

Lượng nước cấp chủ yếu phục vụ cho phối trộn nguyên liệu trước khi tạo hình gạch, hoạt động vệ sinh cá nhân, sinh hoạt của nhân viên, công nhân trong nhà máy.

Tổng lượng nước sử dụng của nhà máy khoảng 6,1 m^3/ngày. Trong đó:

- Nước cấp cho sản xuất khoảng 3,0 m^3/ngày.

- Nước cấp cho sinh hoạt khoảng 1,6 m^3/ngày.

- Nước sử dụng tưới cây khoảng 0,5 m^3/ngày.
- Nước sử dụng rửa xe, thiết bị khoảng 1,0 m^3/ngày.

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở (nếu có): không có.

Chương II
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có):

➢ Hiện tại, trong khu vực cơ sở chưa có số liệu về đánh giá phân vùng khu vực tiếp nhận nước thải, do đó báo cáo chưa thể đánh giá sự phù hợp của cơ sở với khả năng chịu tải của môi trường.

➢ Về chủ trương thực hiện dự án: Quyết định số 1053/QĐ-UBND ngày 30/6/2016 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc chủ trương đầu tư dự án Nhà máy sản xuất gạch không nung Đắk Nông của Công ty Cổ phần Công nghiệp Đắk Nông.

➢ Về phê duyệt kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất tỉnh Đắk Nông, huyện Đắk R'lấp, cụ thể tại các văn bản:

- Nhà máy sản xuất gạch không nung Đắk Nông phù hợp với kế hoạch sử dụng đất năm 2016 của huyện Đắk R'lấp đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 09/01/2016.

- Hiện tại: Nhà máy sản xuất gạch không nung Đắk Nông phù hợp với quy hoạch tỉnh Đắk Nông và quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch năm 2024 của huyện:

+ Quyết định số 1757/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

+ Quyết định số 2073/QĐ-UBND ngày 9/12/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông.

+ Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 27/2/2024 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông.

➢ Về hồ sơ thuê đất:

- Về Quyết định của UBND tỉnh: Ngày 29/9/2016, UBND tỉnh Đắk Nông đã ban hành Quyết định số 1673/QĐ-UBND về việc cho phép Công ty Cổ phần công nghiệp Đắk Nông chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng nhà máy sản xuất gạch không nung Đắk Nông tại xã Nhân Đạo, huyện Đắk R'lấp. Ngày 16/5/2022, Sở Tài nguyên và Môi trường đã cho Công Ty Cổ phần công nghiệp

Đắk Nông thuê với diện tích 22.471,0m^2 theo hợp đồng số 23/HĐTĐ.

- Về hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Công Ty Cổ phần công nghiệp Đắk Nông đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN295872 ngày 16/7/2018 có thửa đất số 90 tờ bản đồ số 11 thôn 02, xã Nhân Đạo, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông với diện tích 22.471,0m^2.

➢ Về Môi trường:

- Nhà máy sản xuất gạch không nung Đắk Nông đã được UBND huyện Đắk R'lấp xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường tại Giấy xác nhận số 37/GXN-UBND ngày 09/9/2016.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

➢ Nước thải:

Cơ sở phát sinh nước thải sản xuất với khối lượng ít, chủ yếu phát sinh nước thải sinh hoạt và dự phòng nước cho công tác phòng cháy chữa cháy.

Lượng nước thải sản xuất phát sinh được thu gom vào hố lắng và tái tuần hoàn lại sản xuất. Do đó, không xả thải ra môi trường, không ảnh hưởng đến môi trường nguồn tiếp nhận.

➢ Chất thải rắn:

Chất thải sinh hoạt và chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở được thu gom phân loại và lưu chứa đúng quy định sau đó hợp đồng với đơn vị thu gom có chức năng, không xả thải bừa bãi ra nguồn tiếp nhận.

➢ Khí thải:

Trong quá trình sản xuất sẽ phát sinh lượng bụi, chủ cơ sở đã lắp đặt hệ thống xử lý bụi đạt quy chuẩn cho phép trước khi xả thải vào môi trường.

Kết luận: hoạt động của nhà máy phát sinh bụi, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn ra môi trường tiếp nhận chất thải. Tuy nhiên, lưu lượng phát sinh của bụi, nước thải, chất thải rắn không đáng kể và được thu gom, xử lý bằng các biện pháp giảm thiểu trước khi xả ra môi trường.

Do đó, có thể đánh sức chịu tải của khu vực tiếp nhận chất thải là đảm bảo.

Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

Hệ thống thu gom, thoát nước mưa tại khu vực của cơ sở tách biệt với hệ thống thu gom nước thải.

Sơ đồ quy trình thu gom, thoát nước mưa tại cơ sở:

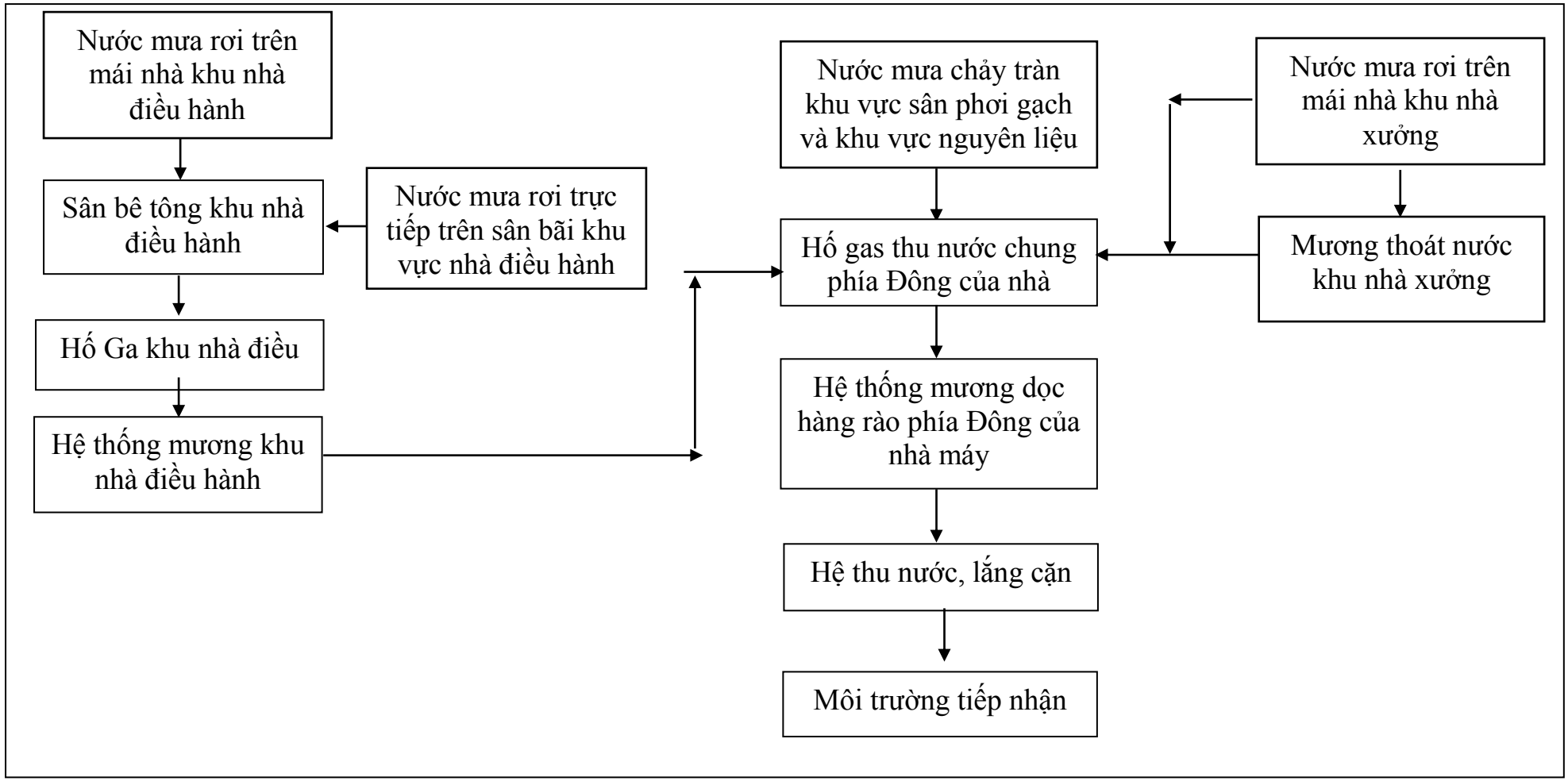

Hình 1. Sơ đồ thoát nước mưa tại cơ sở

Thuyết minh quy trình:

- Khu vực rơi trên mái nhà điều hành: chảy theo theo máng xuống sân bê tông của khu vực nhà điều hành, hòa với nước mưa rơi trực tiếp trên sân bãi. Sau đó, nước mưa chảy theo độ dốc vào các hố ga bố trí trên quanh khu nhà điều hành dẫn theo hệ thống mương thoát khu nhà điều hành về mương thoát nước mưa chung dọc phía Đông nhà máy để thoát ra nguồn tiếp nhận. Dọc hệ thống mương thoát nước bố trí các hố gas có xong chắn rác, tránh làm tắc nghẽ hệ thống thoát nước mưa. Bố trí 3 hố thu nước, lắng cặn trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận.

Khu vực rơi trên mái nhà xưởng: chảy theo theo máng xuống sân bê tông của khu vực nhà xưởng, một phần hòa với nước mưa rơi trực tiếp trên sân bãi. Sau đó, nước mưa chảy theo độ dốc vào các hố ga bố trí trên quanh khu nhà điều hành dẫn theo hệ thống mương thoát khu nhà điều hành về mương thoát nước mưa chung dọc phía Đông nhà máy để thoát ra nguồn tiếp nhận. Dọc hệ thống mương thoát nước bố trí các hố gas có xong chắn rác, tránh làm tắc nghẽ hệ thống thoát nước mưa. Bố trí 3 hố thu nước, lắng cặn trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận

Một phần theo mương thoát nước khu vực nhà xưởng

Nước mưa trên mái nhà được thu gom bằng các máng thu gom chảy theo ống PVC xuống mương kính.

Khu vực xưởng sản xuất: Nước mưa trên mái nhà sẽ thu gom về máng sau đó chảy xuống sân bê tông, sau đó nước mưa được thu gom theo mương thoát nước dọc ranh giới phía Tây của cơ sở.

Khu vực chứa nguyên liệu: Nước mưa tại khu vực

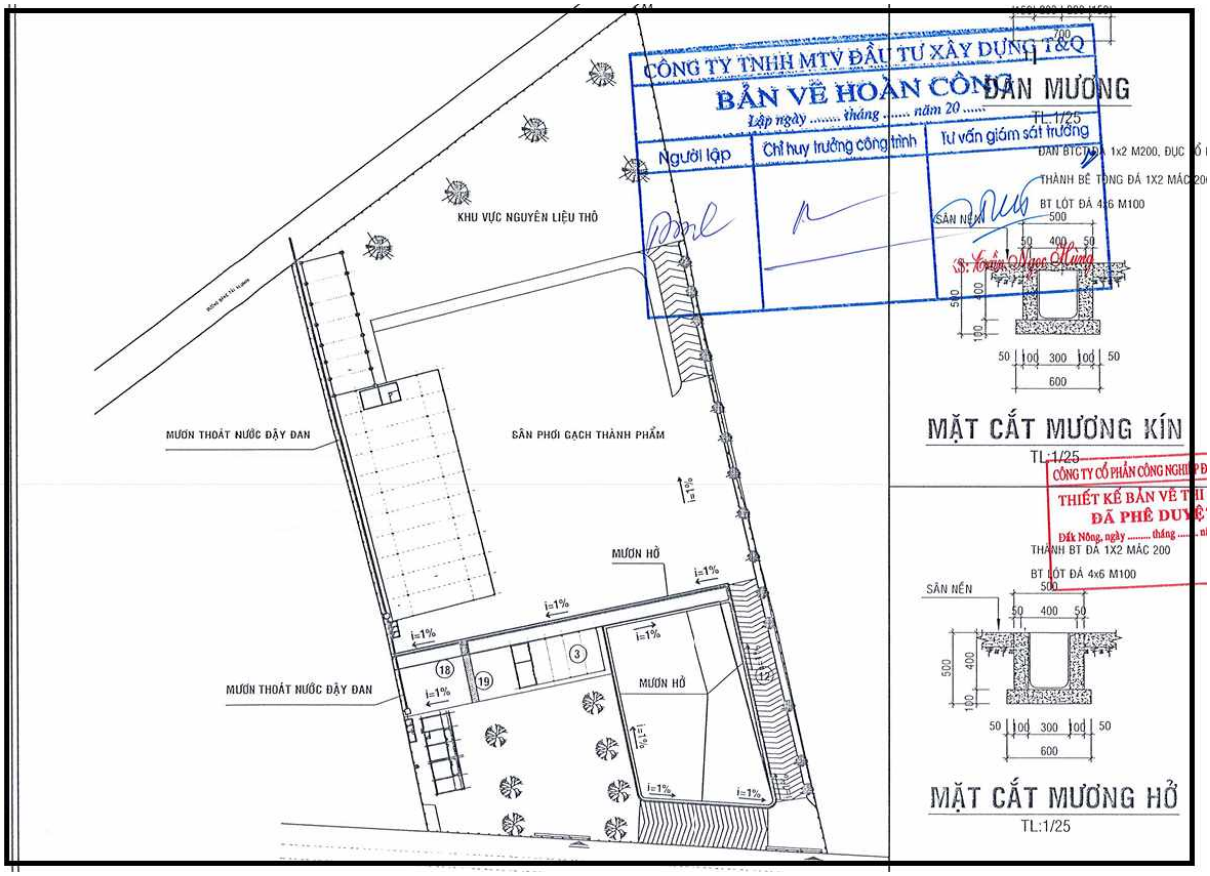

Hình 1. 3. Mặt bằng tổng thể thoát nước mưa

(kèm theo bản vẽ hoàn công tại phụ lục)

1.2. Thu gom, thoát nước thải:

Nguồn phát sinh: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên làm việc tại cơ sở.

Khối lượng phát sinh: Nước thải sinh hoạt công nhân là khoảng 1,7 m^3/ngày.đêm.

Sơ đồ mạng lưới thu gom, thoát nước thải tại cơ sở như sau:

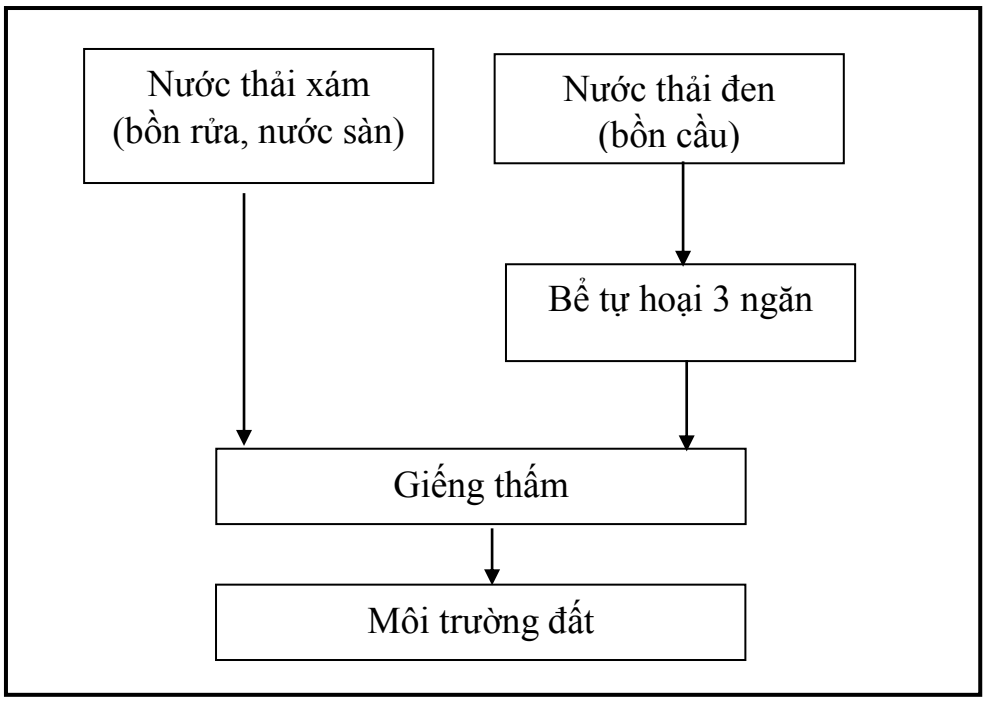

Hình 2. Sơ đồ tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải tại cơ sở

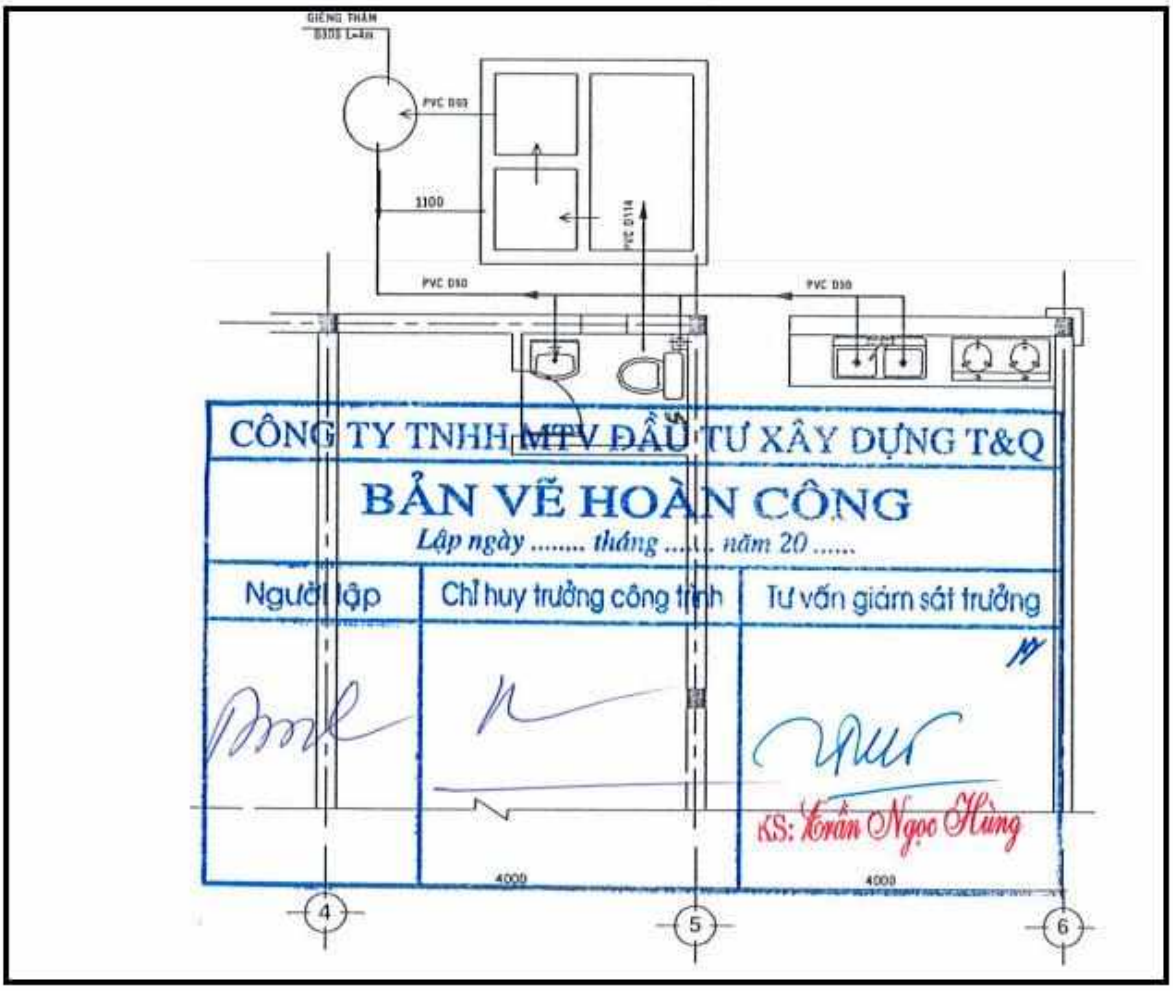

Hình 3. Bản vẽ mặt bằng thoát nước thải sinh hoạt

Bảng 1. Các thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom, thoát nước thải

TT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Kết cấu
1	Ống thu gom, thoát nước thải xám	m	10	Ống uPVC D90, Nhựa PVC dày 2,2 mm
2	Ống thu gom, thoát nước thải đen	m	4	Ống uPVC D114, Nhựa PVC dày 5,5 mm
3	Giếng thấm	Cái	1	Bố trí cống Bê tông cốt thép chịu lực, đường kính 800mm, chiều cao 4m

Nguồn: Hồ sơ bản vẽ hoàn công Dự án năm 2018

Điểm xả nước thải sau xử lý: Vị trí xả thải tại giếng thấm của cơ sở, tọa độ VN2000 X=.....; Y=..... Nước thải sau xử lý trong bể tự hoại 3 ngăn đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt 14:2008/QCVN-BTNMT.

Nguồn tiếp nhận nước thải: Môi trường đất thuộc ranh giới nhà máy.

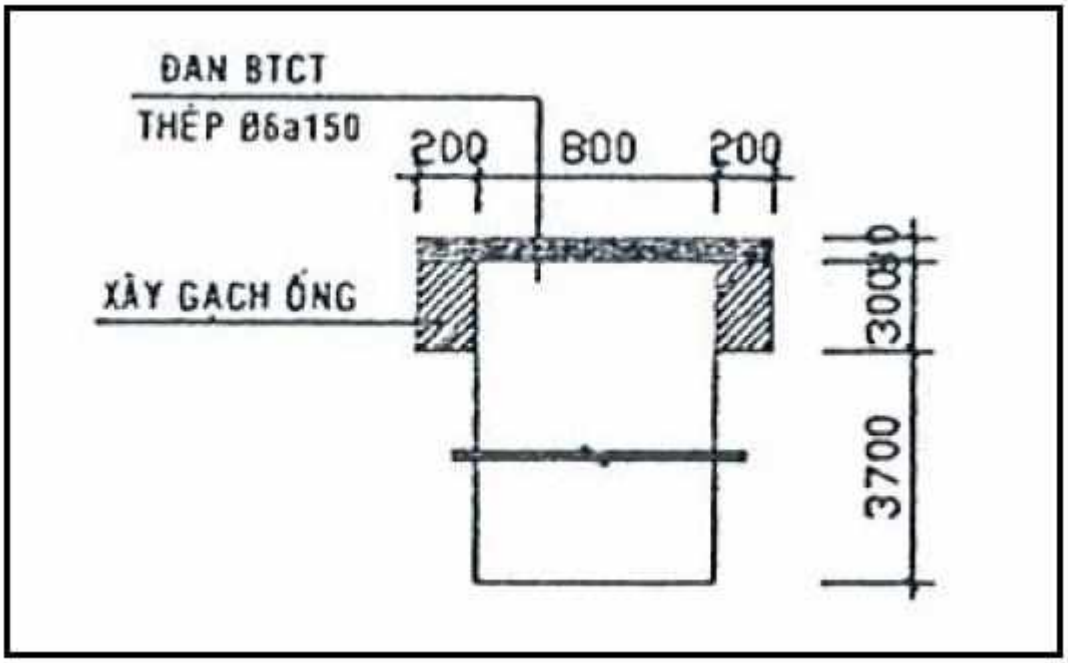

Hình 4. Bản vẽ giếng thấm – điểm xả nước thải

1.3. Xử lý nước thải:

Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn.

Bảng 2. Các thông số kỹ thuật của hệ thống bể tự hoại 3 ngăn tại cơ sở

TT	Loại bể tự hoại	Số lượng	Kết cấu	Đơn vị thi công
1	Bể tự hoại 3 ngăn (ngăn chứa, ngăn lắng, ngăn lọc)	1	- Thể tích xây dựng: dài 2,65 m * rộng 2,45 m * cao 1,7 m = 6,5 m^3/bể. - Kết cấu tường bể xây gạch ống; trát tường VXM mác 75, dày 20 cm; đáy bể đổ bê tông đá 1x2 dày 200; ống PVC vào, ra Bể tự hoại D 114. Thời gian hoạt động: 24/24h; ngăn lọc có bỏ vật liệu đá gồm các lớp: đan bê tông dày 70 (có lỗ); lớp đá 30x40 dày 200; lớp đá 10x20 dày 150; lớp đan bê tông dày 100.	Công ty TNHH MTV CĐ1

Nguồn: Bản vẽ hoàn công của cơ sở

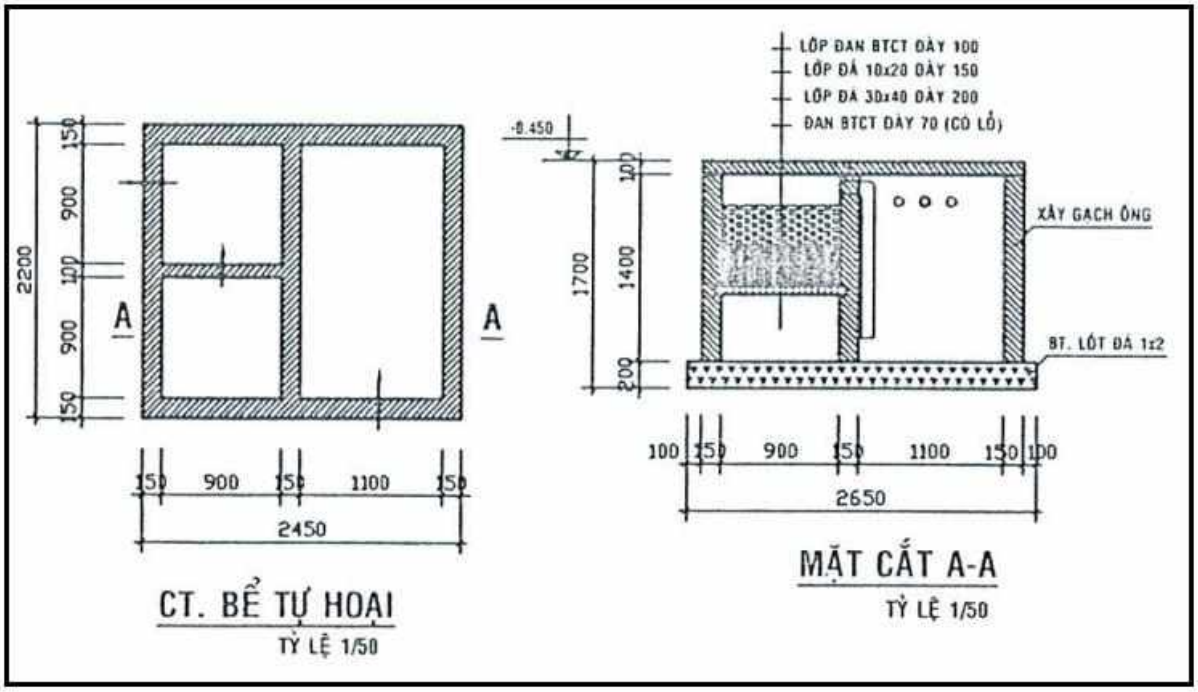

Hình 5. Bản vẽ bể tự hoại 3 ngăn

Thuyết minh quy trình xử lý:

Toàn bộ nước thải sinh hoạt của công nhân tại cơ sở được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn rồi chảy về giếng thấm của cơ sở để thấm vào môi trường đất.

Đặc điểm vận hành của bể tự hoại 3 ngăn gồm:

+ Nước thải sinh hoạt được đưa vào ngăn thứ nhất của bể (bể chứa lớn nhất, có vai trò làm ngăn lắng - lên men kỵ khí, đồng thời điều hoà lưu lượng và nồng độ chất bẩn trong dòng nước thải.

Nước thải sau ngăn thứ nhất sẽ tiếp tục được đưa vào ngăn thứ 2 qua 2 đường ống và các vách ngăn hướng dòng (nước thải chuyển động theo chiều từ dưới lên trên) sẽ tiếp xúc với các sinh vật kị khí ở lớp bùn dưới đáy bể ở điều kiện động. Các chất hữu cơ được các sinh vật kị khí hấp thụ và chuyển hóa giúp chúng phát triển bên trong của từng khoang bể chứa. Điều này sẽ giúp bóc tách riêng 2 pha là lên men Axit và lên men kiềm nhờ phản ứng kị khí này. Ở những ngăn đầu, các vi khuẩn tạo axít sẽ chiếm ưu thế, trong khi ở những ngăn sau, các vi khuẩn tạo Metal sẽ là chủ yếu.

Tại ngăn lọc cuối cùng của bể (ngăn thứ 3) là ngăn lọc kỵ khí, có tác dụng làm sạch bổ sung nước thải. Các vi sinh vật kỵ khí gắn bám trên bề mặt các hạt của lớp vật liệu lọc, sẽ ngăn cặn lơ lửng trôi ra theo nước, làm sạch nước thải.

Bể tự hoại hoạt động theo nguyên lý xử lý nước thải theo dòng chảy ngược hướng lên (bằng các vách ngăn hướng dòng), qua lớp bùn đáy. Nước thải trước khi thải ra môi trường được lọc qua một lớp vật liệu lọc thông thường (đan bê tông dày 70 (có lỗ); lớp đá 30x40 dày 200; lớp đá 10x20 dày 150; lớp đan bê tông dày 100) bố trí tại ngăn cuối cùng của bể (làm vách ngăn) cho phép nâng hiệu suất xử lý chất hữu cơ và cặn lơ lửng thêm 10 - 20%. Hiệu suất xử lý trung bình theo COD, BOD_5 và TSS tương ứng là 75 – 90%, 70 – 85% và 75 – 95%, Chất hữu cơ (N, P) đạt trung bình 91%.

Các chất khí tạo nên trong quá trình phân hủy như CH_4, CO_2, NO_2, H_2S,… sẽ thoát ra theo ống dẫn khí.

Nước thải sau xử lý được dẫn ra giếng thấm để tự thấm vào môi trường đất.

Bùn trong bể tự hoại sẽ được lấy ra định kỳ. Mỗi lần lấy cặn bùn trong đó để lại 20% lượng cặn trong bể để làm giống men cho bùn cặn tươi mới lắng, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình lên men.

Hiện cơ sở vận hành được 3 năm, các bể chưa đầy bùn, do đó chưa tiến hành hút bùn; dự kiến trong năm 2024 sẽ kiểm tra và hút một số bể nếu cần thiết.

1.4. Các thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục

Cơ sở không thuộc đối tượng lắp thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động liên tục.

1.5. Mô tả các biện pháp xử lý nước thải khác: Không có

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

2.1. Công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải

- Công trình thu gom khí thải trước khi được xử lý: Mô tả chi tiết thông số kỹ thuật cơ bản (kết cấu, kích thước, chiều dài,...) của từng công trình thu gom khí thải từ nguồn phát sinh dẫn về công trình xử lý khí thải;

- Công trình xử lý bụi, khí thải đã được xây dựng, lắp đặt hoặc hệ thống thiết bị xử lý khí thải đồng bộ, hợp khối, trong đó làm rõ: chức năng của công trình (xử lý bụi, khí thải cho công đoạn hoặc dây chuyền sản xuất nào của cơ sở); quy mô, công suất, quy trình vận hành và chế độ vận hành của công trình (có sơ đồ minh họa quy trình công nghệ xử lý); các loại hóa chất, xúc tác sử dụng; định mức tiêu hao điện năng, hóa chất cho quá trình vận hành công trình; yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn (nếu có) áp dụng đối với bụi, khí thải sau xử lý. CO/CQ của hệ thống thiết bị xử lý khí thải đồng bộ, hợp khối (nếu có);

Sơ đồ tổng thể thu gom, xử lý bụi tại cơ sở như sau:

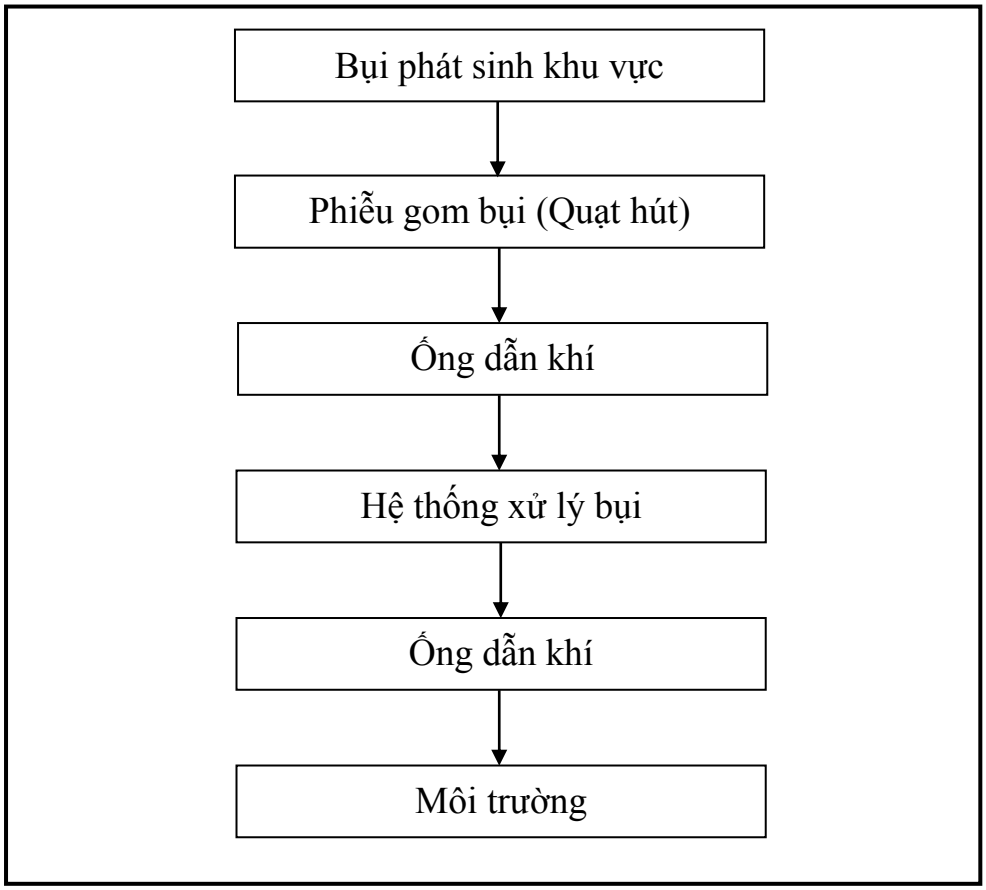

Hình 6. Sơ đồ tổng thể thu gom, xử lý bụi tại cơ sở

Thuyết minh công nghệ xử lý bụi của nhà máy sản xuất gạch không nung:

Bụi từ khu vực sản xuất gạch được thu gom bằng quạt hút, đi theo đường ống vào hệ thống xử lý bụi.

Bên trong hệ thống xử lý khí thải, dòng khí bụi chuyển động với vận tốc cao (70 - 150 m/s) va đập vào dung dịch hấp thụ (NaOH) tạo thành những giọt cực nhỏ. Vận tốc xoáy rối cao của dòng khí cộng thêm vận tốc tương đối giữa bụi và giọt lỏng lớn thúc đẩy quá trình lắng bụi trên các giọt lỏng. Yêu cầu thông số thiết bị <= 500 N/m^2, nước: 0,5 - 8 m^3.

Hiệu suất xử lý bụi của hệ thống khí thải là 99,5. Khí thải tiếp tục đi qua tháp hấp thụ, để hấp thụ hoàn toàn các chất ô nhiễm còn lại. Tháp hấp thụ bao gồm các lófp vật liệu hấp thụ được bố trí hợp lý.

Không khí sau xử lý nằm trong quy chuẩn khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ 19:2009/QCVN-BTNMT.

2.2. Các thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục

Cơ sở không thuộc đối tượng lắp thiết bị, hệ thống quan trắc khí thải tự động liên tục.

2.3. Mô tả các biện pháp xử lý bụi, khí thải khác

- Không sử dụng xe vận chuyển, máy cũ, đảm bảo đủ tiêu chuẩn xe chuyên dụng và có giấy phép hoạt động của đăng kiểm Việt Nam.

- Đối với các phương tiện vận chuyển của cơ sở sử dụng nhiên liệu đúng chủng loại có hàm lượng lưu huỳnh <0,05%.

- Thường xuyên bảo dưỡng thiết bị xe, điều khiển xe, thiết bị máy móc để có thể làm việc ở trạng thái tốt nhất.

- Trồng cây xanh trong khuôn viên cơ sở.

- Trang bị khẩu trang và bảo hộ lao động cho công nhân.

- Thường xuyên quét dọn khu vực nhà kho, thiết kế thông thoáng.

- Bê tông hóa sân bãi và các tuyến đường giao thông nội bộ, thường xuyên vệ sinh các tuyến đường.

3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.1. Công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường

Rác thải từ các hoạt động sinh hoạt trong phân xưởng bao gồm 2 dạng:

- Loại rác thải vô cư như đồ hộp, vỏ lon, nhựa, thủy tinh...
- Loại rác thải hữu cơ gồm thức ăn dư, vỏ trái, cây...

Lượng rác thải sinh hoạt phát sinh ít do không nấu ăn trong khu vực nhà máy, ước tính khoảng 10,4-11 kg/ngày.

3.2. Công trình xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Công trình xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường tự phát sinh trong khuôn viên cơ sở (nếu có): Mô tả chức năng, quy mô, công suất, công nghệ, các thông số kỹ thuật cơ bản kèm theo quy trình vận hành.

- Báo cáo về chủng loại, khối lượng chất thải rắn thông thường (rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường,...) phát sinh tại cơ sở;

- Mô tả các biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường khác (nếu có).

3.1. Công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường

➢ Khối lượng phát sinh

− Chất thải sinh hoạt: Trong quá trình hoạt động của cơ sở, với số lượng công nhân làm việc là 13 người; tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 1.820 kg/năm.

− Chất thải công nghiệp thông thường: 55 kg/năm, cụ thể thống kê dưới bảng sau:

Bảng 3. Chất thải công nghiệp thông thường

TT	Loại chất thải	Mã chất thải	Mã EC	Trạng thái (thể) tồn tại thông thường	Khối lượng (kg/năm)
1	Bùn thải từ bể tự hoại	12 06 13	19 08 14	Bùn	5*
2	Nguyên liệu rơi vãi			Rắn	50*

Nguồn: Công ty Cổ phần Công nghiệp Đắk Nông, năm 2024

Ghi chú:

− **: Khối lượng ước tính do chưa phát sinh.*

➢ Biện pháp thu gom, quản lý:

− Chất thải sinh hoạt:

+ Công ty trang bị mỗi phòng làm việc, mỗi phòng ở công nhân 01 thùng rác 10 lít có nắp đậy kín, tại khu vực bếp ăn công nhân đặt thùng 30 lít.

+ Tại vị trí tập kết chất thải sinh hoạt để đơn vị thu gom đến vận chuyển đi

xử lý: Công ty đã đầu tư 01 thùng chứa rác sinh hoạt có nắp đậy 120 lít để chứa chất thải sinh hoạt. Vị trí đặt thùng rác: khu vực đặt thùng có mái che.

- Chất thải công nghiệp thông thường:

+ Bùn thải từ bể tự hoại: lượng nước thải sinh hoạt ít, trong khi thể tích bể tự hoại lớn, do đó, lượng bùn sinh ra chưa đáng kể, chúng tôi chưa tiến hành nạo vét. Lượng bùn này sẽ được kiểm tra thường xuyên và nạo vét khi lượng đủ lớn.

+ Nguyên liệu rơi vãi: được thu gom hàng này và tái sản xuất, không xả thải ra môi trường.

➢ Quy trình vận hành

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Cuối giờ làm việc, rác thải sẽ được công nhân thu gom về khu vực tập kết rác trước khi giao cho Công ty Cổ phần cấp nước và phát triển đô thị Đắk Nông thu gom.

+ Rác thải sinh hoạt được hợp đồng thu gom với Công ty Cổ phần cấp nước và phát triển đô thị Đắk Nông. Tần suất thu gom 1 lần/tuần vào thứ 7.

(Kèm theo biên lai thu phí tại phụ lục)

3.3. Công trình xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

Cơ sở tái sản xuất chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 82 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

➢ Chủng loại, khối lượng phát sinh:

Bảng 4. Các loại chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở trong 1 năm

Mã chất thải	Tên chất thải	Tính chất nguy hại chính	Trạng thái (thể) tồn tại thông thường	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
08 02 04	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải		Rắn		

16 01 06	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Đ, ĐS	Rắn	NH	
18 02 01	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã nguy hại khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm thành phần nguy hại	Đ, ĐS	Rắn	KS*	
17 02 04	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Đ, ĐS	Rắn	KS*	
18 01 02	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra ngoài là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	Đ, ĐS	Rắn	KS*	
19 06 01	Ắc quy chì thải		Rắn	KS*	
	Tổng khối lượng phát sinh				

Nguồn: Công ty Cổ phần Công nghiệp Đắk Nông, năm 2024

Ghi chú:

- **: Chất thải tạm đưa vào danh mục chất thải nguy hại do chưa có kết quả phân tích ngưỡng chất thải nguy hại. Khi có kết quả sẽ áp dụng theo quy định hiện hành.*

- *Khối lượng chất thải được thống kê theo chứng từ thu gom chất thải nguy hại năm 2022 và Báo cáo năm 2023. (kèm theo chứng từ tại phụ lục).*

- *In nghiêng: Khối lượng chất thải nguy hại lưu chứa tại kho chứa chất thải nguy hại hiện trạng.*

➢ Biện pháp quản lý, xử lý:

Chất thải nguy hại phát sinh -> Kho chứa chất thải nguy hại (để riêng biệt từng loại chất thải trong thùng có nắp đậy và dán nhãn đầy đủ) -> Hợp đồng thu gom với đơn vị có chức năng.

– Quy hoạch thùng chứa chất thải nguy hại tách biệt.

– Phân loại chất thải nguy hại, không để tình trạng lẫn lộn với các chất thải khác.

– Thùng chứa chất thải nguy hại có biển báo theo quy định, kín, tránh hiện tượng xâm thực của nước mưa làm lan truyền chất thải nguy hại.

– Các hoạt động bảo dưỡng phương tiện, thiết bị được thực hiện tại các garage trên địa bàn. Do đó, chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động này sẽ do chủ garage thu gom và xử lý theo đúng quy định.

➢ Các thông số kỹ thuật kho chứa chất thải nguy hại

– Kho chứa chất thải nguy hại tạm thời có diện tích 5 m x 2,45 m = 12,25 m^2, cao 3,6m. Quy cách nhà chứa chất thải nguy hại: bố trí tại khu vực ít người qua lại, có cửa khóa an toàn. Nhà chứa có 2 cửa chính: tiện lợi cho việc thu gom đưa đi xử lý.

Hình 7. Hình ảnh kho chứa chất thải nguy hại tại cơ sở

– Kho chứa CTNH của được xây dựng theo TCVN 4317:1986 – Nhà kho – nguyên tắc cơ bản thiết kế và đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 như sau:

+ Sàn trong khu vực lưu trữ CTNH được thiết kế để tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

+ Có sàn nền bê tông cốt thép Mac 200 dày 100, bảo đảm kín khít, không rạn nứt, chống thấm tốt,…

+ Có tường tường bao bằng tôn, mái lợp tôn.

+ Công ty đã trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (thiết bị, dụng cụ phòng cháy, chữa cháy; vật liệu hấp thụ như cát khô/mùn cưa, xẻng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng).

+ Lắp đặt các biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo TCVN 6707:2009 với kích thước 30x30cm, được in rõ ràng, dễ đọc, không bị mờ và phai màu.

Hình 8. Dụng cụ PCCC và biển cảnh báo bên trong và bên ngoài kho chứa chất thải nguy hại

✓ **Về các thiết bị lưu chứa:**

– Đầu tư 35 thùng chứa chất thải nguy hại dạng rắn có dung tích 250 lít, thùng chứa đáp ứng các yêu cầu chung như sau:

+ Vỏ có khả năng chống được sự ăn mòn, không bị gỉ, không phản ứng hóa học với CTNH chứa bên trong, có khả năng chống thấm hoặc thẩm thấu, có gia cố hoặc thiết kế đặc biệt tại điểm tiếp nối và vị trí xếp, dỡ hoặc nạp, xả chất thải để tránh rò rỉ.

+ Kết cấu cứng chịu được va chạm, không bị hư hỏng, biến dạng, rách vỡ bởi trọng lượng chất thải trong quá trình sử dụng.

Hình 9. Không gian bên trong nhà chứa chất thải nguy hại

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung (nếu có):

- Cải tiến, thiết kế máy và quy trình vận hành, kiểm soát chấn động, tăng cường học nguồn âm bằng các vật liệu hút ẩm.

- Hạn chế tiếng ồn do xe cộ vận chuyển bằng cách tổ chức, quy hoạch các đường giao thông nội bộ hợp lý.

- Trồng cây xanh xung quanh nhà máy.

Đảm bảo tiếng ồn phát sinh tại nhà máy nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn cho phép: 26:2010/BTMNT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Các công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

Để phòng chống các sự cố cháy nổ xảy ra, chủ doanh nghiệp xây dựng các phương án trên cơ sở các tiêu chuẩn sau:

- TCVN 2622-78: Tiêu chuẩn phòng cháy chữa cháy cho nhà máy và công trình

- TCVN 3254:1989 - An toàn cháy - Yêu cầu chung

- TCVN 3255:1986 - An toàn nổ - Yêu cầu chung

- TCVN 5760:1993 - Hệ thống chữa cháy - Yêu cầu chung về thiết kế,lắp đặt và sử dụng.

Công ty đã thực hiện các biện pháp PCCC như sau:

- Đã trang bị hệ thống PCCC bao gồm: 10 bình chữa cháy tại chỗ (6 bình CO2, 4 bình bột), cát, vòi chữa cháy, bồn chứa nước, lắp đặt hệ thống báo cháy,...

- Đã xây dựng nội quy PCCC và niêm yết nội quy tiêu lệnh về PCCC.

- Ban hành Quyết định về việc thành lập Đội phòng cháy chữa cháy cơ sở.
- Chấp hành đầy đủ các quy định về PCCC của cơ quan PCCC.
- Xây dựng đội phòng cháy chữa cháy tại nhà máy.

➢ Biện pháp giảm thiểu sự cố môi trường.

- Đối với mạng lưới cấp thoát nước.
- Thường xuyên kiểm tra đường ống cấp thoát nước.
- Làm vệ sinh, nạo vét cống rãnh và các ống dẫn nước thải, nước mưa.

6.2. Mô tả biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác

7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

Mô tả các công trình bảo vệ môi trường khác (nếu có), trong đó phải làm rõ chức năng, các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình. Mô tả các biện pháp bảo vệ môi trường khác áp dụng đối với cơ sở.

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

1.1 Nguồn phát sinh nước thải

Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân viên làm việc tại cơ sở

1.2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

1.2.1. Dòng nước thải

Dòng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân viên làm việc tại cơ sở được thu gom xử lý qua bể tự hoại, sau đó chảy vào giếng thấm để thấm vào môi trường đất.

1.2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải

Môi trường đất trong ranh giới cơ sở tại thôn 2, xã Nhân Đạo, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông.

1.3. Vị trí xả nước thải

Giếng thấm sau khi xử lý qua bể tự hoại.

Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1393823; Y = 432044 *(Tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 108,5^0, múi chiếu 3^0).*

1.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất

Lưu lượng xả thải lớn nhất tại cơ sở là 1,6 m^3/ngày đêm.

- *Phương thức xả nước thải: tự chảy.*
- *Chế độ xả nước thải: liên tục 24h.*
- *Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:*

Bảng 5. Thông số ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép

Thành phần môi trường	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	QCVN 14:2008 /BTNMT (cột B) K = 1,2	Tần suất quan trắc định kỳ

Hóa lý	pH	-	5-9	Cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ và quan trắc tự động theo Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP
	TSS	mg/l	120	
	TDS	mg/l	1.200	
	BOD_5	mg/l	60	
	NH_4^+	mg/l	12	
	NO_3^-	mg/l	60	
	PO_4^{3-}	mg/l	12	
	H_2S	mg/l	4,8	
Vi sinh	Coliform	MNP/100ml	5.000	
Nhóm khác	Chất HĐBM	mg/l	12	
	Tổng dầu mỡ	mg/l	24	

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

2.1. Nguồn phát sinh, lưu lượng xả khí thải tối đa:

Nguồn số 1: Khí thải (chủ yếu là bụi từ nguyên vật liệu) ống thải khu vực xưởng sản xuất. Lưu lượng xả khí thải tối đa: 49.000 m^3/giờ.

2.2. Dòng khí thải

Dòng khí thải: Bụi phát sinh từ hoạt động của dây chuyền sản xuất tại cơ sở được thu gom bằng quạt hút li tâm và xử lý hệ thống lọc bụi túi vải, sau đó thoát ra ngoài môi trường không khí qua ống thải.

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải:

Bảng 6. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong khí thải

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị đo	Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 19:2009/BTNMT (cột B)
1	Bụi tổng	mg/Nm^3	200

QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007.

- Tọa độ vị trí xả khí thải (Tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $108^0$30', múi chiếu 3^0): X = 1324012; Y = 404724.

Phương thức xả thải: Khí thải được xả ra môi trường qua ống khói, gián đoạn vào những thời điểm hoạt động sản xuất.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh tiếng ồn:

Nguồn số 1: Tiếng ồn từ hoạt động của máy móc

- Vị trí phát sinh tiếng ồn: Khu vực xưởng sản xuất.
- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn:

Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn hiện nay, giá trị giới hạn của tiếng ồn phát sinh trong quá trình sản xuất của cơ sở sẽ được áp dụng theo QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, cụ thể trình bày trong bảng sau:

Bảng 7. Giá trị giới hạn tiếng ồn trong quá trình sản xuất của cơ sở

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị đo	Giá trị giới hạn (theo QCVN 24:2016/BYT – giới hạn với thời gian tiếp xúc với tiếng ồn là 8h)
1	Tiếng ồn	dBA	85

Chương V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Không quan trắc nước thải sinh hoạt

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải

- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần
- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc:

Bảng 8. Thống kê vị trí điểm quan trắc

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Vị trí lấy mẫu	
				X	Y
1	Khu nhà xưởng sản xuất gạch	KK01	Ngày 08/05/2023; Ngày 17/11/2023	1322378	397451
2	Khu vực bãi chứa nguyên liệu đóng gạch	KK02	Ngày 17/11/2023; Ngày 17/11/2023	1322352	397433

1. QCVN 24:2016/BYT– Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

2. QCVN 02:2019/BYT– Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị giới hạn cho phép bụi tại nơi làm việc.

3. QCVN 03:2019/BYT– Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

- Thông số quan trắc:

Bảng 9. Danh mục thông số quan trắc

TT	Thành phần môi trường quan trắc	Phương pháp thử nghiệm
1	Độ ồn	TCVN 7878-2:2010
2	Nhiệt độ	QCVN 46:2012/BTNMT
3	Độ ẩm	QCVN 46:2012/BTNMT

TT	Thành phần môi trường quan trắc	Phương pháp thử nghiệm
4	Tốc độ gió	QCVN 46:2012/BTNMT
5	Bụi	TCVN5067 : 1995
6	NO2	TCVN 6137 : 2009
7	SƠ2	TCVN 5971 : 1995
8	CO	HDCV - QTK - 04

- Đơn vị thực hiện quan trắc: Công ty TNHH Bách Việt Đồng Nai. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường số hiệu VIMCERTS 045 theo Quyết định số 309/QĐ-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 22 tháng 02 năm 2021. Giấy chứng nhận phòng thử nghiệm môi trường số hiệu VILAS 521 theo Quyết định số 280.2021/QĐ-VPCNCL do Bộ Khoa học và Công nghệ cấp ngày 27 tháng 05 năm 2021.

- Nhận xét, đánh giá kết quả quan trắc:

Kết quả mỗi thành phần quan trắc được tổng hợp thành các bảng sau:

Bảng 10. Kết quả quan trắc năm 2021

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả		QCVN 24: 2016/BYT	QCVN 26: 2016/BYT
		KK01	KK02		
Đợt 1					
Độ ồn	dBA	65,7	82,9	≤94	-
Nhiệt độ	^oC	30,8	31,2	-	18-32
Độ ẩm	%	65,4	64,2	-	40-80
Tốc độ gió	m/s	0,8	0,6	-	0,2 -1,5
Bụi	mg/m^3	268	1,78	8	-
CO	mg/m^3	3.521	5,8	-	40
NO_2	mg/m^3	95	0,21	-	10
SO_2	mg/m^3	81	0,24	-	10
Đợt 2					
Độ ồn	dBA	66,4	81,6	≤94	-

Nhiệt độ	^oC	31,2	30,3	-	18-32
Độ ẩm	%	67,5	63,8	-	40-80
Tốc độ gió	m/s	0,9	0,8	-	0,2 -1,5
Bụi	mg/m^3	257	1,65	8	-
CO	mg/m^3	3.500	5,5	-	40
NO_2	mg/m^3	91	0,32	-	10
SO_2	mg/m^3	77	0,26	-	10

Nguồn: Phiếu kết quả thử nghiệm – Công ty TNHH Bách Việt Đồng Nai năm 2023

Ghi chú:

- *Dấu (-): không quy định trong quy chuẩn*

Kết luận: Thông qua kết quả quan trắc 02 vị trí nhận thấy tất cả các thông số được quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép.

3. Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo

Bảng 11. Thống kê vị trí điểm quan trắc khí thải

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Tọa độ vị trí lấy mẫu *(Tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $180^0 30'$, múi chiếu 3^0)*		Mô tả điểm quan trắc
			X	Y	
1	Khí thải (chủ yếu là bụi từ nguyên vật liệu) ống thải khu vực xưởng sản xuất	KT01	1324012	404724	Tại khu vực xưởng sản xuất

- *Đơn vị thực hiện quan trắc: Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường.*

+ Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo Quyết định số 487/QĐ-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 15 tháng 03 năm 2022 với mã số VIMCERTS 118.

+ Chứng chỉ công nhận VILAS số 1.0843 theo Quyết định số 252/QĐ-AOSC ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Giám đốc Văn phòng công nhận năng

lực đánh giá sự phù hợp về tiêu chuẩn chất lượng - Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam.

Bảng 12. Kết quả quan trắc

STT	Thông số	Đơn vị đo	Kết quả			QCVN 19:2009 /BTNMT (Cột B)
			Lần 1	Lần 2	Lần 3	
1	Lưu lượng	m^3/h	47.520	9.072	18.769	-
2	Bụi tổng	mg/Nm^3	27,12	16,53	23,4	200

Nguồn: Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường, năm 2024

Ghi chú:

- *QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.*
- *(-): Không quy định trong QCVN; Kết quả đo trung bình 60 phút.*

***Nhận xét*:**

Kết quả đo đạc chỉ tiêu bụi phát sinh tại khu vực xưởng sản xuất nằm trong giới hạn cho phép theo của QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. Điều này chứng tỏ bụi phát sinh từ ống thải khu vực xưởng sản xuất của nhà máy không ảnh hưởng lớn đến chất lượng môi trường không khí trong khu vực.

Chương VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở, chủ cơ sở tự rà soát và đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải (nếu có trong trường hợp đề xuất cấp, cấp lại giấy phép môi trường) và chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn hoạt động, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

Lập danh mục chi tiết kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành của cơ sở, gồm: thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc. Công suất dự kiến đạt được của từng hạng mục hoặc của cả cơ sở tại thời điểm kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm.

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

- Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu chất thải trước khi thải ra ngoài môi trường hoặc thải ra ngoài phạm vi của công trình, thiết bị xử lý.

- Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải: Việc đánh giá phải được thực hiện cho từng công đoạn xử lý và toàn bộ hệ thống xử lý (lấy mẫu tổ hợp), trường hợp công trình, thiết bị xử lý hợp khối hoặc công trình xử lý chất thải quy mô nhỏ chỉ thực hiện lấy mẫu đơn để quan trắc; thời gian, tần suất lấy mẫu phải thực hiện theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định.

- Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

- Quan trắc nước thải: vị trí, tần suất, thông số giám sát, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.

- Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp: vị trí, tần suất, thông số giám sát, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:

- Quan trắc nước thải: thông số quan trắc, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.

- Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp: số lượng, thông số giám sát, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Dự kiến kinh phí giám sát môi trường của cơ sở trong quá trình hoạt động như sau:

Bảng 13. Kinh phí giám sát môi trường của cơ sở

TT	Hạng mục	Kinh phí (VNĐ)
1	Giám sát chất lượng khí thải	6.000.000
2	Giám sát chất thải rắn thông thường	3.000.000
3	Giám sát chất thải nguy hại	3.000.000
4	Công viết báo cáo	5.000.000
5	In+photo đóng cuốn báo cáo	1.000.000
Tổng cộng		18.000.000

Tổng kinh phí giám sát môi trường hàng năm trong quá trình hoạt động của cơ sở là: **18.000.000 đồng/năm**.

Chương VII

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong năm 2022, cơ sở không có các đoàn thanh tra, kiểm tra vào làm việc tại nhà máy.

Năm 2023, cơ sở tiếp đoàn kiểm tra số 3502 ngày 12/12/2023, cơ sở đã khắc phụ kết luận kiểm tra như sau:

- Hợp đồng thu gom chất thải nguy hại: Công ty đã tiến hành ký hợp đồng thu gom chất thải nguy hại 182-ASTN/HĐKT-CTNH/2024 với Công ty TNHH thương mại và xây dựng An Sinh ngày 15/4/2024 (kèm hợp đồng tại phụ lục báo cáo)

- Hợp đồng thu gom chất thải sinh hoạt: Công ty đã bổ sung biên lai thu gom rác thải sinh hoạt vào phụ lục báo cáo.

- Hệ thống thu gom nước mua sân bãi khu chứa nguyên liệu: Công ty đã thi công xây dựng hệ thống mương thu gom thoát nước mưa. (kèm theo bản vẽ tại phụ lục)

Chương VIII
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Công ty Cổ phần Công nghiệp Đắk Nông cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở "Nhà máy sản xuất gạch không nung Đắk Nông".

Công ty Cổ phần Công nghiệp Đắk Nông cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

Cam kết việc quản lý chất thải tuân thủ theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Ngoài ra, Công ty Cổ phần Công nghiệp Đắk Nông cũng xin cam kết thực hiện các biện pháp khác như:

– Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy.

– Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

– Cam kết phối hợp với chính quyền địa phương đảm bảo an ninh trật tự trong suốt quá trình hoạt động của cơ sở.

– Cam kết thường xuyên giám sát các công trình xử lý môi trường để có biện pháp phòng chống, khắc phục kịp thời các nguy cơ có thể xảy ra sự cố.

– Đảm bảo đủ kinh phí và thực hiện nghiêm chương trình giám sát môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

PHỤ LỤC CÁC HỒ SƠ PHÁP LÝ CỦA DỰ ÁN

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc các giấy tờ tương đương;

- Giấy tờ về đất đai hoặc bản sao hợp đồng thuê đất của cơ sở theo quy định của pháp luật;

- Bản vẽ hoàn công công trình bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về xây dựng;

- Biên bản nghiệm thu, bàn giao các công trình bảo vệ môi trường hoặc các văn bản khác có liên quan đến các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở;

- Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường;

- Văn bản về quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành;

- Các phiếu kết quả quan trắc môi trường tại cơ sở;

- Bản sao kế hoạch bảo vệ môi trường và giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của cơ sở.

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH ĐẮK NÔNG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 6400348804

Đăng ký lần đầu: ngày 04 tháng 03 năm 2016

Đăng ký thay đổi lần thứ: 4, ngày 11 tháng 12 năm 2020

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP ĐẮK NÔNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DAK NONG INDUSTRY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thôn 2, Xã Nhân Đạo, Huyện Đắk R'Lấp, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

Điện thoại: *02613 645 699* Fax: *02613 645 699*

Email: *ctycongnghiepdaknong@gmail.com* Website:

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 2.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN THÀNH LUÂN Giới tính: *Nam*

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: *25/03/1987* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *036087012039*

Ngày cấp: *09/03/2020* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 4, Khu Tân Lâm, Thị Trấn Lâm, Huyện ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 4, Khu Tân Lâm, Thị Trấn Lâm, Huyện ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Nguyễn Xuân Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP ĐẮK NÔNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 08 /QĐ-DNI	*Đắk Nông, ngày 01 tháng 8 năm 2016*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt dự án đầu tư Nhà máy sản xuất gạch không nung Đắk Nông

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP ĐẮK NÔNG

- Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH12 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư;
- Căn cứ Quyết định số 1053/QĐ-UBND ngày 30/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc Phê duyệt chủ trương dự án đầu tư Nhà máy gạch không nung Đắk Nông của Công ty cổ phần Công nghiệp Đắk Nông;
- Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Công nghiệp Đắk Nông;
- Xét đề nghị của Giám đốc Công ty.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất gạch không nung Đắk Nông với các nội dung sau:

1. Tên dự án: Dự án Nhà máy sản xuất gạch không nung Đắk Nông.

2. Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Công nghiệp Đắk Nông

3. Tổ chức tư vấn lập dự án, lập thiết kế cơ sở: Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Bảo Khuê

4. Chủ nhiệm lập dự án: Ông Đỗ Văn Yên - Giám đốc Công ty

5. Mục tiêu của dự án: Sản xuất các loại gạch xây dựng, gạch trang trí không nung từ nguồn nguyên liệu xỉ than, tro bay thải ra từ Nhà máy nhiệt điện thuộc Dự án tổ hợp Bauxit - Nhôm Nhân Cơ, Đắk Nông.

6. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:

- Công suất thiết kế:
  + Giai đoạn 1: Khoảng 40 triệu viên QTC/năm;
  + Giai đoạn 2: Khoảng 60 triệu viên QTC/năm;
- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp: Các loại gạch xây dựng, gạch trang trí không nung.
- Quy mô kiến trúc xây dựng:
  + Diện tích xây dựng Nhà máy sản xuất: Khoảng 2.000 m^2;
  + Diện tích khu văn phòng điều hành: 300 m^2;

Được quét bằng CamScanner

+ Diện tích sàn xây dựng: 5.000 m^2;

+ Chiều cao công trình: khoảng 9m.

7. Địa điểm thực hiện dự án: tại Thôn 2, Xã Nhân Đạo, Huyện Đắk R'Lấp, Tỉnh Đắk Nông.

8. Diện tích sử dụng đất: khoảng 22.400 m^2 tại Thôn 2, Xã Nhân Đạo, Huyện Đắk R'Lấp, Tỉnh Đắk Nông.

9. Phương án xây dựng:

- Hạ tầng kỹ thuật:

+ San lấp mặt bằng: đất được bồi đắp và san lấp từng lớp dày 50 cm, hệ số đầm nén k=0,95.

+ Hệ thống đường giao thông: kết cấu đường gồm 01 lớp bê tông nhựa nóng, 01 lớp cấp phối đá dăm, lớp đá, cát đầm chặt.

+ Hệ thống cấp, thoát nước: tuyến ống cấp, thoát nước được đặt âm trong lòng đất trên lớp đá, cát đầm chặt; có hệ thống cống thoát nước chạy dọc các tuyến đường giao thông; hệ thống hố ga thoát nước được làm bằng bê tông cốt thép.

+ Hệ thống điện: điện được đấu nối từ đường điện trung thế, qua trạm biến áp được lắp đặt cạnh xưởng sản xuất. Dây cáp điện được đặt trong ống nhựa và chôn ngầm dưới đất; có hệ thống chống sét và thiết bị bảo vệ điện.

- Hệ thống nhà xưởng, văn phòng điều hành và các công trình xây dựng khác:

+ Nhà xưởng sản xuất: thi công bằng kết cấu cột, kèo thép, mái lợp tole, có tường gạch bao quanh.

+ Văn phòng điều hành: có kết cấu cột bê tông cốt thép, tường xây gạch, kèo thép, mái lợp tôn.

+ Nhà vệ sinh công nhân: được xây 01 tầng kích thước 3mx3,9m có kết cấu kiểu tường chịu lực, mái lợp tôn.

+ Nhà bảo vệ: được xây 01 tầng kích thước 3mx3m có kết cấu cột bê tông cốt thép, tường xây gạch, mái lợp tôn.

+ Các hạng mục công trình phụ trợ khác (bể nước PCCC, tháp nước sân bê tông, cổng tường rào...): được bố trí và xây dựng theo bản vẽ tổng mặt bằng đảm bảo tiết kiệm quỹ đất.

10. Loại, cấp công trình: Công trình công nghiệp cấp III.

11. Tổng mức đầu tư của dự án:

Tổng mức: khoảng 60.000.000.000 đồng. *(Sáu mươi tỷ đồng Việt Nam)*

Trong đó:

- Chi phí xây dựng, lắp đặt:	18.000.000.000 đồng;
- Chi phí thiết bị:	27.000.000.000 đồng;
- Chi phí khác:	6.000.000.000 đồng;
- Chi phí dự phòng:	3.000.000.000 đồng;
- Vốn lưu động:	6.000.000.000 đồng.

Được quét bằng CamScanner

12. Nguồn vốn đầu tư:

.Vốn tự có: 18.000.000.000 đồng (30% tổng vốn đầu tư);

.Vốn vay từ các tổ chức tín dụng: 42.000.000.000 đồng (70% tổng vốn đầu tư)

13. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

14. Thời gian thực hiện dự án: khoảng 05 tháng, dự kiến Nhà máy sẽ đi vào hoạt động trong Quý I/2017.

Điều 2. Các ông (bà) Giám đốc, Phó Giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị, các phòng ban trong Công ty chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký và được lập thành 05 bản có giá trị pháp lý như nhau./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Các cơ quan có liên quan;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 6400348804 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP ĐẮK NÔNG - H. ĐẮK RLẤP - T. ĐẮK NÔNG

Nguyễn Ngọc Lương

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 02 tháng 10 năm 2018

M.S.D.N: 6400348804 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP ĐẮK NÔNG - H. ĐẮK RLẤP - T. ĐẮK NÔNG

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Đinh Văn Tuấn

Được quét bằng CamScanner

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

TỈ LỆ: 1/500

Được quét bằng CamScanner

GHI CHÚ

1- NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT
2- NHÀ VĂN PHÒNG
3- NHÀ XƯỞNG CƠ KHÍ
4- NHÀ CHỨA LIỆU
5- NHÀ WC CÔNG NHÂN
6- BỂ NƯỚC NGẦM
7- NHÀ WC KHU VĂN PHÒNG
8- TRẠM BIẾN ÁP
9- CỔNG, TƯỜNG RÀO
10- GIẾNG KHOAN
11- RAM DỐC 1
12- RAM DỐC 2
13- RAM DỐC 3
14- TALUY 1 (VÁCH BTCT)
15- TALUY 2 (TA LUY BTCT)
16- TALUY 3 (TA LUY ĐẤT)
17- SÂN BÊ TÔNG
18- SÂN RẢI ĐÁ MI
19- LỐI ĐI LÁT GẠCH TỰ CHÈN

CÁC HẠNG MỤC ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG:
1. ĐIỀU CHỈNH VỊ TRÍ ĐỊNH VỊ CÁC HẠNG MỤC.
2. ĐIỀU CHỈNH KẾT CẤU NHÀ WC CÔNG NHÂN (5).
3. ĐIỀU CHỈNH MẶT BẰNG KIẾN TRÚC NHÀ VĂN PHÒNG (2).
4. ĐIỀU CHỈNH BỂ NƯỚC NGẦM (6).
5. ĐIỀU CHỈNH CỔNG, HÀNG RÀO
6. BỔ SUNG HẠNG MỤC NHÀ CHE NGUYÊN LIỆU (4).
7. BỔ SUNG HẠNG MỤC NHÀ WC KHU VĂN PHÒNG (7).

CÂY XANH TÁN RỘNG (BẰNG D.LOẠI)

CÂY CẢI VUA

M.S.D.N: 6400348804 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP ĐẮK NÔNG
H. ĐẮK R'LẤP - T. ĐẮK NÔNG

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Đinh Văn Tuấn

TỔNG THỂ MẶT BẰNG

TỔNG THỂ HẠ TẦNG

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

TỶ LỆ: 1/...

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1053 /QĐ-UBND	*Đắk Nông, ngày 30 tháng 6 năm 2016*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chủ trương đầu tư dự án Nhà máy sản xuất gạch không nung Đắk Nông của Công ty cổ phần Công nghiệp Đắk Nông

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư;

Xét hồ sơ của Công ty cổ phần Công nghiệp Đắk Nông và đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo thẩm định số 159/BC-SKH-KTĐN ngày 07 tháng 6 năm 2016 và Công văn số 790/SKH-KTĐN ngày 27 tháng 6 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp thuận nhà đầu tư: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP ĐẮK NÔNG**

- Trụ sở chính: Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 6400348804 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 3 năm 2016.

- Người đại diện theo pháp luật của Công ty:

+ Ông: Đỗ Văn Yên; Chức danh: Giám đốc;

+ Sinh năm: 24/03/1970; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam;

+ CMND số: 162088047, do Công an tỉnh Nam Định cấp ngày 25/6/2004;

+ Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Tống Xá, xã Yên Xá, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

- Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng *(Bằng chữ: Ba mươi tỷ đồng)*.

Thực hiện dự án đầu tư với các nội dung sau:

Điều 1. Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án: Nhà máy sản xuất gạch không nung Đắk Nông.

2. Mục tiêu của dự án: Sản xuất các loại gạch xây dựng, gạch trang trí không nung từ nguồn nguyên liệu xỉ than, tro bay thải ra từ nhà máy nhiệt điện, thuộc nhà máy alumin Nhân Cơ, Đắk Nông.

3. Quy mô của dự án:

- Công suất thiết kế: Giai đoạn 1: Khoảng 40 triệu sản phẩm/năm; Giai đoạn 2: Khoảng 60 triệu sản phẩm/năm.

- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp: Các loại gạch xây dựng, gạch trang trí không nung.

- Quy mô kiến trúc xây dựng:

+ Diện tích xây dựng nhà máy sản xuất: Khoảng 2.000 m^2;

+ Diện tích khu văn phòng điều hành sản xuất: 300 m^2;

+ Diện tích sàn xây dựng: 5.000 m^2;

+ Chiều cao công trình: Khoảng 9m.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Thôn 2, xã Nhân Đạo, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông.

5. Diện tích đất dự kiến sử dụng: 2,24 ha tại thôn 2, xã Nhân Đạo, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông. Nguồn gốc đất: thuê lại của người dân.

6. Tổng vốn đầu tư dự kiến để thực hiện dự án: 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng).

Trong đó: 30% vốn tự có của doanh nghiệp và 70% vốn vay các tổ chức tín dụng.

7. Thời gian hoạt động của dự án: 50 năm.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

- Dự kiến tiến độ chuẩn bị đầu tư: Quý III/2016;

- Thời gian xây dựng: Quý III, IV/2016;

- Thời gian vận hành sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ: Quý IV/2016.

9. Công nghệ áp dụng: Dây chuyền sản xuất gạch không nung; xuất xứ công nghệ: Việt Nam.

Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

- Được hưởng các ưu đãi về thuế suất, thuế thu nhập doanh nghiệp tại Điều 15, 16 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Được miễn, giảm tiền thuê đất tại Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

- Được ưu đãi về các nội dung quy định tại Chương VII: Ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường, Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Ngoài ra, Nhà đầu tư được hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ khác của Trung ương và địa phương theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án

1. Để được hưởng các chính sách ưu đãi nêu trên, yêu cầu Công ty cổ phần Công nghiệp Đắk Nông thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung nêu tại Điều 1 Quyết định này và theo các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Sau khi được chấp thuận chủ trương, Công ty cổ phần Công nghiệp Đắk Nông phải liên hệ với Sở Kế hoạch và Đầu tư để thực hiện việc ký quỹ đầu tư theo quy định tại Điều 27 Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

3. Trong thời gian 12 tháng kể từ ngày được chấp thuận chủ trương đầu tư, nhà đầu tư không triển khai thực hiện dự án hoặc triển khai dự án chậm theo quy định; hoặc nhà đầu tư không tự thỏa thuận về đất đai (theo cam kết của Nhà đầu tư) thì Quyết định này mặc nhiên hết hiệu lực; mọi phí tổn (nếu có) nhà đầu tư tự chịu trách nhiệm, UBND tỉnh Đắk Nông không xem xét giải quyết.

Điều 4. UBND tỉnh giao:

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn nhà đầu tư trình tự, thủ tục thực hiện đầu tư, theo dõi tiến độ thực hiện dự án, định kỳ hàng quý gửi báo cáo tình hình thực hiện dự án và tham mưu cho UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo thực hiện.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Đắk R'lấp hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện các thủ tục về đất đai theo quy định hiện hành;

3. UBND huyện Đắk R'lấp bổ sung dự án nêu trên vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 6. Quyết định này được lập thành 03 bản gốc; 01 bản cấp cho Nhà đầu tư, 01 bản gửi Cơ quan đăng ký đầu tư và 01 bản được lưu tại Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư và thành phần nơi nhận./.

Nơi nhận:
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: XD, CT, TC, TNMT;
- Cục Thuế tỉnh;
- UBND huyện Đắk R'lấp;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN, KHTH-VB.

08

CHỦ TỊCH

Nguyễn Bốn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty cổ phần công nghiệp Đắk Nông
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 6400348804, cấp ngày 4 tháng 3 năm 2016
(Đăng ký thay đổi lần thứ : 2, ngày 17/11/2017)
Địa chỉ: Thôn 02, xã Nhân Đạo, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông.

CN 295872

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

a) Thửa đất số: 90 ,tờ bản đồ số: 11

b) Địa chỉ: Thôn 02, xã Nhân Đạo, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông

c) Diện tích: 22.471,0 m^2 (Hai mươi hai nghìn bốn trăm bảy mươi mốt phẩy không mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: Riêng: 22.471,0 m^2

đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (Nhà máy SX gạch không nung Đắk Nông)

e) Thời hạn sử dụng: 50 năm (kể từ ngày 29 tháng 9 năm 2016)

g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác:

a) Địa Chỉ: Thôn 02, xã Nhân Đạo, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông

b) Loại công trình: Nhà máy sản xuất gạch không nung Đắk Nông

c) Thông tin chi tiết về hạng mục công trình:

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m^2)	Diện tích sàn (m^2)	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
Khu nhà văn phòng	182,0	182,0	Riêng	Cấp 4	-/-
Khu nhà vệ sinh văn phòng	15,0	15,0			
Khu nhà vệ sinh công nhân	10,34	10,34			
Nhà xưởng sản xuất	1980,0	1980,0		Cấp 3	
Nhà chế liệu	456,0	456,0			

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú: - Được miễn tiền thuê đất 62.289.612 đồng (Sáu mươi hai triệu, hai trăm tám mươi chín nghìn, sáu trăm mười hai đồng) trong thời hạn 03 năm 6 tháng (kể từ ngày 01/4/2018 đến hết ngày 30/9/2021) theo Quyết định số 343/QĐ-CT, ngày 09/4/2018 của Cục thuế tỉnh Đắk Nông.

- Thửa đất có 923,6 m^2 thuộc hành lang an toàn giao thông.

Đắk Nông, ngày 16 tháng 7 năm 2018

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

KT CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Xuân Hải

Số vào sổ cấp GCN: CT 03006

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Tỷ lệ: 1/2000

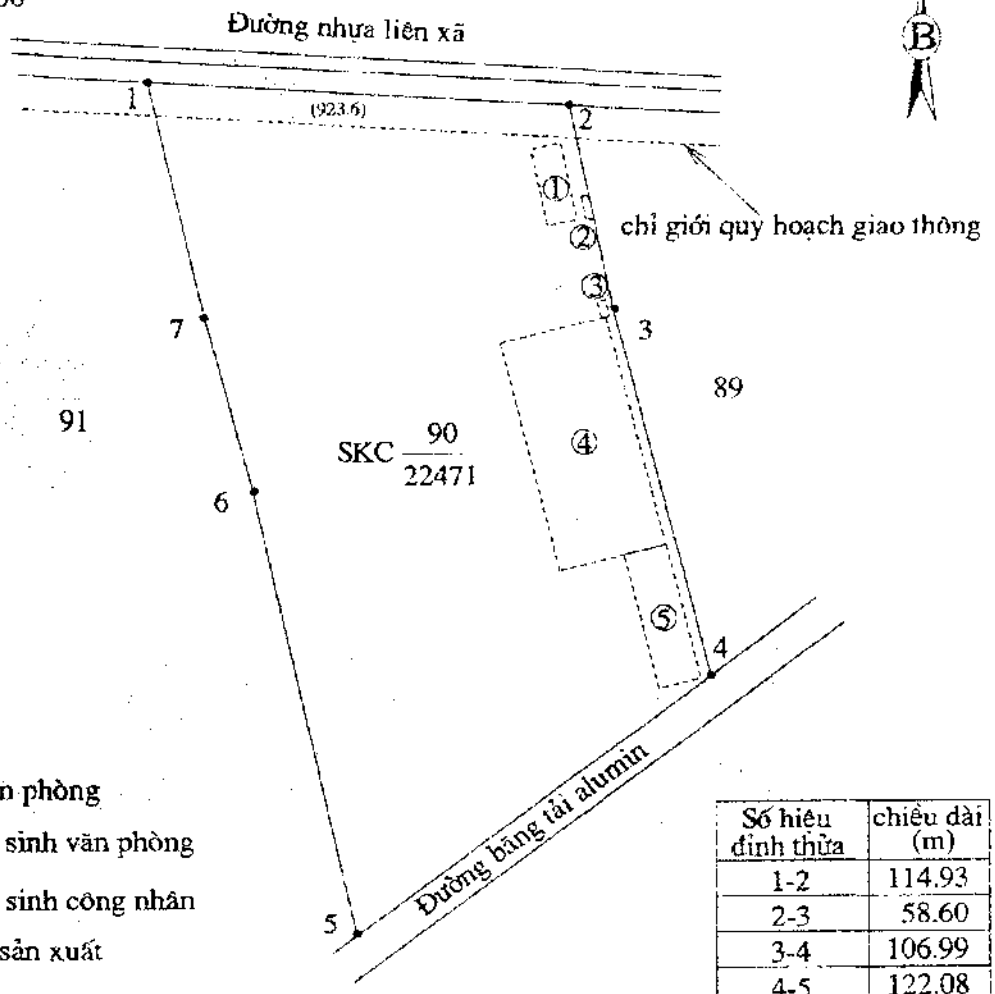

① Khu nhà văn phòng

② Khu nhà vệ sinh văn phòng

③ Khu nhà vệ sinh công nhân

④ Nhà xưởng sản xuất

⑤ Nhà che liệu

Số hiệu đỉnh thửa	chiều dài (m)
1-2	114.93
2-3	58.60
3-4	106.99
4-5	122.08
5-6	128.72
6-7	49.32
7-1	67.88

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..2..3.../HĐTĐ

Đắk Nông, ngày..16..tháng 05 năm 2022

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 1673/QĐ-UBND ngày 29/09/2016 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc cho phép Công ty Cổ phần công nghiệp Đắk Nông chuyển mục đích sử dụng đất để xây dựng nhà máy gạch không nung Đắk Nông tại xã Nhân Đạo, huyện Đắk R'lấp.

Căn cứ Thông báo số 601/TB-CTDNO ngày 03/03/2022 *của Cục Thuế tỉnh Đắk Nông về đơn giá thuê đất của Công ty Cổ phần công nghiệp Đắk Nông;*

Hôm nay, ngày...16...tháng 05 năm 2022 tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông, chúng tôi gồm:

I. Bên cho thuê đất: Sở Tài nguyên và Môi trường.

Do ông: **Nguyễn Văn Hiệp** làm đại diện.

Chức vụ: Giám đốc Sở.

Trụ sở: Đường 23/3, phường Nghĩa Đức, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

II. Bên thuê đất là: Công ty Cổ phần Công Nghiệp Đắk Nông.

Do ông: **Nguyễn Thành Luân** làm đại diện.

Chức vụ: Giám Đốc.

Trụ sở: Thôn 02, xã Nhân Đạo, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông.
Số tài khoản: 112000177923 tại Vietinbank- Chi nhánh Đắk Nông.

III. Hai Bên thỏa thuận ký hợp đồng thuê đất với các điều, khoản sau đây:

Điều 1. Bên cho thuê cho Bên thuê diện tích đất như sau:

1. Tổng diện tích cho thuê: 22.471,0 m^2.

2. Vị trí, ranh giới thửa đất: theo Quyết định số *1673/QĐ-UBND ngày 29/09/2016* của UBND tỉnh Đắk Nông.

3. Thời hạn thuê đất: đến ngày 29/09/2066

4. Mục đích sử dụng đất thuê: sử dụng đất để xây dựng nhà máy gạch không nung.

Điều 2. Bên thuê đất có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo quy định sau:

1. Giá đất tính tiền thuê đất:

- Đơn giá thuê đất đối với diện tích 3.412,2 m^2 là: 3.060 đồng/m^2.

- Đơn giá thuê đất đối với diện tích 2.250,5 m^2 là: 2.142 đồng/m^2.

- Đơn giá thuê đất đối với diện tích 16.808,3 m^2 là: 1.530 đồng/m^2.

- Thời gian ổn định đơn giá thuê đất: 05 năm, kể từ ngày 01/10/2021 đến ngày 30/09/2026.

2. Tiền thuê đất được tính từ ngày 29 tháng 09 năm 2016.

3. Phương thức nộp tiền thuê đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

4. Nơi nộp tiền thuê đất: Kho bạc nhà nước huyện Đắk R'Lấp.

5. Việc cho thuê đất không làm mất quyền sở hữu của Nhà nước đối với khu đất và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

Điều 3. Việc sử dụng đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi trong Điều 1 của Hợp đồng này.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các Bên:

1. Bên cho thuê đất bảo đảm việc sử dụng đất của Bên thuê đất trong thời gian thực hiện hợp đồng, không được chuyển giao quyền sử dụng khu đất cho bên thứ ba, chấp hành quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên thuê đất có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về đất đai.

Trường hợp bên thuê đất bị thay đổi do chia tách, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp, bán tài sản gắn liền với đất thuê thì tổ chức, cá nhân được hình thành hợp pháp sau khi Bên thuê đất bị thay đổi sẽ thực hiện tiếp quyền và nghĩa vụ của Bên thuê đất trong thời gian còn lại của Hợp đồng này.

3. Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên thuê đất trả lại toàn bộ hoặc một phần khu đất thuê trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên cho

thuê đất biết trước ít nhất là 06 tháng. Bên cho thuê đất trả lời cho Bên thuê đất trong thời gian 03 tháng, kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên thuê đất. Thời điểm kết thúc hợp đồng tính đến ngày bàn giao mặt bằng.

4. Các quyền và nghĩa vụ khác theo thỏa thuận của các Bên.

Điều 5. Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp;

2. Do đề nghị của một bên hoặc các bên tham gia hợp đồng và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất đó chấp thuận;

3. Bên thuê đất bị phá sản hoặc bị phát mại tài sản hoặc giải thể;

4. Bên thuê đất bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 6. Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hai Bên cam kết thực hiện đúng quy định của Hợp đồng này, nếu Bên nào không thực hiện thì Bên đó phải bồi thường do việc vi phạm hợp đồng gây ra theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Hợp đồng thuê đất số 57/HĐTĐ ngày 25/10/2016. Hợp đồng được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 bản và gửi đến Chi cục thuế khu vực ĐăkR'Lấp-Tuy Đức, Kho bạc nhà nước huyện Đắk R'Lấp./.

BÊN THUÊ ĐẤT	**BÊN CHO THUÊ ĐẤT**
	GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC	
Nguyễn Thành Tuân	Nguyễn Văn Hiệp

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Nông, ngày 06 tháng 10 năm 2016

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số: 35 GPXD

1. Cấp cho: Công ty cổ phần Công nghiệp Đắk Nông.

Địa chỉ: Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

2. Được phép xây dựng các hạng mục công trình thuộc dự án: Nhà máy sản xuất gạch không nung Đắk Nông.

- Tổng số hạng mục công trình: 06.

2.1. Hạng mục công trình: Nhà xưởng sản xuất.

+ Theo thiết kế có ký hiệu: KT:01, KT:02, KT:03; KC:01.

+ Gồm các nội dung sau đây:

Diện tích xây dựng: 1980 m^2.
Diện tích sàn: 1980 m^2.
Chiều cao công trình: 10,1 m.
Số tầng: 01 tầng.
Cốt nền xây dựng hạng mục công trình: Cos+0.000 cao hơn mặt đất tự nhiên 0,2m.
Màu sắc công trình: Theo hồ sơ bản vẽ thiết kế thi công đã được chủ đầu tư phê duyệt.

2.2. Hạng mục công trình: Nhà văn phòng.

+ Theo thiết kế có ký hiệu: KT:02, KT:03; KC:01.

+ Gồm các nội dung sau đây:

Diện tích xây dựng: 182 m^2.
Diện tích sàn: 182 m^2.
Chiều cao công trình: 6,8 m.
Số tầng: 01 tầng.
Cốt nền xây dựng hạng mục công trình: Cos+0.000 cao hơn mặt đất tự nhiên 0,45m.
Màu sắc công trình: Theo hồ sơ bản vẽ thiết kế thi công đã được chủ đầu tư phê duyệt.

2.3. Hạng mục công trình: Nhà xưởng cơ khí.

Theo thiết kế có ký hiệu: KT:01, KT:02; KC:01.

- Gồm các nội dung sau đây:

Diện tích xây dựng: 258 m^2.
Tổng diện tích sàn: 311,35 m^2.
Chiều cao công trình: 8,4 m.
Số tầng: 02 tầng (bao gồm 01 tầng lửng).
Cốt nền xây dựng hạng mục công trình: Cos+0.000 cao hơn mặt đất tự nhiên 0,2m.
Màu sắc công trình: Theo hồ sơ bản vẽ thiết kế thi công đã được chủ đầu tư phê duyệt.

2.4. Hạng mục công trình: Nhà vệ sinh công nhân.

Theo thiết kế có ký hiệu: WC:01.

Gồm các nội dung sau đây:

Diện tích xây dựng: 12,48 m².

Diện tích sàn: 12,48 m².

Chiều cao công trình: 3 m.

Số tầng: 01 tầng.

Cốt nền xây dựng hạng mục công trình: Cos +0,000 cao hơn mặt đất tự nhiên 0,2m.

Màu sắc công trình: Theo hồ sơ bản vẽ thiết kế thi công đã được chủ đầu tư phê duyệt.

2.5. Hạng mục công trình: Nhà bảo vệ.

- Theo thiết kế có ký hiệu: BV-01, BV-02.

- Gồm các nội dung sau đây:

Diện tích xây dựng: [illegible] m².

Diện tích sàn: 10,4 m².

Chiều cao công trình: 4,5 m.

Số tầng: 01 tầng.

Cốt nền xây dựng hạng mục công trình: Cos +0,000 cao hơn mặt đất tự nhiên [illegible].

Màu sắc công trình: Theo hồ sơ bản vẽ thiết kế thi công đã được chủ đầu tư phê duyệt.

2.6. Các hạng mục công trình phụ trợ khác (cổng, hàng rào, sân, đường nội bộ, thảm, thấp nước, giếng khoan, bể nước ngầm, trạm biến áp): theo hồ sơ bản vẽ thiết kế thi công đã được chủ đầu tư phê duyệt.

- Vị trí xây dựng: Thửa đất số: 90, tờ bản đồ số: 11, Diện tích: 22471 m², Tổ dân phố 2, xã Nhân Đạo, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

- Chỉ giới xây dựng: Tất cả các hạng mục công trình của dự án theo mặt bằng tổng thể và hồ sơ thiết kế đã được cơ quan cấp giấy phép xác nhận.

- Mật độ xây dựng (tổng các hạng mục): 11%, hệ số sử dụng đất: 0,12.

- Do Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Bảo Khê Tập.

- Đơn vị thẩm định: Sở Xây dựng tỉnh Đắk Nông.

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 935777.

4. Ghi nhận các công trình đã khởi công: Không.

5. Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng./.

GIÁM ĐỐC

Đặng Gia Tăng

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND huyện Đắk R'Lấp;
- UBND xã Nhân Đạo;
- Lưu VP-KT, PQH(B2b).

(Chủ đầu tư phải thực hiện các nội dung ở trang sau)

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY :

1. Phải [illegible] chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu [illegible] hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.

2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về [illegible] và Giấy phép xây dựng này.

3. Phải thông báo bằng văn bản về ngày khởi công cho cơ quan cấp giấy phép xây dựng trước khi khởi công xây dựng công trình.

4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi đi [illegible] theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.

5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chỉ thực hiện sau khi có quyết định của cơ quan cấp giấy phép.

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Nông, ngày 19 tháng 12 năm 2017

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG ĐIỀU CHỈNH

1. Nội dung điều chỉnh:

1.1 Các hạng mục điều chỉnh:

1.1.1 Nhà vệ sinh công nhân.

- Theo thiết kế có ký hiệu: KT:01; KC:01; TN:01
- Gồm các nội dung sau đây:

+ Diện tích xây dựng: 10,34m^2.

+ Chiều cao công trình: 3,3m.

+ Số tầng: 01 tầng.

1.1.2 Các hạng mục công trình phụ trợ khác: theo hồ sơ thiết kế được duyệt: Cổng, hàng rào, sân phơi thành phẩm, giếng khoan, bể nước ngầm. trạm biến áp, cấp điện, cấp thoát nước tổng thể.

1.2 Các Hạng mục bổ sung:

1.2.1 Nhà vệ sinh văn phòng.

- Theo thiết kế có ký hiệu: KT:01; KC:01.
- Gồm các nội dung sau đây:

+ Diện tích xây dựng: 15m^2.

+ Chiều cao công trình: 3,3m.

+ Số tầng: 01 tầng.

1.2.2 Nhà che liệu.

- Theo thiết kế có ký hiệu: KT:01,...,KT:04; KC:01, KC:02.
- Gồm các nội dung sau đây:

+ Diện tích xây dựng: 465m^2.

+ Chiều cao công trình: 10,64m.

+ Số tầng: 01 tầng.

- Điều chỉnh vị trí các hạng mục công trình theo hồ sơ thiết kế được duyệt.

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công Điều chỉnh do Trung tâm Quy hoạch xây dựng Đắk Nông lập.

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép: Giấy phép có thời hạn đến tháng 12 năm 2018.

3. Các nội dung khác theo giấy phép xây dựng số 35/GPXD ngày 06/10/2016.

Nơi nhận:
- Như mục 1;
- UBND huyện Đắk R'Lấp;
- UBND xã Nhân Đạo;
- Lưu VP-QHKT (M-2b).

GIÁM ĐỐC

SỞ XÂY DỰNG

Hoàng Văn Hường

BẢN SAO

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐĂK R'LẤP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: [illegible]

Đắk R'lấp, ngày 29 tháng 9 năm 2016

GIẤY XÁC NHẬN
ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Ủy ban nhân dân huyện Đăk R'lấp xác nhận Công ty Cổ phần Công nghiệp Đắk Nông đã đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của Dự án nhà máy gạch không nung Đăk Nông địa chỉ thôn 2, xã Nhân Đạo, huyện Đăk R'lấp vào ngày 6 tháng 09 năm 2016

Công ty Cổ phần Công nghiệp Đắk Nông có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất trong bản kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký.

2. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký và các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.

3. Hoàn thiện các công trình xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn trước khi đi vào hoạt động.

4. Chủ dự án phải thực hiện nộp các loại phí bảo vệ môi trường theo quy định hiện hành.

5. Chủ dự án phải thực hiện giám sát môi trường 06 tháng/lần với các thông số giám sát: Không khí: Bụi tổng số, SO_2, CO, tiếng ồn, COD, BOD, SS, H_2S, NH_3 và các chỉ tiêu về môi trường lao động và khí hậu như độ ẩm, nhiệt độ, độ thông thoáng, gió tại dự án.

6. Kế hoạch bảo vệ môi trường được đăng ký và Giấy xác nhận này là căn cứ để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai thực hiện đầu tư xây dựng và đi vào hoạt động của dự án nhà máy gạch không nung Đăk Nông.

7. Công ty Cổ phần Công nghiệp Đắk Nông phải báo cáo với UBND huyện Đắk R'lấp khi có những thay đổi, điều chỉnh nội dung Kế hoạch bảo vệ môi trường và chỉ được thực hiện khi có sự chấp nhận bằng văn bản của UBND huyện Đắk R'lấp.

8. Kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án nhà máy gạch không nung Đắk Nông, kèm theo Giấy xác nhận đăng ký này được cấp cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Đắk Nông để thực hiện và lưu tại cơ quan Nhà nước để kiểm tra, giám sát.

Nơi nhận:
- Cty CP CN Đắk Nông;
- Sở TN&MT [illegible]
- UBND [illegible] Nhà [illegible];
- Phòng TN&MT;
- Lưu VT, [illegible].

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG NGUYÊN BẢN

Số chứng thực: [illegible]

Ngày: 19 tháng 9 năm 2014

CÔNG CHỨNG VIÊN
Trần Thị Lan

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP ĐẮK NÔNG

KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư dự án: Công ty cổ phần Công nghiệp Đắk Nông

Tên dự án: Nhà máy sản xuất gạch không nung Đắk Nông

Địa điểm thực hiện: Thôn 11 - Nhân Cơ - Đắk R'Lấp - Đắk Nông

Đắk R'Lấp, Tháng 8 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP ĐẮK NÔNG

KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Công nghiệp Đắk Nông
Tên dự án: Nhà máy sản xuất gạch không nung Đắk Nông
Địa điểm thực hiện: Thôn 11 - Nhân Cơ - Đắk R'Lấp - Đắk Nông.

GIÁM ĐỐC

Đỗ Văn Yên

Đắk R'Lấp, tháng 8 năm 2016

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1. THÔNG TIN CHUNG 1
1.1. Tên dự án: 1
1.2. Tên chủ đầu tư: 1
1.3. Địa chỉ liên hệ: Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông, Việt Nam 1
1.4. Người đại diện theo pháp luật 1
1.5. Địa điểm thực hiện dự án 1
1.6. Các hạng mục xây dựng của cơ sở 2
1.7. Quy mô/công suất thời gian hoạt động của cơ sở 2
CHƯƠNG 2. MÔ TẢ CÁC TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG, CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG 4
2.1. Các nguồn phát sinh chất thải 4
2.2. Các tác động đối với môi trường và kinh tế - xã hội 7
2.3. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của cơ sở 7
CHƯƠNG 3. KẾ HOẠCH QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG 12
3.1. Giảm thiểu tác động xấu do chất thải 12
3.2. Giảm thiểu các tác động xấu khác 14
3.3. Kế hoạch giám sát môi trường 15
CHƯƠNG 4. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT 16
4.1. Kết luận 16
4.2. Kiến nghị 16
4.3. Cam kết môi trường 16

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk R'Lấp, ngày 15 tháng 8 năm 2016

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện Đắk R'Lấp.

Chúng tôi là: Công ty cổ phần Công nghiệp Đắk Nông

Địa chỉ: Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

Gửi đến Ủy ban nhân dân huyện Đắk R'Lấp bản Kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án để đăng ký với các nội dung sau:

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên dự án:

Dự án: Nhà máy sản xuất gạch không nung Đắk Nông.

1.2. Thông tin Chủ đầu tư:

- Công ty cổ phần Công nghiệp Đắk Nông.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 6400348304 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp lần đầu ngày 04/03/2016.

1.3. Địa chỉ liên hệ: Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

1.4. Người đại diện theo pháp luật

- Ông: Đỗ Văn Yên Chức vụ: Giám đốc

- Điện thoại: 0989 135136

1.5. Địa điểm thực hiện dự án

Vị trí địa lý:

- Địa điểm đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất gạch không nung tại: Thôn 2, xã Nhân Đạo, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

- Tổng diện tích là: 22.471m2.

- Khu đất có tứ giáp như sau:

+ Phía Đông giáp đất nông nghiệp;

+ Phía Tây giáp đất nông nghiệp;

+ Phía Nam giáp tuyến băng tải quặng của Nhà máy alumina;

+ Phía Bắc giáp đường liên xã.

Điều kiện tự nhiên:

Khí hậu Đắk R'Lấp là khí hậu nhiệt đới và á nhiệt đới, hàng năm chia làm hai mùa rõ rệt. Mùa mưa từ tháng 4 đến tháng 10, mùa khô từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau:

Nhiệt độ không khí trung bình năm trong khoảng từ 22,2÷22,8oC, thay đổi không lớn theo mùa. Tháng 12 hoặc tháng 1 có nhiệt độ thấp nhất.

- Lượng mưa trung bình năm dao động trong phạm vi 2400 ÷ 2500 mm, phân hóa thành hai mùa rõ rệt: Mùa mưa từ tháng 4 đến tháng 10, mùa khô từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau. Lượng mưa mùa mưa chiếm 90% lượng mưa năm. Lượng mưa trong các tháng mùa mưa thay đổi trong khoảng 250÷450 mm, trong đó các tháng 7, 8, 9 có lượng mưa lớn nhất, thường trên 400 mm.

- Độ ẩm trung bình năm khá cao, xấp xỉ 85%. Trong thời kì khô hạn nhất trong năm (tháng 1÷3), độ ẩm dao động trong phạm vi 76÷78%. Từ tháng 6 đến tháng 10 là thời kì có độ ẩm cao nhất trong năm, trên 90%.

- Gió

+ Hướng gió thịnh hành trong năm: Đông Nam.
+ Hướng gió thịnh hành mùa hè: Đông Nam.
+ Hướng gió thịnh hành mùa đông: Đông Bắc.
+ Tốc độ gió trung bình: 3m/s.

- Bão: Đắk R'Lấp hàng năm thường không có bão đi qua.

Hệ thống sông suối khu vực dự án:

Qua khảo sát xung quanh khu vực nhà máy sản xuất không có các sông suối lớn, chủ yếu là các mương thoát nước tự thủy nhỏ thoát nước mưa của khu vực xung quanh.

Các công trình văn hóa - tôn giáo, các di tích lịch sử:

Qua khảo sát xung quanh là khu vực dân cư sinh sống và sản xuất trồng cây nông nghiệp. Không nằm trong khu vực danh lam thắng cảnh, di tích bảo tồn lịch sử nên không gây ảnh hưởng đến đời sống, sinh hoạt xã hội, phong tục tập quán của dân cư, không ảnh hưởng đến an ninh quốc phòng.

1.6. Các hạng mục xây dựng của cơ sở

- Giao thông: Công ty cổ phần Công nghiệp Đắk Nông nằm sát đường liên xã và nối với nhà máy Alumin Nhân Cơ.

- Hệ thống cấp nước: Sử dụng nước giếng khoan.

- Hệ thống thoát nước: Toàn bộ mặt bằng nhà máy được bố trí các mương và hố thu để thu gom lắng cặn nước mưa chảy tràn trước khi thải ra môi trường.

- Hệ thống cấp điện: Nhà máy sản xuất gạch không nung Đắk Nông sử dụng điện lưới của Công ty điện lực Đắk Nông có đường dây đi qua địa bàn huyện Đắk R'Lấp.

1.7. Quy mô/công suất thời gian hoạt động của cơ sở

- Tên công nghệ: Dây chuyền sản xuất gạch không nung

- Xuất xứ công nghệ: Việt Nam.

BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHÍNH CỦA DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT GẠCH KHÔNG NUNG

Công suất thiết kế/năm	40.000.000 viên tiêu chuẩn	Chế độ vận hành	Tự động hoàn toàn
Tần suất rung	6.800 vòng/phút	Chu kỳ sản xuất	15 - 30s (tùy theo loại SP)
Tổng công suất dây truyền	120 Kw	Kích thước máy	9.800 x 2.290 x 2.825 mm
Lực ép rung	75 - 100 MPa	Trọng lượng máy	13.800 kg
Tần số	50 - 75 Hz	Số CN tham gia SX	15-18 người

- Tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ: Mới hoàn toàn.

CHƯƠNG 2. MÔ TẢ CÁC TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

2.1. Các nguồn phát sinh chất thải

2.1.1. Nước thải

Hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp phát sinh nước thải sinh hoạt của công nhân làm việc và nước thải sản xuất.

❖ ***Nước thải sinh hoạt***

Nước thải sinh hoạt chứa các chất lơ lửng hòa tan, BOD, COD, các chất dinh dưỡng (hợp chất chứa N, P) và các vi khuẩn gây bệnh như E.Coli, Coliform được phát sinh từ các nguồn sau:

- Nước thải từ nhà vệ sinh có thể gây ô nhiễm nguồn tiếp nhận;
- Nước thải từ khu vực ăn uống của công nhân;
- Nước thải do tắm giặt của công nhân, nước từ nhà bếp, tẩy rửa ...

Nước thải sinh hoạt khoảng 6 m^3/ngày đêm.

Bảng 1: Tính chất của nước thải sinh hoạt thông thường

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả
1	PH	-	6,5 - 8,5
2	BOD_5	mg/l	250 -400
3	COD	mg/l	400 – 700
4	SS	mg/l	300 – 400
5	Tổng Nitơ	mg/l	60
6	Tổng phốt pho	mg/l	6,86

Nguồn: Công ty cổ phần Công nghiệp Đắk Nông

Đặc trưng của nước thải sinh hoạt vượt so với QCVN 14:2008/BTNMT vì vậy cần xử lý trước khi thải ra ngoài môi trường đạt tới các giá trị giới hạn cột B theo QCVN 14:2008/BTNMT.

Bảng 2: Giá trị các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt theo QCVN 14:2008/BTNMT

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị C	
			A	B
1	PH	-	5 - 9	5 - 9
2	BOD_5 (20 ^oC)	mg/l	30	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50	100

4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500	1000
5	Sunfua (tính theo H_2S)	mg/l	1.0	4.0
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5	10
7	Nitrat (NO_3^-)(tính theo N)	mg/l	30	50
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10	20
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5	10
10	Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/l	6	10
11	Tổng Coliforms	MPN/ 100 ml	3.000	5.000

❖ **Nước thải sản xuất**

Nguồn phát sinh nước thải sản xuất chủ yếu là do quá trình vệ sinh các máy móc thiết bị, dưỡng ẩm, bảo dưỡng gạch. Và một phần từ quá trình trộn bê tông của nhà máy với khối lượng nhỏ.

Thành phần nước thải sản xuất gồm các tạp chất vô cơ không tan, cũng chứa một số chất hữu cơ lơ lửng và hòa tan.

2.1.2. Chất thải rắn thông thường

Bao gồm chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn sản xuất, chất thải rắn nguy hại.

❖ *Chất thải rắn sinh hoạt*

Phát sinh trong quá trình sinh hoạt của cán bộ công nhân viên. Thành phần được phân loại thành chất thải vô cơ và chất thải hữu cơ như sau:

- Rác vô cơ: gồm các loại phế thải thuỷ tinh, sành sứ, kim loại, giấy, cao su, nhựa, vải, đồ điện...

- Rác hữu cơ: gồm cây có loại bỏ, lá rụng, rau quả hư hỏng, đồ ăn thừa, rác nhà bếp, xác súc vật, phân động vật.

Ước tính lượng chất thải sinh hoạt của doanh nghiệp là 30 kg/tháng.

❖ **Chất thải rắn sản xuất**

Chủ yếu là các xỉ trọ than rơi vãi trong quá trình vận chuyển nguyên liệu. Theo ước tính thì lượng chất thải này vào khoảng 50 kg/tháng.

Ngoài ra trong quá trình sửa chữa hệ thống thiết bị, vật kiến trúc cũng phát sinh chất thải rắn.

2.1.3. Chất thải nguy hại

Ngoài ra còn phát sinh chất thải nguy hại chủ yếu là các dẻ lau dính dầu nhớt, dầu nhớt thải, các thùng chứa dầu nhớt thải... trong quá trình bảo dưỡng, bảo trì máy móc, thiết bị, và một số bóng đèn huỳnh quang, pin ắc chì quy hư hỏng trong quá trình sử dụng.

ĐTM -GPMT

TT	Loại	Dự án	tiến độ
1	ĐTM	Trang trại chăn nuôi của bà Nguyễn Thị Thêu	Đã ký hđ: đã lấy mẫu, đang tổng hợp hồ sơ
2	ĐTM	Tượng đài ghi danh các anh hùng liệt sỹ	Đã có quyết định phê duyệt - đã bàn giao sản phẩm cho bộ phận kế toán để nghiệm thu thanh lý hđ
3	GPMT-H	Hạ tầng kỹ thuật KDC tái định cư sang đức 12,19ha	Đã họp thẩm định thứ 6.
4	GPMT-T	Nhà máy chế biến cao su Cty Đỗ Kim Thành	Đã khảo sát thực địa, nội dung báo cáo được 10% (do chỉnh sửa đtm tượng đài nên chưa có thời gian thực hiện)
5	GPMT-H	Nhà máy điện mặt trời cư jut	Chưa có phản hồi của phòng tài nguyên
6	VIETN	Trang trại chăn nuôi của ông Nguyễn Văn Trí	Đang thực hiện - đã lấy mẫu xong, chờ có kết quả phân tích sẽ lập báo cáo. Dự kiến hoàn thành trong tháng 5. (50%)
7			
8			
9			
10			
11			
12			
13			
14			
15			
16			
17			

2.1.4. Khí thải, bụi

a. Khí thải.

Nguồn phát sinh khí thải chủ yếu từ quá trình đốt cháy động cơ của các máy móc hoạt động và các phương tiện giao thông vận chuyển nguyên vật liệu, có sử dụng nhiên liệu đốt như xăng, dầu: DO.....Thành phần khí thải thải ra ngoài môi trường gồm SO_2, NO_2, CO, C_xH_y.....các khí này có tính chất ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người và môi trường.

Theo tổ chức Y tế Thế giới – WHO, khi đốt cháy dầu sẽ đưa vào môi trường lượng SO_2 = S.10 (S là % lưu huỳnh trong dầu). Khi sử dụng một tấn dầu động cơ đốt trong tạo ra một lượng khí thải như sau: SO_2 = 2,8 kg, NO_2 = 12,3 kg, Hydrrocacbon = 0,24 kg, Bụi = 0,9 kg. Hiện tại, lượng dầu DO sử dụng trong doanh nghiệp là 20.000 lít/năm tương đương 17,48 kg/năm, do đó tải lượng ô nhiễm do sử dụng dầu DO tại kho chứa xỉ tro than như sau:

Bảng 3: Tải lượng các chất ô nhiễm khí thải tại kho chứa

STT	Loại khí thải	Hệ số phát thải (Kg/tấn)	Tải lượng ô nhiễm tại Kho chứa
01	Bụi	0,94	16,43
02	CO	0,05	0,874
03	SO_2	2,8	48,94
04	NO_2	12,3	215,01
05	Hydrocacbon	0,24	4,19

(Nguồn: WHO, 1993).

b. Bụi

Bụi phát sinh trong quá trình sản xuất chủ yếu là bụi vô cơ khoáng vật: đất đá, xi măng, xỉ tro than.... từ các quá trình:

- Từ hoạt động của máy móc, thiết bị trong quá trình trộn liệu.
- Từ hoạt động sàng lọc xỉ than trong công đoạn tuyển nguyên liệu đầu vào.
- Ngoài ra, lượng bụi còn phát sinh từ quá trình vận chuyển nguyên liệu vào kho chứa và vận chuyển từ kho về nhà máy để sản xuất. Nguồn ô nhiễm này không đáng kể, nhưng nếu không có biện pháp xử lý có thể sẽ gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

2.1.5. Nguồn tiếng ồn, độ rung

❖ Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung tại khu vực của doanh nghiệp phát sinh từ các nguồn chính như:

- Từ quá trình vận chuyển xỉ tro than từ ngoài vào kho và từ kho về nhà máy sản xuất.
- Hoạt động của các máy móc, thiết bị trong quá trình sản xuất.
- Do xung quanh khu vực nhà xưởng thưa dân cư nên mức độ ảnh hưởng là tương đối ít. Nhưng tác động trực tiếp tới những công nhân làm việc trực tiếp tại kho.

2.2. Các tác động đối với môi trường và kinh tế - xã hội

2.2.1. Sự cố cháy nổ

Nguyên nhân gây ra sự cố cháy nổ

- Do sét đánh. Trong mùa mưa thường có tình trạng sấm sét kèm theo. Đây là nguyên nhân gián tiếp làm chập mạch điện gây cháy nổ.

- Do trong quá trình sản xuất, công nhân không tuân thủ quy định của nhà máy (như: hút thuốc..), công nhân vận hành máy móc không đúng quy trình (dẫn đến chập cháy).

- Do chập điện từ các thiết bị.

2.2.2. Sự cố về môi trường

- Đối với mạng lưới cấp thoát nước: Rò rỉ từ đường ống cấp nước, hệ thống thu gom và thoát nước.

- Tắc nghẽn bồn cầu và tắc đường ống dẫn phân, nước tiểu không thoát được.

- Tắc đường ống thoát khí bể tự hoại gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ bồn cầu.

- Rác tích tụ đầy bể lắng và bể tự hoại.

2.2.3. Tai nạn lao động

Cũng như các cơ sở sản xuất công nghiệp khác nếu như trong quá trình vận hành, sản xuất công nhân không tuân thủ quy định, nội quy về an toàn lao động thì sẽ dễ xảy ra tai nạn khó lường. Xác xuất xảy ra phụ thuộc vào việc chấp hành các nội quy trong sản xuất, quy định an toàn lao động cũng như cách thức quản lý về an toàn của nhà máy.

2.3. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của cơ sở

2.3.1. Hệ thống thu gom và xử lý nước thải và nước mưa

❖ Đối với nước **thải sinh hoạt**

Để xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt trên, doanh nghiệp tiến hành xây dựng hầm tự hoại 3 ngăn. Xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn, xây bằng bê tông cốt thép, hiệu quả xử lý của bể tự hoại là làm giảm 50 – 60% BOD, 70 – 80% SS.

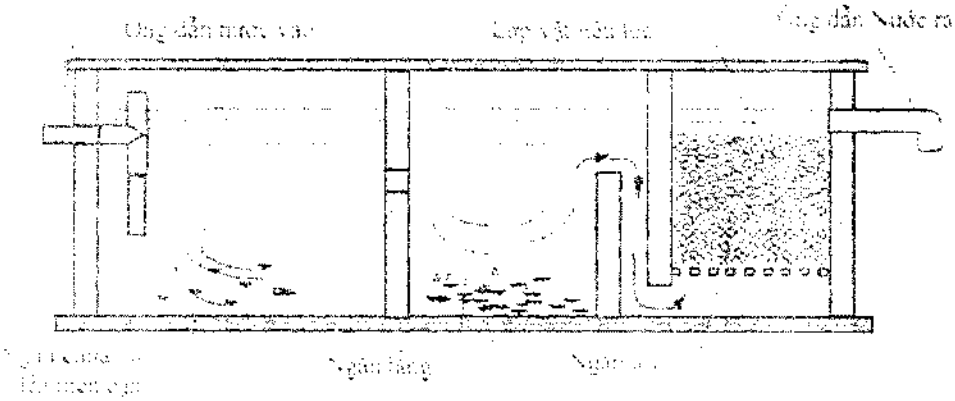

Hình 1: Sơ đồ xử lý của bể tự hoại 3 ngăn

Nguyên lý hoạt động: Nước thải được đưa vào ngăn thứ nhất của bể, có vai trò lắng, lên men kỵ khí. Ở những ngăn tiếp theo, nước thải chuyển động theo chiều từ dưới lên, tiếp

xúc với các vi sinh vật kỵ khí trong lớp bùn hình thành ở đáy bể trong điều kiện động. Các chất hữu cơ được vi sinh vật hấp thụ và phân hủy. Bể tự hoại có thời gian lưu bùn lâu, như vậy hiệu suất xử lý chất thải tăng, đồng thời lượng bùn cần xử lý giảm. ngăn cuối cùng là lọc, có tác dụng giữ lại các cặn lơ lửng, sau khi qua ngăn lọc nước thải được đổ vào cống thoát nước chung của khu vực. Nước thải sau xử lý đạt cột B QCVN 14:2008/BTNMT với hệ số k = 1,2.

Ưu điểm của bể tự hoại là có cấu tạo đơn giản, quản lý dễ dàng và có hiệu quả cao.

❖ **Nước mưa chảy tràn**

Nhà máy có giải pháp giảm thiểu tác động môi trường của nước mưa chảy tràn qua mặt bằng như sau: Nước mưa chảy tràn của Nhà máy được thu gom vào hệ thống cống riêng. Nhà máy đã xây dựng hệ thống cống rãnh dọc theo các nhà xưởng, tường rào và xung quanh bãi chứa nguyên liệu để thu gom nước mưa, dọc theo hệ thống cống rãnh. Nhà máy đã xây dựng các hố ga để thu gom bùn đất và có kế hoạch nạo vét định kỳ lượng bùn này.

❖ **Đối với nước thải sản xuất**

Đối với nước thải sản xuất, công ty sẽ tiến hành xây dựng 01 hồ thu để thu hồi tuần hoàn tái sử dụng cho các công đoạn sản xuất khác không thải ra môi trường.

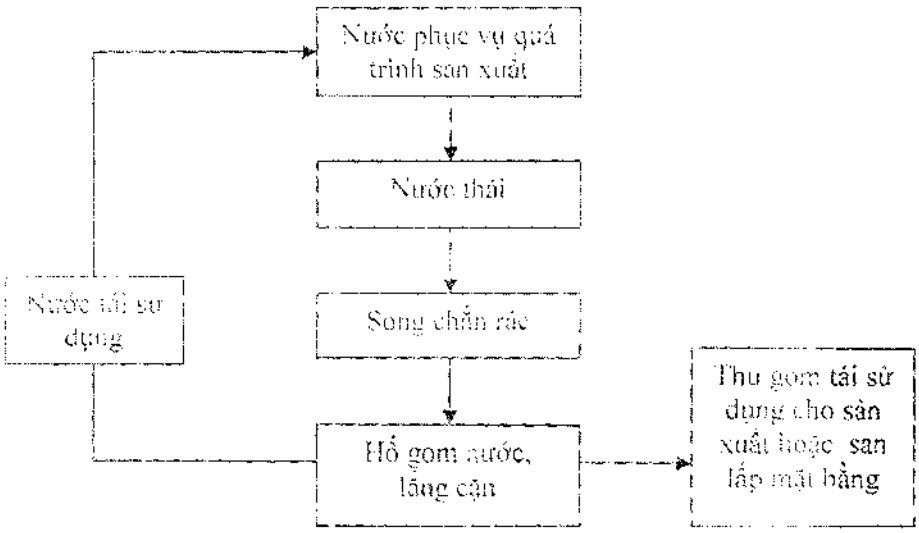

Hình 2: Sơ đồ quy trình xử lý nước thải sản xuất

Thuyết minh công nghệ xử lý

Nước thải từ quá trình sản xuất của nhà máy theo mạng lưới thoát nước riêng được dẫn đến hố thu nước thải. Trước khi chảy vào hố thu, nước thải chảy qua mương dẫn có đặt song chắn rác, có nhiệm vụ loại bỏ các hợp chất hữu cơ có kích thước lớn.

Hồ thu nước có chức năng thu gom nước thải của công ty. Bể gom nước có chức năng điều hòa lưu lượng và nồng độ nước thải. Sau đó nước thải được tái sử dụng trở lại thông qua máy bơm.

Cặn thu gom được từ hố thu được chuyển đến bãi đất trống để phơi khô làm nguyên liệu sản xuất gạch hoặc sử dụng cho việc san lấp mặt bằng.

Như vậy, với phương pháp xử lý trên, nhà máy sẽ không thải nước thải sản xuất ra ngoài môi trường mà được tuần hoàn tái sử dụng lại.

2.3.2. Phương tiện, thiết bị thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

❖ **Chất thải rắn sinh hoạt**

- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và thuê đơn vị đầy đủ chức năng xử lý.

- Chất thải rắn sinh hoạt có thể tái chế, tái sử dụng được thu gom riêng để bán phế liệu.

❖ **Chất thải sản xuất**

Khối lượng chất thải rắn sản xuất không nhiều, khoảng 50 kg/tháng và sẽ được thu hồi để tận dụng bán cho các ngành công nghiệp khác.

❖ **Chất thải nguy hại**

Lượng chất thải nguy hại sẽ được công ty thu gom lại khu chứa chất thải nguy hại và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đến nơi xử lý theo quy định của pháp luật.

2.3.3. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

a. Khí thải, bụi

❖ **Biện pháp quản lý:**

- Không sử dụng xe vận chuyển, máy cũ, đảm bảo đủ tiêu chuẩn xe chuyên dụng và phải có giấy phép hoạt động của đăng kiểm Việt Nam.

- Thay đổi nhiên liệu có hàm lượng S cao bằng nhiên liệu có hàm lượng S thấp

- Thường xuyên bảo dưỡng thiết bị xe, điều khiển xe, thiết bị máy móc để có thể làm việc ở trạng thái tốt nhất

- Trồng cây xanh xung quanh nhà kho.

- Đối với bụi kim loại:

+ Trang bị khẩu trang và bảo hộ lao động cho công nhân

+ Che chắn tại khu vực thao tác

+ Hút bụi định kỳ trong ngày làm việc

+ Hút bụi vào hệ thống có bộ phận lọc giữ bụi

- Thường xuyên quét dọn khu vực nhà kho, thiết kế thông thoáng.

❖ Biện pháp kỹ thuật:

Công nghệ xử lý khí thải, bụi của nhà máy:

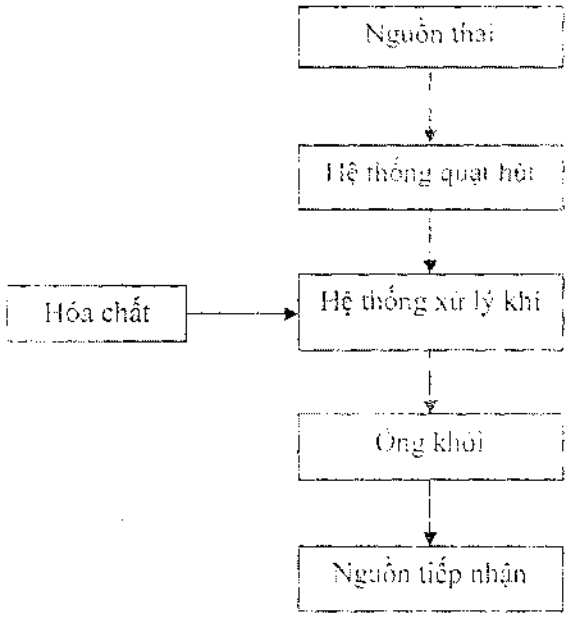

Hình 3: Hệ thống xử lý khí thải, bụi.

Thuyết minh công nghệ xử lý khí, bụi của nhà máy sản xuất gạch không nung:

Khí thải, bụi từ khu vực sản xuất gạch được thu gom bằng quạt hút, đi theo đường ống vào hệ thống xử lý khí thải

Bên trong hệ thống xử lý khí thải, dòng khí bụi chuyển động với vận tốc cao (70 – 150 m/s) va đập vào dung dịch hấp thụ (NaOH) tạo thành những giọt cực nhỏ. Vận tốc xoáy rất cao của dòng khí cộng thêm vận tốc tương đối giữa bụi và giọt lỏng lớn thúc đẩy quá trình lắng bụi trên các giọt lỏng. Yêu cầu thông số thiết bị <= 500 N/m^2, nước: 0,5 – 8 l/m^3.

Hiệu suất xử lý bụi của hệ thống khí thải là 99,5%, khí độc hại CO2, SO2, HF, NOx là 80%. Khí thải tiếp tục đi qua tháp hấp thụ, để hấp thụ hoàn toàn các chất ô nhiễm còn lại. Tháp hấp thụ bao gồm các lớp vật liệu hấp thụ được bố trí hợp lý.

Mẫu không khí xung quanh nhà máy phải được xử lý thấp hơn so với QCVN 05:2009/BTNMT.

2.3.4. Các biện pháp chống ồn, rung

- Cải tiến, thiết kế máy và quy trình vận hành, kiểm soát chấn động, tăng cường học nguồn âm bằng các vật liệu hút ẩm.

- Hạn chế tiếng ồn do xe cộ vận chuyển bằng cách tổ chức, quy hoạch các đường giao thông nội bộ hợp lý.

- Trồng cây xanh xung quanh nhà máy.

- Lắp đặt hệ thống phun nước dập bụi, quạt thổi làm giảm nhiệt độ nơi phát sinh nhiệt.

2.3.5. Các công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

❖ **Biện pháp giảm thiểu sự cố cháy nổ**

Để phòng chống các sự cố cháy nổ xảy ra, chủ doanh nghiệp xây dựng các phương án trên cơ sở các tiêu chuẩn sau:

- TCVN 2622-78: Tiêu chuẩn phòng cháy chữa cháy cho nhà máy và công trình
- TCVN 3254:1989 – An toàn cháy – Yêu cầu chung
- TCVN 3255:1986 – An toàn nổ – Yêu cầu chung
- TCXN 5760:1993 – Hệ thống chữa cháy – Yêu cầu chung về thiết kế,lắp đặt và sử dụng.

Công ty đã thực hiện các biện pháp PCCC như sau:

- Đã trang bị hệ thống PCCC bao gồm:10 bình chữa cháy tại chỗ (6 bình CO2, 4 bình bột), cát, vòi chữa cháy, bồn chứa nước, lắp đặt hệ thống báo cháy,…
- Đã xây dựng nội quy PCCC và niêm yết nội quy tiêu lệnh về PCCC
- Chấp hành đầy đủ các quy định về PCCC của cơ quan PCCC
- Xây dựng đội phòng cháy chữa cháy tại nhà máy

❖ **Biện pháp giảm thiểu sự cố môi trường.**

Đối với mạng lưới cấp thoát nước.

- Thường xuyên kiểm tra đường ống cấp thoát nước
- Làm vệ sinh, nạo vét cống rãnh và các ống dẫn nước thải, nước mưa.

CHƯƠNG 3. KẾ HOẠCH QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG

3.1. Giảm thiểu tác động xấu do chất thải

Giai đoạn của cơ sở	Nguồn phát sinh chất thải	Loại chất thải và tổng lượng/lưu lượng	Biện pháp quản lý/xử lý	Kinh phí dự kiến hằng năm (triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Trách nhiệm thực hiện
1	2	3	4	5	6	7
Vận hành	Hoạt động sản xuất	Bụi từ hoạt động sản xuất	- Sử dụng hệ thống máy móc đồng bộ, khép kín. - Bố trí các túi thu hồi bằng vải tại nơi phát sinh bụi. - Quét dọn vệ sinh thường xuyên…	20	Trong quá trình sản xuất	- Bộ phận quản lý sản xuất; - Đội vệ sinh công nghiệp.
		Bụi từ phương tiện vận chuyển	- Bê tông hóa các tuyến đường nội bộ - Quét dọn vệ sinh thường xuyên.	10	Trong thời gian hoạt động	- Bộ phận quản lý nhà máy; - Đội vệ sinh công nghiệp.
		CTR công nghiệp	- Thu gom hằng ngày để bán cho các ngành công nghiệp khác.	5	Trong suốt quá trình hoạt động	- Bộ phận quản lý sản xuất; - Đội vệ sinh công nghiệp.
		Tiếng ồn	- Bảo dưỡng định kỳ thiết bị máy móc; - Trang bị phương tiện bảo hộ lao động; - Hạn chế sử dụng lao động tại nơi phát sinh tiếng ồn cao.	5	Trong suốt quá trình hoạt động	- Bộ phận bảo dưỡng.

Giai đoạn của cơ sở	Nguồn phát sinh chất thải	Loại chất thải và tổng lượng/lưu lượng	Biện pháp quản lý/xử lý	Kinh phí dự kiến hằng năm (triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Trách nhiệm thực hiện
		Rung động	Lắp đặt các thiết bị giảm rung.	-	Trong suốt quá trình hoạt động	- Bộ phận bảo dưỡng.
	Sinh hoạt của công nhân viên	CTR sinh hoạt	- Thu gom hằng ngày; Thuê Công ty môi trường đô thị mang đi xử lý. - Thuê đơn vị hút bể phốt.	10	Trong suốt quá trình hoạt động	- Phòng quản lý: - Đội vệ sinh công nghiệp.
		Nước thải sinh hoạt.	- Xây dựng hệ thống bể tự hoại với tổng dung tích 22m^3. - Định kỳ bổ sung chế phẩm và thuê đơn vị đến hút bể phốt,...	2	Trước và trong suốt quá trình hoạt động	- Đội vệ sinh công nghiệp.
	- Hoạt động bảo dưỡng máy móc thiết bị; - Hoạt động khu văn phòng,...	Chất thải rắn nguy hại	- Thu gom và lưu giữ ở kho riêng; - Thuê Đơn vị có chức năng thu gom và xử lý.	2	Trong suốt quá trình hoạt động	- Phòng quản lý; - Đội vệ sinh công nghiệp.

3.2. Giảm thiểu các tác động xấu khác

Giai đoạn	Vấn đề môi trường	Biện pháp quản lý/xử lý	Kinh phí dự kiến hằng năm (triệu đồng)	Trách nhiệm thực hiện
1	2	3	4	5
Vận hành	An toàn vệ sinh lao động: vấn đề an toàn khi sử dụng điện, an toàn trong quá trình sử dụng hóa chất, vận chuyển, bốc dỡ hàng hóa,...	- Xây dựng và treo các quy trình hướng dẫn vận hành tại các khu vực sản xuất; - Tổ chức đào tạo, hướng dẫn vận hành cho công nhân mới nhận việc; - Hàng năm tổ chức các lớp tập huấn về vấn đề an toàn vệ sinh lao động.	10	- Phòng kỹ thuật; - Phòng tổ chức; - Bộ phận an toàn.
	- Sức khoẻ, bệnh nghề nghiệp	- Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động; - Tổ chức khám sức khỏe định kỳ.	15	- Phòng tổ chức;

Giai đoạn của cơ sở	Loại sự cố có thể xảy ra	Biện pháp ứng phó	Trách nhiệm thực hiện
1	2	3	4
Vận hành	Sự cố tai nạn lao động	- Xây dựng và treo các quy trình hướng dẫn vận hành tại các khu vực sản xuất; - Tổ chức đào tạo, hướng dẫn vận hành cho công nhân mới nhận việc; - Hàng năm tổ chức các lớp tập huấn về vấn đề an toàn vệ sinh lao động. - Bố trí cán bộ y tế và tủ thuốc tại công ty	- Phòng kỹ thuật; - Phòng tổ chức; - Bộ phận an toàn.
	Sự cố về cháy nổ	- Lắp đặt hệ thống PCCC hoàn thiện, đạt tiêu chuẩn ngay từ khi xây dựng nhà xưởng; - Định kỳ kiểm tra hệ thống điện, hệ thống PCCC để đảm bảo các hoạt động này luôn hoạt động tốt. - Hàng năm tổ chức tập huấn về PCCC	- Phòng kỹ thuật; - Phòng tổ chức; - Bộ phận an toàn.

3.3. Kế hoạch giám sát môi trường

Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT; QCVN 06:2009/BTNMT QCVN 26:2010/BTNMT:

Bảng 4: Kế hoạch quan trắc môi trường

Giai đoạn	Nội dung QT	Địa điểm QT	Thông số QT	Tần suất QT	Kinh phí dự kiến	Đơn vị thực hiện
1	2	3	4	5	6	7
Vận hành	Chất lượng không khí xung quanh	Khu vực bên trong xưởng sản xuất Khu vực ngoài cổng bảo vệ	Tiếng ồn, Bụi, SO_2, NO_x, CO	6 tháng/lần	6.000.000	Công ty cổ phần Công nghiệp Đắk Nông
	Chất lượng nước ngầm	Tại giếng nước trong khu vực nhà máy.	PH, BOD, TSS, N tổng, P tổng, Colifom	6 tháng/lần	3.000.000	

CHƯƠNG 4. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT

4.1. Kết luận

Bằng các phương pháp phân tích quá trình hoạt động, phương pháp đánh giá nhanh, phương pháp so sánh...Kế hoạch bảo vệ môi trường của Công ty cổ phần Công nghiệp Đắk Nông đã nhận dạng được hầu hết các dòng thải và tính toán được hết các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động.

Các biện pháp quản lý và biện pháp kỹ thuật đã được đưa ra thì các vấn đề về môi trường, các loại chất thải sẽ được xử lý đạt yêu cầu quy định có liên quan.

4.2. Kiến nghị

Mong các cấp có thẩm quyền tạo điều kiện, phối hợp cùng Công ty cổ phần Công nghiệp Đắk Nông giải quyết các vấn đề về môi trường phát sinh từ nhà máy phát huy hiệu quả để doanh nghiệp chấp hành tốt các quy định của Luật bảo vệ môi trường.

4.3. Cam kết môi trường

Nhằm đảm bảo chất lượng môi trường, Công ty cổ phần Công nghiệp Đắk Nông cam kết thực hiện các điều sau:

1. Cam kết thực hiện những nội dung về bảo vệ môi trường đã nêu trong đề án, đặc biệt là các nội dung về xử lý chất thải, xử lý các vấn đề môi trường, kế hoạch quản lý môi trường.

2. Cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có liên quan đến cơ sở, kể cả các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

3. Cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp để xảy ra các sự cố trong quá trình hoạt động của dự án.

4. Thực hiện nghiêm các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã nêu trong đề án bảo vệ môi trường về bụi, tiếng ồn, nước thải, chất thải rắn, và các sự cố môi trường.

Chất lượng nước thải sinh hoạt xử lý đạt Quy chuẩn QCVN 14: 2008 – (loại B) Quy định giá trị nồng độ của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt trước khi thải ra môi trường tiếp nhận.

+ QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn:

+ QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (đo trong 1 giờ);

+ Luật Bảo vệ Môi trường 2015 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII thông qua ngày 23 tháng 06 năm 2014 và có hiệu lực ngày 01/01/2015;

+ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 09/04/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

+ Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT của Bộ Tài Nguyên Môi Trường về việc "quy định về quản lý chất thải nguy hại" ngày 30/6/2015.

5. Cam kết thực hiện chương trình quản lý, quan trắc, giám sát môi trường trong thời gian cơ sở hoạt động như đã nêu trong đề án bảo vệ môi trường với tần suất: 2 lần/năm.

Vị trí giám sát: Quan trắc môi trường không khí xung quanh

- Vị trí 01: Trong khu vực nhà máy phân tích: Bụi tổng, tiếng ồn, NO_2, SO_2, CO.
- Vị trí 02: Trước cổng nhà máy phân tích: Bụi tổng, tiếng ồn, NO_2, SO_2, CO.

Vị trí quan trắc: Quan trắc môi trường nước ngầm.

- Tại giếng nước trong khu vực dự án phân tích: PH, TSS, DO, COD, Colifom, Tổng N, Tổng P.

6. Thực hiện các biện pháp an toàn lao động và phòng chống sự cố môi trường có thể xảy ra.

7. Thực hiện quá trình thu gom, phân loại và xử lý chất thải rắn thông thường theo quy định.

8. Áp dụng các biện pháp nhằm phòng ngừa, giảm thiểu phát sinh chất thải; chịu trách nhiệm đối với chất thải cho đến khi chúng được xử lý, tiêu hủy an toàn thông qua việc lựa chọn chủ xử chuyển, chủ xử lý, tiêu huỷ có đủ điều kiện phù hợp cũng như theo dõi, giám sát việc chuyển giao và xử lý.

9. Chúng tôi cam kết phân loại chất thải theo cam kết trong đề án môi trường.

10. Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu vi phạm các tiêu chuẩn Việt Nam, các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên nếu để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường.

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu vi phạm các tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường, các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và cam kết thực hiện nghiêm chỉnh và đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường trong đề án đưa trình. Các công việc nêu trên chúng tôi sẽ hoàn thành theo đúng nội dung, yêu cầu và tiến độ của đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHIỆP ĐẮK NÔNG
Giám Đốc

Đỗ Văn Yên

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP ĐẮK NÔNG

BÁO CÁO
CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
NĂM 2022 CỦA
NHÀ MÁY GẠCH KHÔNG NUNG ĐẮK NÔNG

ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP ĐẮK NÔNG

Đắk R'Lấp, tháng 12 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP ĐẮK NÔNG

.....

BÁO CÁO
CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
NĂM 2022 CỦA
NHÀ MÁY GẠCH KHÔNG NUNG ĐẮK NÔNG

Địa điểm quan trắc: Nhà máy gạch không nung Đắk Nông

Địa chỉ: Thôn 2, xã Nhân Đạo, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông

Đơn vị tư vấn lập báo cáo

Giám đốc

Nguyễn Việt Anh

Đơn vị báo cáo

GIÁM ĐỐC

Trần Thanh Tuấn

Đắk R'Lấp, tháng 12 năm 2022

MỤC LỤC

MỤC LỤC i
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT iii
DANH MỤC BẢNG iv
DANH MỤC HÌNH v
THÔNG TIN CHUNG 1
PHẦN 1. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG 4
1. Về công trình bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải 4
1.1. Xử lý nước thải 4
1.1.1. Công trình xử lý nước thải 4
1.2. Kết quả quan trắc nước thải 4
1.2.1. Quan trắc định kỳ nước ngầm 4
1.2.2. Quan trắc định kỳ nước mặt 4
1.2.3. Quan trắc nước thải liên tục, tự động 5
2. Về công trình bảo vệ môi trường đối với khí thải 5
2.1. Xử lý khí thải 5
2.2. Kết quả quan trắc khí thải 5
2.2.2. Quan trắc định kỳ chất lượng không khí, vi khí hậu và tiếng ồn 5
2.2.3. Quan trắc khí thải liên tục, tự động 8
3. Về quản lý chất thải rắn thông thường 8
4. Về quản lý chất thải nguy hại 9
5. Về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường 10
5.1. Nội dung kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường 10
5.2. Báo cáo việc thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường, tập trung làm rõ các nội dung chính như sau 10
5.2.1. Các giải pháp phòng ngừa sự cố môi trường tại cơ sở 10
5.2.2. Các ứng phó và khắc phục sự cố môi trường xảy ra tại cơ sở 11
6. Về việc thực hiện quản lý các chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy 11

7. Kế quả khắc phục các yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra và cơ quan nhà nước có thẩm quyền 11
Phụ lục 13

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

NĐ	: Nghị định
NĐ-CP	: Nghị định – Chính phủ
HTXL	: Hệ thống xử lý
QH	: Quốc hội
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam
BTNMT	: Bộ Tài Nguyên và Môi trường
QĐ	: Quyết định
UBND	: Ủy ban nhân dân
TT	: Thông tư
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
MTV	: Một thành viên
MT	: Môi trường
BVMT	: Bảo vệ môi trường
VPCNCL	: Văn phòng chứng nhận chất lượng
CTRSH	: Chất thải rắn sinh hoạt
CTRCNTT	: Chất thải rắn công nghiệp thông thường
CTNH	: Chất thải nguy hại
BOD$_5$	: Nhu cầu oxy hóa sinh học
COD	: Nhu cầu oxy hóa học
TSS	: Chất rắn lơ lửng
VSV	: Vi sinh vật

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Nhu cầu điện năng của Nhà máy 1

Bảng 2: Nhu cầu nguyên liệu, vật liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất của Nhà máy 3

Bảng 3: Kết quả quan trắc môi trường vi khí hậu và tiếng ồn ngày 07/06/2022 6

Bảng 4: Kết quả quan trắc môi trường vi khí hậu và tiếng ồn ngày 30/10/2022 6

Bảng 5: Kết quả quan trắc môi trường không khí ngày 07/06/2022 7

Bảng 6: Kết quả quan trắc môi trường không khí ngày 30/10/2022 7

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP ĐẮK NÔNG
NHÀ MÁY SẢN XUẤT GẠCH KHÔNG NUNG

Số: [illegible]/BC-NMCBD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Nông, ngày [illegible] tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO
CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2022

THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP ĐẮK NÔNG**

- Địa chỉ: Thôn 2, Xã Nhân Đạo, Huyện Đắk R'Lấp, Tỉnh Đắk Nông.

- Điện thoại:

- Người đại diện: Ông **Nguyễn Thành Luân**; Chức vụ: Giám Đốc

- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Nhà máy chuyên sản xuất gạch không nung

- Quy mô/công suất: Tổng diện tích của lô đất xây dựng nhà máy là 22.471 m^2 bao gồm cả diện tích nhà xưởng, đường nội bộ, khuôn viên cây xanh và khu nhà văn phòng

Sản phẩm: Gạch xây không nung xây dựng, Gạch trang trí, Gạch terazzo.

Trong giai đoạn đầu là khoảng 40 triệu viên QTC/năm; sau khi Nhà máy đi vào hoạt động ổn định, công ty sẽ đầu tư nâng cao công suất Nhà máy lên 60 triệu viên QTC/năm.

- Tỷ lệ suất hoạt động:

- Quyết định số phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án ngày

- Mã số thuế: 6400348804

- Nhu cầu liên, điện, nước tiêu thụ

❖ Nhu cầu về điện

Nhà máy sử dụng điện được đấu nối từ đường dây của Công ty Điện lực Đắk Nông đi qua địa bàn xã Nhân Đạo, huyện Đắk R'Lấp.

Bảng 1: Nhu cầu điện năng của Nhà máy

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Công suất điện lắp đặt (KW)	Tổng công suất (KW)
A	***Hệ thống nhà xưởng***				***100***
1	Điện cung cấp cho máy sản xuất gạch	cái	2	11	88
2	Điện cung cấp cho ánh sáng trong xưởng	cái	1	12	12
B	***Hệ thống điện văn phòng***				***51***
1	Điện động lực	cái	2	20	40
2	Điện chiếu sáng	cái	1	11	11
C	***Hệ thống điện công cộng – lán côngnhân***		2	0,5	***11,1***

- Tổng công suất lắp đặt là: 100 + 51 + 11,1 = 162,1 KW
- Hệ số sử dụng không đồng thời: 0,8
- Hệ số cos φ: 0,8
- Công suất máy biến áp cần thiết: 162,1 x 0,8 0,8 = 162,1 KVA

❖ Nhu cầu sử dụng nước

Sử dụng giếng khoan để cung cấp nước cho quá trình sinh hoạt của cán bộ, công nhân và cho quá trình sản xuất

Lượng nước cấp cho nhà máy chủ yếu phục vụ cho phối trộn nguyên liệu trước khi tạo hình gạch, hoạt động vệ sinh cá nhân, sinh hoạt của nhân viên, công nhân trong nhà máy.

Tổng nhu cầu sử dụng nước của nhà máy khoảng: 8 m3/ngày trong đó:

Nước cấp cho sản xuất khoảng: 2,5 m3/ngày

Nhu cầu nước sử dụng cho sinh hoạt: 1 m3/ngày.

Nước sử dụng để tưới cây khoảng: 0,5 m3/ngày.

Nước sử dụng để rửa xe, thiết bị: 1 m3/ngày

❖ Nhu cầu nhân lực

Tổng số lao động 20 người bao gồm nhân viên văn phòng và nhân công tham gia sản xuất trực tiếp của nhà máy. Số ca làm việc: 2 ca/ngày

❖ Nhu cầu nguyên liệu cho quá trình sản xuất

Tro bay, xỉ than được chuyển từ Nhà máy Nhiệt điện của Tổ hợp Bauxit - Nhôm Nhân Cơ, đến đường vận chuyển khoảng 3 km

Xỉ than được sàng tuyển cơ học thành các sản phẩm phục vụ trong quá trình sản xuất gạch và dùng trong xây dựng. Xỉ than bao gồm xỉ cát, xỉ đá dăm và xỉ sỏi; xỉ cát được tuyển từ xỉ đáy của nhà máy nhiệt điện có kích thước từ 0 - 5mm, xỉ cát dùng thay cát trong xây dựng, sản lượng khoảng 30.000 tấn/năm; xỉ đá dăm được tuyển từ xỉ đáy của nhà máy nhiệt điện có kích thước từ 2 ÷ 6mm, xỉ đá dăm dùng thay đá 2x4mm; 4x6mm trong xây dựng, sản lượng khoảng 15.000 tấn/năm (chiếm 30% xỉ đáy); Xỉ sỏi được tuyển từ xỉ đáy của nhà máy nhiệt điện có kích thước từ [illegible]mm, dùng thay sỏi trong xây dựng, sản lượng khoảng 5.000 tấn/năm (chiếm 10% xỉ đáy).

Tro bay được sử dụng làm phụ gia trong bê tông, nguyên liệu sản xuất gạch không nung, xi măng và một số ngành công nghiệp khác. Xi măng là phụ gia kết dính mua ở Đắk Nông.

Bảng 2: Nhu cầu nguyên liệu, vật liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất của Nhà máy

TT	Tên sản phẩm	Kế hoạch sản xuất viên/năm	Nguyên liệu tro xỉ		Nguyên liệu xi măng	
			Định mức (m^3/1.000 v)	Khối lượng (m^3/năm)	Định mức (tấn/1000 v)	Khối lượng (tấn/năm)
1	[illegible]	[illegible]	14,88	297,6	[illegible]	116
2	Gạch 2 lỗ	190.000	1,84	368	0,3	68
3	Gạch 4 lỗ	9.400.000	0,92	8.740	0,17	1.615
4	Gạch 6 lỗ	2.400.000	1,14	3.600	0,2	500
5	Gạch thẻ	190.000	0,5	100	0,16	32
	Tổng cộng	**12.370.000**		**15.784**		**2.331**

(Nguồn: Công ty Cổ phần Công nghiệp Đắk Nông năm 2022)

PHẦN 1. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Về công trình bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải

1.1. Xử lý nước thải

1.1.1. Công trình xử lý nước thải

❖ **Nước thải sinh hoạt:**

Nước thải sinh hoạt từ quá trình sinh hoạt của công nhân viên công ty gồm có nước thải từ lavabo, vòi rửa…được thải trực tiếp ra hệ thống thoát nước của công ty. Nước thải từ nhà vệ sinh được thu gom và xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn sau đó chảy qua giếng thấm trước khi thải ra môi trường.

❖ **Nước mưa:**

Nước mưa được thu qua hai hệ thống: hệ thống mái nhà sau đó chảy theo đường ống, nước mương bê tông xung quanh sân; nước mưa chảy tràn trên sân theo độ dốc của sân chảy xuống mương bê tông xung quanh sân. Nước mưa chảy trên sân được công ty tách riêng biệt đường nước mưa ra khỏi đường nước thải và cho thoát thẳng ra hệ thống thoát nước mưa sau khi qua hệ thống song chắn rác để giữ lại rác có kích thước lớn.

❖ **Nước thải sản xuất**

Nước thải phát sinh từ quá trình sản xuất chủ yếu là nước rửa sàn và thiết bị. Công nghệ sản xuất gạch không nung chỉ sử dụng nước cho giai đoạn tạo độ ẩm cho sản phẩm, lượng nước được sử dụng liên tục không thay nước mà chỉ thêm khi thiếu nước. Do khi nghiền, gạch đã hút một phần nước. Lượng nước thải sản xuất khoảng 1m^3/ngày, nước thải rửa xe đặt trong máng nên không thoát ra ngoài, thành phần nước rửa xe cũng không độc hại.

1.2. Kết quả quan trắc nước thải

1.2.1. Quan trắc định kỳ nước ngầm

Nhà máy sử dụng nước giếng khoan. Do lượng nước sử dụng hàng ngày tại nhà máy khoảng 8 m^3/ngày nên Công ty không thực hiện quan trắc mẫu nước dưới đất.

Nhà máy không xả thải vào môi trường đất nên Công ty không thực hiện quan trắc chất lượng nước ngầm.

1.2.2. Quan trắc định kỳ nước mặt

Nhà máy không xả thải vào môi trường đất nên Công ty không thực hiện quan trắc chất lượng nước mặt xung quanh nhà máy.

1.2.2. Quan trắc nước thải liên tục, tự động

Chưa có lắp đặt hệ thống quan trắc liên tục, tự động

2. Về công trình bảo vệ môi trường đối với khí thải

2.1. Xử lý khí thải

Bụi chủ phát sinh từ quá trình vận chuyển, sàng nguyên liệu, bốc dỡ nguyên vật liệu, thành phẩm. Tuy nhiên, hoạt động này không thường xuyên nên nồng độ bụi không cao.

Tiếng ồn phát sinh từ quá trình hoạt động của máy móc như sàng nguyên liệu, bốc xếp nguyên vật liệu và sản phẩm; các hoạt động của phương tiện giao thông vận tải ra vào nhà máy... Tuy nhiên, cường độ của tiếng ồn là không quá lớn và không liên tục trong ngày.

2.2. Kết quả quan trắc khí thải

2.2.2. Quan trắc định kỳ chất lượng không khí, vi khí hậu và tiếng ồn

- Thời gian quan trắc: Ngày 07/06/2022; Ngày 30/10/2022;
- Tần suất quan trắc: 2 lần/năm
- Vị trí các điểm quan trắc và tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc:
  - 01-KK: 01 mẫu không khí tại Khu nhà xưởng sản xuất gạch; Tọa độ X = 1322378 ; Y = 397451
  - 02-KK: 01 mẫu không khí tại Khu vực bãi chứa nguyên liệu đóng gạch; Tọa độ X = 1322352; Y = 397433
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng QCVN:
  - QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu nơi làm việc (bổ sung QC)
  - QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu và giá trị cho phép nơi làm việc
  - QCVN 24:2016/TT-BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn
  - QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh
  - QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.
  - QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

- Đơn vị thực hiện quan trắc Công ty TNHH Bách Việt Đồng Nai; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường số hiệu VIMCERTS 015 theo Quyết định số 309/QĐ-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 22 tháng 02 năm 2021.

Giấy chứng nhận phòng thử nghiệm môi trường số hiệu VILAS 521 theo Quyết định số 280/2021/QĐ-VPCNCL do Bộ Khoa học và Công nghệ cấp ngày 27 tháng 05 năm 2021

Bảng 3: Kết quả quan trắc môi trường vi khí hậu và tiếng ồn ngày 07/06/2022

Mã mẫu	Vị trí đo	Độ ồn [1,2] (dBA)	Nhiệt độ (^{0}C) [1,2]	Độ ẩm (%)[1,2]	Tốc độ gió (m/s)[1,2]
[illegible] (KT.1)	Khu vực bãi chứa nguyên liệu	62,8	31,3	62,7	0,6
Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn QCVN 26 : 2010/BTNMT		*Từ 6 giờ - 21 giờ:* 70	-	-	-
[illegible] (KT.2)	Khu vực lò nung sản xuất gạch	82,4	31,0	61,4	0,2
Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc QCVN 24: 2016/BYT		**85**	-	-	-
Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc QCVN 26: 2016/BYT		-	**18 - 32**	**40 - 80**	**0,2 – 1,5**

Bảng 4: Kết quả quan trắc môi trường vi khí hậu và tiếng ồn ngày 30/10/2022

Mã mẫu	Vị trí đo	Độ ồn [1,2] (dBA)	Nhiệt độ (^{0}C) [1,2]	Độ ẩm (%)[1,2]	Tốc độ gió (m/s)[1,2]
301022-KT.1	Khu vực bãi chứa nguyên liệu	63,4	31,5	63,6	0,7
Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn QCVN 26 : 2010/BTNMT		*Từ 6 giờ - 21 giờ:* 70	-	-	-

301022-02 (02-KK)	Khu vực nhà xưởng sản xuất gạch	85.2	30.7	42.3	0.4
Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc QCVN 24: 2016/BYT		85	-	-	-
Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc QCVN 26: 2016/BYT		-	18 - 32	40 - 80	0.2 – 1,5

Bảng 5: Kết quả quan trắc môi trường không khí ngày 07/06/2022

Mã mẫu	Vị trí đo	Bụi (1,2) (µg/m³)	CO (1) (µg/m³)	NO_2 (1) (µg/m³)	SO_2 (1) (µg/m³)
070622-12 (02-KK)	Khu vực bãi chứa nguyên liệu	272	3.000	89	75
Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh QCVN 05 : 2013/BTNMT (Trung bình 1 giờ)		300	30.000	200	350
Mã mẫu	**Vị trí đo**	**Bụi (1,2) (mg/m³)**	**CO (1) (mg/m³)**	**NO_2 (1) (mg/m³)**	**SO_2 (1) (mg/m³)**
070622-12 (02-KK)	Khu vực nhà xưởng sản xuất gạch	1.86	5.0	0,121	0.108
Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc QCVN 02 : 2019/BYT		8	-	-	-
Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việcs QCVN 03 : 2019/BYT		-	40	10	10

Bảng 6: Kết quả quan trắc môi trường không khí ngày 30/10/2022

Mã mẫu	Vị trí đo	Bụi (1,2) (µg/m³)	CO (1) (µg/m³)	NO_2 (1) (µg/m³)	SO_2 (1) (µg/m³)
301022-02 (02-KK)	Khu vực bãi chứa nguyên liệu	281	3.500	92	77
Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không		300	30.000	200	350

khí xung quanh QCVN 05 : 2013/BTNMT (Trung bình 1 giờ)					
Mã mẫu	Vị trí đo	Bụi [2] (mg/m³)	CO [1] (mg/m³)	NO_2 [1] (mg/m³)	SO_2 [1] (mg/m³)
KK1022-02 (02-SKX)	Khu vực nhà xưởng sản xuất gạch	1,92	5,5	0,132	0,114
Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc QCVN 02 : 2019/BYT		8	-	-	-
Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc QCVN 03 : 2019/BYT		-	40	10	10

(Nguồn: Công ty TNHH Bạch Việt Trung Nai, năm 2022)

Nhận xét:

Từ kết quả quan trắc các thông số môi trường không khí, vi khí hậu và tiếng ồn cho thấy tất cả các thông số có giá trị đều nhỏ hơn giá trị so sánh với các quy chuẩn cho phép. Mặc dù tiếng ồn khu vực xưởng sản xuất gạch khá lớn vì máy ép thủy lực ép mạnh phát ra tuy nhiên tiếng động này ngắt quang, không liên tục. Như vậy, hoạt động quản lý của nhà máy vẫn ổn định, chất lượng không khí đảm bảo.

2.2.4. Quan trắc khí thải liên tục, tự động

Công ty không lắp đặt hệ thống quan trắc liên tục, tự động.

3. Về quản lý chất thải rắn thông thường

Rác thải từ các hoạt động sinh hoạt trong phân xưởng bao gồm 3 dạng:

- Loại rác thải vô cơ như đồ hộp, vỏ lon, nhựa, thủy tinh…
- Loại rác thải hữu cơ gồm thức ăn dư, vỏ trái, cây …

Lượng rác thải sinh hoạt phát sinh ít do không nấu ăn trong khu vực nhà máy, ước tính khoảng 10kg/ngày.

- Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được thể hiện dưới bảng sau:

STT	Nhóm CTRSH	Khối lượng (tấn)	Tổ chức cá nhân tiếp nhận CTRSH	Khối lượng năm 2021 (tấn)
1	Chất thải rắn sinh hoạt			

- Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường được thể hiện dưới bảng sau:

Chất thải không nguy hại có khối lượng không đáng kể bao gồm những loại chất thải như bao bì, xi măng...ước tính khoảng 1kg ngày

STT	Nhóm CTRCNTT	Khối lượng (kg)	Tổ chức cá nhân tiếp nhận CTRCNTT	Khối lượng năm 2021 (kg)
1				
2				
3				
4				

4. Về quản lý chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại bao gồm những loại chất thải như gie lau máy, bao tay dính dầu nhớt, bóng đèn thuỷ tinh, dầu nhớt thải.Chất thải này chỉ phát sinh trong quá trình bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị mỗi năm 01 lần.

Phi. Ắc quy hết hạn, dầu nhớt thải của ô tô, dầu thuỷ lực của máy ép sau khi thay được các Garage ô tô. Đơn vị bán dầu thuỷ lực giữ lại, kể cả các can nhựa và phuy đựng dầu. Các hộp mực in máy phô tô sau khi thay thế, bên sửa chữa thu gom mang về, công ty không lưu giữ lại. Chỉ có phần ít bóng đèn huỳnh quang (đã dần thay thế bằng đèn Led), gie lau nhiễm dầu, mỡ được lưu trữ trong kho chất thải nguy hại của công ty nhưng với số lượng không nhiều. Vài năm công ty mới thuê đơn vị được cấp phép để thu gom 1 lần

- Khối lượng chất thải rắn nguy hại được thể hiện dưới bảng sau:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý	Tổ chức cá nhân tiếp nhận CTNH	Khối lượng năm 2021 (kg)
1						
2						
3						
4						
5						
6						
7						
	Tổng số lượng					

Ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách chiết lọc kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học);

DX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập đóng rắn); C (Chôn lấp); [illegible] chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp)

- **Kế hoạch quản lý chất thải nguy hại trong kỳ báo cáo tới:**

+ Thực hiện đúng trách nhiệm quy định của thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường

+ Công ty sẽ tiếp tục duy trì hợp đồng thu gom vận chuyển xử lý với các đơn vị có chức năng

+ Tiếp tục duy trì công tác kiểm tra chặt chẽ các hoạt động vệ sinh nhà xưởng, máy móc thiết bị, và các hoạt động có sử dụng dầu, hóa chất không để vung vãi, hòa lẫn vào nước mưa chảy tràn.

5. Kế phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

5.1. Việc xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường

Loại sự cố có thể xảy ra	Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường
Sự cố về HT máy móc	**+ Kiểm tra thường xuyên** - Thường xuyên theo dõi hoạt động của các máy móc xử lý, tình trạng hoạt động của hệ thống xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời.
Sự cố về HTXL nước thải, bể tự hoại	- Thường xuyên theo dõi, đào tạo thực hành các thao tác vận hành hệ thống xử lý và thực hành xử lý các tình huống sự cố cho nhân viên vận hành hệ thống xử lý.
Sự cố về đường ống dẫn thoát nước	**+ Kiểm tra đột xuất** - Phối hợp, tạo điều kiện cho các ban ngành kiểm tra như: Phòng Tài Nguyên Và Môi Trường, Sở Tài Nguyên và Môi Trường khi có kế hoạch kiểm tra về môi trường.

5.2. Báo cáo việc thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường, tập trung làm rõ các nội dung chính như sau:

5.2.1. Các giải pháp phòng ngừa sự cố môi trường tại cơ sở

Các CBNV tuân thủ quy định PCCC: Cán bộ nhân viên không được hút thuốc, không mang bật lửa, quẹt điểm, các dụng cụ phát ra tia lửa trong khu vực có thể gây cháy.

Các CBNV tham gia lịch huấn luyện PCCC theo thời gian mà Nhà máy đưa ra

Kiểm tra dây dẫn điện tránh sự quá tải trên đường dây

Thường xuyên kiểm tra đăng kiểm định kỳ đối với các máy móc, thiết bị làm việc ở nhiệt độ và áp suất cao. Các thiết bị này phải có đồng hồ đo nhiệt độ, áp suất, nhằm giám sát các thông số kỹ thuật

- Các thiết bị chữa cháy và báo cháy, các thiết bị và dây dẫn chống sét công trình được kiểm tra thường xuyên và ở trạng thái sẵn sàng để đảm bảo khi có sự cố xảy ra thì vẫn hoạt động tốt.

- Nhà máy sẽ bảo dưỡng, sửa chữa và thay mới đối với các thiết bị, máy móc đã đến hạn bảo dưỡng hoặc thay thế.

- Phối hợp tốt với người dân địa phương trong bảo vệ an ninh trật tự khu vực.

- Trang bị thiết bị bảo hộ lao động và thường xuyên kiểm tra, đôn đốc công nhân thực hiện tốt công tác an toàn lao động, thực hiện các biện pháp phòng cháy chữa cháy theo đúng quy định.

5.2.2. Việc ứng phó và khắc phục sự cố môi trường xảy ra tại cơ sở

Trong năm 2022, Công ty không phát sinh sự cố môi trường trong quá trình hoạt động.

6. Về báo cáo quản lý các chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy

Trong hoạt động sản xuất Công ty không sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy.

7. Kết quả khắc phục các yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra và cơ quan nhà nước có thẩm quyền

Trong năm 2022, Công ty không có yêu cầu khắc phục của cơ quan thanh tra, kiểm tra và cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Trên đây là toàn bộ báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2022 của Công ty cổ phần công nghiệp Đắk Nông – chủ đầu tư Nhà máy sản xuất gạch không nung Đắk Nông. Năm 2022 chất lượng môi trường của Nhà máy sản xuất gạch không nung Đắk Nông đảm bảo các quy định về giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Chúng tôi rất mong Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông, phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đắk R'Lấp tạo điều kiện giúp đỡ để Công ty trong quá trình hoạt động luôn thực hiện đúng luật bảo vệ môi trường, kịp thời hướng dẫn Công ty các thủ tục cần thiết để công ty vừa tăng cường chất lượng sản xuất và góp phần phát triển kinh tế địa phương, vừa đảm bảo tốt các vấn đề về môi trường.

Nơi nhận:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP ĐẮK NÔNG

PHỤ LỤC

[illegible]

VILAS 521

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC

Số: 0313-22-KN-17 *Đồng Nai, ngày 14 tháng 06 năm 2022*

1. **Đơn vị yêu cầu** : CÔNG TY TNHH MTV CƯỜNG THỊNH TÂY NGUYÊN
2. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY SẢN XUẤT GẠCH KHÔNG NUNG ĐẮK NÔNG
1. Địa chỉ : Thôn 2, xã Nhân Đạo, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông
3. Ngày lấy mẫu : 07/06/2022, trời nắng
4. Loại mẫu : Vi khí hậu & tiếng ồn
5. **Phương pháp đo đạc và thử nghiệm:**

Chỉ tiêu	Thiết bị đo	Phương pháp thử nghiệm
Độ ồn	CENTER 325	TCVN 7878-2:2010
Nhiệt độ	LUTRON LM8000	QCVN 46:2012/BTNMT
Độ ẩm	LUTRON LM8000	QCVN 46:2012/BTNMT
Tốc độ gió	LUTRON LM8000	QCVN 46:2012/BTNMT

6. Kết quả đo đạc :

Mã mẫu	Vị trí đo	Độ ồn [1,2] (dBA)	Nhiệt độ (^{O}C) [1,2]	Độ ẩm (%) [1,2]	Tốc độ gió (m/s) [1,2]
070622-12/01-KK	Khu vực bãi chứa nguyên liệu	62.8	31.3	62.7	0.6
Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn QCVN 26 : 2010/BTNMT		*Từ 6 giờ - 21 giờ: 70*	-	-	-
070622-12/02-KK	Khu vực nhà xưởng sản xuất gạch	82.4	31.0	61.4	0,2
Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc QCVN 24: 2016/BYT		**85**	-	-	-
Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc QCVN 26: 2016/BYT		-	**18 - 32**	**40 - 80**	**0,2 – 1,5**

Ghi chú: Kết quả thử nghiệm và đo đạc có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo
(1): Chỉ tiêu VIMCERTS công nhận; (2): Chỉ tiêu VILAS công nhận

ĐẠI DIỆN
PHÒNG THỬ NGHIỆM

CAO VŨ NGỌC TRAI

PHÓ GIÁM ĐỐC

VÕ LÊ DUY KHÁNH

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 0313-22-KK-17 *Đồng Nai, ngày 14 tháng 06 năm 2022*

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH MTV CƯỜNG THỊNH TÂY NGUYÊN
2. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY SẢN XUẤT GẠCH KHÔNG NUNG ĐẮK NÔNG
2. Địa chỉ : Thôn 2, xã Nhân Đạo, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông
3. Ngày lấy mẫu : 07/06/2022, trời nắng
4. Loại mẫu : Không khí
5. Thời gian thử nghiệm : 08/06/2022 – 14/06/2022
6. **Phương pháp đo đạc và thử nghiệm:**

Chỉ tiêu	Phương pháp thử nghiệm
Bụi	TCVN 5067 – 1995
NO_2	TCVN 6137 – 2009
SO_2	TCVN 5971 – 1995
CO	HDCV – QTK – 04

7. Kết quả thử nghiệm :

Mã mẫu	Vị trí đo	Bụi (1,2) (µg/m³)	CO (1) (µg/m³)	NO_2 (1) (µg/m³)	SO_2 (1) (µg/m³)
070622-12 (01-KK)	Khu vực bãi chứa nguyên liệu	272	3.000	89	75
Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh QCVN 05 : 2013/BTNMT (Trung bình 1 giờ)		**300**	**30.000**	**200**	**350**
Mã mẫu	**Vị trí đo**	**Bụi (1,2) (mg/m³)**	**CO (1) (mg/m³)**	**NO_2 (1) (mg/m³)**	**SO_2 (1) (mg/m³)**
070622-12 (02-KK)	Khu vực nhà xưởng sản xuất gạch	1,86	5,0	0,121	0,108
Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc QCVN 02 : 2019/BYT		**8**	**-**	**-**	**-**
Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việcs QCVN 03 : 2019/BYT		**-**	**40**	**10**	**10**

Ghi chú: Kết quả thử nghiệm và đo đạc có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo
(1): Chỉ tiêu VIMCERTS công nhận, (2): Chỉ tiêu VILAS công nhận

ĐẠI DIỆN
PHÒNG THỬ NGHIỆM

CAO VŨ NGỌC TRAI

PHÓ GIÁM ĐỐC

VÕ LÊ DUY KHÁNH

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC

Số: 0647-22-KK-57 *Đồng Nai, ngày 07 tháng 11 năm 2022*

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH MTV CƯỜNG THỊNH TÂY NGUYÊN
2. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY SẢN XUẤT GẠCH KHÔNG NUNG ĐẮK NÔNG
1. Địa chỉ : Thôn 2, xã Nhân Đạo, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông
3. Ngày lấy mẫu : 30/10/2022, trời nắng
4. Loại mẫu : Vi khí hậu & tiếng ồn
5. Phương pháp đo đạc và thử nghiệm:

Chỉ tiêu	Thiết bị đo	Phương pháp thử nghiệm
Độ ồn	CENTER 325	TCVN 7878-2:2010
Nhiệt độ	LUTRON LM8000	QCVN 46:2012/BTNMT
Độ ẩm	LUTRON LM8000	QCVN 46:2012/BTNMT
Tốc độ gió	LUTRON LM8000	QCVN 46:2012/BTNMT

6. Kết quả đo đạc :

Mã mẫu	Vị trí đo	Độ ồn (1,2) (dBA)	Nhiệt độ (°C) (1,2)	Độ ẩm (%) (1,2)	Tốc độ gió (m/s) (1,2)
301022-02 (01-KK)	Khu vực bãi chứa nguyên liệu	63,4	31,5	63,6	0,7
Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn QCVN 26 : 2010/BTNMT		*Từ 6 giờ - 21 giờ: 70*	-	-	-
301022-02 (02-KK)	Khu vực nhà xưởng sản xuất gạch	83,2	30,7	62,3	0,4
Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc QCVN 24: 2016/BYT		**85**	-	-	-
Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc QCVN 26: 2016/BYT		-	**18 - 32**	**40 - 80**	**0,2 – 1,5**

Ghi chú: Kết quả thử nghiệm và đo đạc có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo
(1): Chỉ tiêu VIMCERTS công nhận; (2): Chỉ tiêu VILAS công nhận

ĐẠI DIỆN
PHÒNG THỬ NGHIỆM

CAO VŨ NGỌC TRAI

PHÓ GIÁM ĐỐC

VÕ LÊ DUY KHÁNH

[illegible]
Tel: (025 2)3852 [illegible] Fax: (025 2)3852 [illegible]
Email: [illegible]

VILAS 521

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 0647-22-KK-57 *Đồng Nai, ngày 07 tháng 11 năm 2022*

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH MTV CƯỜNG THỊNH TÂY NGUYÊN
2. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY SẢN XUẤT GẠCH KHÔNG NUNG ĐẮK NÔNG
2. Địa chỉ : Thôn 2, xã Nhân Đạo, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông
3. Ngày lấy mẫu : 30/10/2022, trời nắng
4. Loại mẫu : Không khí
5. Thời gian thử nghiệm : 31/10/2022 – 07/11/2022
6. Phương pháp đo đạc và thử nghiệm:

Chỉ tiêu	Phương pháp thử nghiệm
Bụi	TCVN 5067 : 1995
NO_2	TCVN 6137 : 2009
SO_2	TCVN 5971 : 1995
CO	HDCV - QTK 04

7. Kết quả thử nghiệm :

Mã mẫu	Vị trí đo	Bụi [1,2] ($\mu g/m^3$)	CO [1] ($\mu g/m^3$)	NO_2 [1] ($\mu g/m^3$)	SO_2 [1] ($\mu g/m^3$)
301022-02 (01-KK)	Khu vực bãi chứa nguyên liệu	281	3.500	92	77
Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh QCVN 05 : 2013/BTNMT (Trung bình 1 giờ)		**300**	**30.000**	**200**	**350**
Mã mẫu	**Vị trí đo**	**Bụi [1,2] (mg/m^3)**	**CO [1] (mg/m^3)**	**NO_2 [1] (mg/m^3)**	**SO_2 [1] (mg/m^3)**
301022-02 (02-KK)	Khu vực nhà xưởng sản xuất gạch	1,92	5,5	0,132	0,114
Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép tại nơi làm việc QCVN 02 : 2019/BYT		**8**	**-**	**-**	**-**
Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc QCVN 03 : 2019/BYT		**-**	**40**	**10**	**10**

Ghi chú: Kết quả thử nghiệm và đo đạc có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo
(1): Chỉ tiêu VIMCERTS công nhận; (2): Chỉ tiêu VILAS công nhận

ĐẠI DIỆN
PHÒNG THỬ NGHIỆM

CAO VŨ NGỌC TRAI

PHÓ GIÁM ĐỐC

VÕ LÊ DUY KHÁNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP ĐẮK NÔNG

.....

BÁO CÁO
CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
NĂM 2023
NHÀ MÁY GẠCH KHÔNG NUNG ĐẮK NÔNG

ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP ĐẮK NÔNG

Đắk R'Lấp, tháng 12 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP ĐẮK NÔNG

.....

BÁO CÁO
CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
NĂM 2023
NHÀ MÁY GẠCH KHÔNG NUNG ĐẮK NÔNG

Địa điểm quan trắc: Nhà máy gạch không nung Đắk Nông

Địa chỉ: Thôn 2, xã Nhân Đạo, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông

Đơn vị báo cáo

Đắk R'Lấp, tháng 12 năm 2023

MỤC LỤC

MỤC LỤC i
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT iii
DANH MỤC BẢNG iv
DANH MỤC HÌNH v
THÔNG TIN CHUNG 1
PHẦN II KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG 5
1. Về công trình bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải 5
1.1. Xử lý nước thải 5
1.1.1. Công trình xử lý nước thải 5
1.2. Kết quả quan trắc nước thải 5
1.2.1. Quan trắc định kỳ nước ngầm 5
1.2.2. Quan trắc định kỳ nước mặt 5
1.2.3. Quan trắc nước thải liên tục, tự động 6
2. Về công trình bảo vệ môi trường đối với khí thải 6
2.1. Xử lý khí thải 6
2.2. Kết qua quan trắc khí thải 6
2.2.2. Quan trắc định kỳ chất lượng không khí, vi khí hậu và tiếng ồn 6
2.2.4. Quan trắc khí thải liên tục, tự động 9
3. Về quản lý chất thải rắn thông thường 9
4. Về quản lý chất thải nguy hại 10
5. Về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường 11
5.1. Việc xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường 11
5.2. Báo cáo việc thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường, tập trung làm rõ các nội dung chính như sau 11
5.2.1. Các giải pháp phòng ngừa sự cố môi trường tại cơ sở 11
5.2.2. Việc ứng phó và khắc phục sự cố môi trường xảy ra tại cơ sở 12
6. Về báo cáo quản lý các chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy 12

7. Kết quả khắc phục các yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra và cơ quan nhà nước có thẩm quyền 12
PHỤ LỤC 15

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

NĐ	: Nghị định
NĐ-CP	: Nghị định – Chính phủ
HTXL	: Hệ thống xử lý
QH	: Quốc hội
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam
BTNMT	: Bộ Tài Nguyên và Môi trường
QĐ	: Quyết định
UBND	: Ủy ban nhân dân
TT	: Thông tư
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
MT	: Môi trường
BVMT	: Bảo vệ môi trường
VPCNCL	: Văn phòng chứng nhận chất lượng
CTRSH	: Chất thải rắn sinh hoạt
CTRCNTT	: Chất thải rắn công nghiệp thông thường
CTNH	: Chất thải nguy hại
BOD_5	: Nhu cầu oxy hóa sinh học
COD	: Nhu cầu oxy hóa học
TSS	: Chất rắn lơ lửng
VSV	: Vi sinh vật

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Nhu cầu điện năng của Nhà máy 2

Bảng 2: Nhu cầu nguyên liệu, vật liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất của Nhà máy 3

Bảng 3: Kết quả quan trắc môi trường vi khí hậu và tiếng ồn ngày 08/05/2023 7

Bảng 4: Kết quả quan trắc môi trường vi khí hậu và tiếng ồn ngày 17/11/2023 7

Bảng 5: Kết quả quan trắc môi trường không khí ngày 08/05/2023 8

Bảng 6: Kết quả quan trắc môi trường không khí ngày 17/11/2023 8

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Thành phẩm 4

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP ĐẮK NÔNG
NHÀ MÁY SẢN XUẤT GẠCH KHÔNG NUNG

Số: ..../ BC-NM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Nông, ngày ... tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO
CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2023

THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP ĐẮK NÔNG**

- Địa chỉ: Thôn 2, Xã Nhân Đạo, Huyện Đắk R'Lấp, Tỉnh Đắk Nông.

- Điện thoại:

- Người đại diện: Ông **Nguyễn Thành Luân**; Chức vụ: Giám Đốc

- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Nhà máy chuyên sản xuất gạch không nung.

- Quy mô/công suất: Tổng diện tích của lô đất xây dựng nhà máy là 22.471 m^2 bao gồm cả diện tích nhà xưởng, đường nội bộ, khuôn viên cây xanh và khu nhà văn phòng.

Sản phẩm: Gạch xây không nung xây dựng, Gạch trang trí, Gạch terazzo.

Trong giai đoạn đầu là khoảng 40 triệu viên QTC/năm; sau khi Nhà máy đi vào hoạt động ổn định, công ty sẽ đầu tư nâng cao công suất Nhà may lên 60 triệu viên QTC/năm.

- Tần suất hoạt động:

- Quyết định số phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường cho dự án ngày

- Mã số thuế: 6400348804

- Nhiên liệu, điện, nước tiêu thụ

❖ Nhu cầu về điện

Nhà máy sử dụng điện được đấu nối từ đường dây của Công ty Điện lực Đắk Nông đi qua địa bàn xã Nhân Đạo, huyện Đắk R'Lấp.

Bảng 1: Nhu cầu điện năng của Nhà máy

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Công suất điện lắp đặt (KW)	Tổng công suất (KW)
A	***Hệ thống nhà xưởng***				***100***
1	Điện cung cấp cho máy sản xuất gạch	cái	2	44	88
2	Điện cung cấp cho ánh sáng trong xưởng	cái	1	12	12
B	***Hệ thống điện văn phòng***				*51*
1	Điện động lực	cái	2	20	40
2	Điện chiếu sáng	cái	1	11	11
C	***Hệ thống điện công cộng + lán côngnhân***		*2*	*0.55*	*11.1*

- Tổng công suất lắp đặt là: 100 + 51 + 11,1= 162,1 KW
- Hệ số sử dụng không đồng thời: 0,8
- Hệ số cos φ: 0,8
- Công suất máy biến áp cần thiết: 162,1 x 0,8/0,8 = 162,1 KVA

❖ Nhu cầu sử dụng nước

Sử dụng giếng khoan để cung cấp nước cho quá trình sinh hoạt của cán bộ, công nhân và cho quá trình sản xuất

Lượng nước cấp cho nhà máy chủ yếu phục vụ cho phối trộn nguyên liệu trước khi tạo hình gạch, hoạt động vệ sinh cá nhân, sinh hoạt của nhân viên, công nhân trong nhà máy.

Tổng nhu cầu sử dụng nước của nhà máy khoảng: 8 m^3/ngày trong đó:

Nước cấp cho sản xuất khoảng: 2,5 m^3/ngày.

Nhu cầu nước sử dụng cho sinh hoạt: 1 m^3/ngày.

Nước sử dụng để tưới cây khoảng: 0,5 m^3/ngày.

Nước sử dụng để rửa xe, thiết bị: 1 m^3/ngày.

❖ Nhu cầu nhân lực

Tổng số lao động 20 người bao gồm nhân viên văn phòng và nhân công tham gia sản xuất trực tiếp của nhà máy. Số ca làm việc: 2 ca/ngày

❖ Nhu cầu nguyên liệu cho quá trình sản xuất

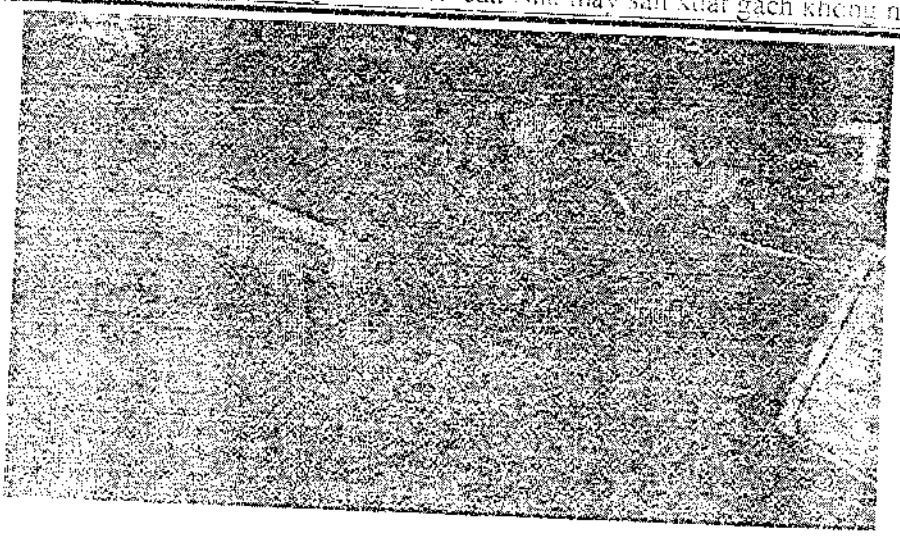

Hình 1. Thành phẩm

Tro bay: xỉ than được chuyển từ Nhà máy Nhiệt điện của Tổ hợp Bauxit - Nhôm Nhân Cơ với quãng đường vận chuyển khoảng 3 km.

- Xỉ than được sàng tuyển cơ học thành các sản phẩm phục vụ trong quá trình sản xuất gạch và dùng trong xây dựng. Xỉ than bao gồm xỉ cát, xỉ dăm và xỉ sỏi; xỉ cát được tuyển từ xỉ đáy của nhà máy nhiệt điện có kích thước từ 0 ÷ 2mm, xỉ cát dùng thay cát trong xây dựng, sản lượng khoảng 30.000 tấn/năm; xỉ dăm được tuyển từ xỉ đáy của nhà máy nhiệt điện có kích thước từ 2 ÷ 6mm, xỉ zăm dùng thay đá 2x4mm; 4x6mm trong xây dựng, sản lượng khoảng 15.000 tấn/năm (chiếm 30% xỉ đáy); Xỉ sỏi được tuyển từ xỉ đáy của nhà máy nhiệt điện có kích thước từ > 6mm, dùng thay sỏi trong xây dựng, sản lượng khoảng 5.000 tấn/năm (chiếm 10% xỉ đáy).

- Tro bay được sử dụng làm phụ gia trong bê tông, nguyên liệu sản xuất gạch không nung, xi măng và một số ngành công nghiệp khác. Xi măng là phụ gia kết dính mua ở Đắk Nông.

Bảng 2: Nhu cầu nguyên liệu, vật liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất của Nhà máy

TT	Tên sản phẩm	Kế hoạch sản xuất viên/năm	Nguyên liệu tro xỉ		Nguyên liệu xi măng	
			Định mức (m^3/1.000 v)	Khối lượng (m^3/năm)	Định mức (tấn/1000 v)	Khối lượng (tấn/năm)
1	Gạch block	190.000	14,88	2976	0,58	116
2	Gạch 2 lỗ	190.000	1,84	368	0,34	68
3	Gạch 4 lỗ	9.400.000	0,92	8.740	0,17	1.615
4	Gạch 6 lỗ	2.400.000	1,44	3.600	0,2	500
5	Gạch thẻ	190.000	0,5	100	0,16	32
	Tổng cộng	**12.370.000**		**15.784**		**2.331**

(Nguồn: Công ty Cổ phần Công nghiệp Đắk Nông năm 2023)

PHẦN 2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Về công trình bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải

1.1. Xử lý nước thải

1.1.1. Công trình xử lý nước thải

❖ **Nước thải sinh hoạt:**

Nước thải sinh hoạt từ quá trình sinh hoạt của công nhân viên công ty gồm có nước thải từ lavabo, vòi rửa…được thải trực tiếp ra hệ thống thoát nước của công ty. Nước thải từ nhà vệ sinh được thu gom và xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn sau đó chảy qua giếng thấm trước khi thải ra môi trường.

❖ **Nước mưa:**

Nước mưa được thu qua hai hệ thống: hệ thống mái nhà sau đó chảy theo đường ống xuống mương bê tông xung quanh sân; nước mưa chảy tràn trên sân theo độ dốc của sân chảy xuống mương bê tông xung quanh sân. Nước mưa chảy tràn được công ty tách riêng biệt đường nước mưa ra khỏi đường nước thải và cho thoát thẳng ra hệ thống thoát nước mưa sau khi qua hệ thống song chắn rác để giữ lại rác có kích thước lớn.

❖ **Nước thải sản xuất**

Nước thải phát sinh từ quá trình sản xuất chủ yếu là nước rửa xe và thiết bị. Công nghệ sản xuất gạch không nung chỉ sử dụng nước cho giai đoạn tạo độ ẩm cho sản phẩm, lượng nước được sử dụng liên tục không thay nước mà chỉ thêm khi thiếu nước. Do khi ngâm, gạch đã hút một phần nước. Lượng nước thải sản xuất khoảng 1m^3/ngày, nước tưới rửa xe đặt trong máng nên không thoát ra ngoài, thành phần nước rửa xe cũng không độc hại.

1.2. Kết quả quan trắc nước thải

1.2.1. Quan trắc định kỳ nước ngầm

Nhà máy sử dụng nước giếng khoan. Do lượng nước sử dụng hàng ngày tại nhà máy khoảng 8 m^3/ngày nên Công ty không thực hiện quan trắc mực nước dưới đất.

Nhà máy không xả thải vào môi trường đất nên Công ty không thực hiện quan trắc chất lượng nước ngầm.

1.2.2. Quan trắc định kỳ nước mặt

Nhà máy không xả thải vào môi trường đất nên Công ty không thực hiện quan trắc chất lượng nước mặt xung quanh nhà máy

1.2.2. Quan trắc nước thải liên tục, tự động

Công ty không lắp đặt hệ thống quan trắc liên tục, tự động

2. Về công trình bảo vệ môi trường đối với khí thải

2.1. Xử lý khí thải

Bụi chủ yếu phát sinh từ quá trình vận chuyển, sàng nguyên liệu, bốc dỡ nguyên vật liệu, thành phẩm. Tuy nhiên, hoạt động này không thường xuyên nên nồng độ bụi không cao.

Tiếng ồn phát sinh từ quá trình hoạt động của máy móc như: sàng nguyên liệu, bốc xếp nguyên vật liệu và sản phẩm; các hoạt động của phương tiện giao thông vận tải ra vào nhà máy. Tuy nhiên, cường độ của tiếng ồn là không quá lớn và không liên tục trong 1 ngày.

2.2. Kết quả quan trắc khí thải

2.2.2. Quan trắc định kỳ chất lượng không khí, vi khí hậu và tiếng ồn

- Thời gian quan trắc: Ngày 08/05/2023; Ngày 17/11/2023
- Tần suất quan trắc: 2 lần/năm
- Vị trí các điểm quan trắc và tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc:
  - 01-KK: 01 mẫu không khí tại Khu nhà xưởng sản xuất gạch: Tọa độ X = 1372378 ; Y = 397451
  - 02-KK: 01 mẫu không khí tại Khu vực bãi chứa nguyên liệu đóng gạch; Tọa độ X = 1322352; Y = 397433
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng QCVN:
  - QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu nơi làm việc
  - QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu và giá trị cho phép nơi làm việc
  - QCVN 24:2016/TT-BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn
  - QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh
  - QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí – giá trị giới hạn tối đa của một số chất độc hại trong không khí xung quanh.
  - QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

* QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

- Đơn vị thực hiện quan trắc Công ty TNHH Bạch Việt Đồng Nai; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường số hiệu VIMCERTS 045 theo Quyết định số 309/QĐ-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 22 tháng 02 năm 2021.

Giấy chứng nhận phòng thử nghiệm môi trường số hiệu VILAS 521 theo Quyết định số 280.2021/QĐ-VPCNCL do Bộ Khoa học và Công nghệ cấp ngày 27 tháng 05 năm 2021.

Bảng 3: Kết quả quan trắc môi trường vi khí hậu và tiếng ồn ngày 08/05/2023

Mã mẫu	Vị trí đo	Độ ồn (1,2) (dBA)	Nhiệt độ (^oC) (1,2)	Độ ẩm (%)(1,2)	Tốc độ gió (m/s) (1,2)
080523-03 (01-KK)	Khu vực bãi chứa nguyên liệu	65,7	30,8	65,4	0,8
Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn (QCVN 26 : 2010/BTNMT		*Từ 6 giờ - 21 giờ: 70*	-	-	-
080523-03 (02-KK)	Khu vực nhà xưởng sản xuất gạch	82,9	31,2	64,2	0,6
Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc QCVN 24: 2016/BYT		**85**	-	-	-
Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc QCVN 26: 2016/BYT		-	**18 - 32**	**40 - 80**	**0,2 – 1,5**

Bảng 4: Kết quả quan trắc môi trường vi khí hậu và tiếng ồn ngày 17/11/2023

Mã mẫu	Vị trí đo	Độ ồn (1,2) (dBA)	Nhiệt độ (^oC) (1,2)	Độ ẩm (%)(1,2)	Tốc độ gió (m/s) (1,2)
171123-06(01-KK)	Khu vực bãi chứa nguyên liệu	66,4	31,2	67,5	0,9
Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn (QCVN 26 : 2010/BTNMT		*Từ 6 giờ - 21 giờ: 70*	-	-	-
171123-06(02-KK)	Khu vực nhà xưởng sản xuất gạch	81,6	30,3	63,8	0,8

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc QCVN 24: 2016/BYT	85	-	-	-
Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc QCVN 26: 2016/BYT	-	18 - 32	40 - 80	0,2 – 1,5

Bảng 5: Kết quả quan trắc môi trường không khí ngày 08/05/2023

Mã mẫu	Vị trí đo	Bụi (1,2) (µg/m³)	CO (1) (µg/m³)	NO_2 (1) (µg/m³)	SO_2 (1) (µg/m³)
080523-03 (01-KK)	Khu vực bãi chứa nguyên liệu	268	3.521	95	81
Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh QCVN 05 : 2013/BTNMT (Trung bình 1 giờ)		**300**	**30.000**	200	**350**
Mã mẫu	**Vị trí đo**	**Bụi (1,2) (mg/m³)**	**CO (1) (mg/m³)**	**NO_2 (1) (mg/m³)**	**SO_2 (1) (mg/m³)**
080523-03 (02-KK)	Khu vực nhà xưởng sản xuất gạch	1,78	5,8	0,21	0,24
Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc QCVN 02 : 2019/BYT		**8**	-	-	-
Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc QCVN 03 : 2019/BYT		-	**40**	10	**10**

Bảng 6: Kết quả quan trắc môi trường không khí ngày 17/11/2023

Mã mẫu	Vị trí đo	Bụi (1,2) (µg/m³)	CO (1) (µg/m³)	NO_2 (1) (µg/m³)	SO_2 (1) (µg/m³)
171123-06 (01-KK)	Khu vực bãi chứa nguyên liệu	257	3.500	91	77
Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh QCVN 05 : 2013/BTNMT (Trung bình 1 giờ)		**300**	**30.000**	200	**350**

Mã mẫu	Vị trí đo	Bụi (1,2) (mg/m³)	CO (1) (mg/m³)	NO_2 (1) (mg/m³)	SO_2 (1) (mg/m³)
171123-Đo (02-KK)	Khu vực nhà xưởng sản xuất gạch	1,65	5,5	0,32	0,26
Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc QCVN 02 : 2019/BYT		**8**	**-**	**-**	**-**
Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc QCVN 03 : 2019/BYT		**-**	**40**	**10**	**10**

(Nguồn: Công ty TNHH Bách Việt Đồng Nai, năm 2023)

Nhận xét:

Từ kết quả quan trắc các thông số môi trường không khí, vi khí hậu và tiếng ồn trong năm 2023 cho thấy tất cả các thông số có giá trị đều nhỏ hơn giá trị so sánh với các quy chuẩn cho phép. Mặc dù tiếng ồn khu vực xưởng sản xuất gạch khá lớn vì máy ép thủy lực ép mạnh phát ra tuy nhiên tiếng động này ngắt quãng, không liên tục. Như vậy, hoạt động quản lý của nhà máy gạch không nung Đắk Nông vẫn ổn định, chất lượng môi trường không khí đảm bảo.

2.2.4. Quan trắc khí thải liên tục, tự động

Công ty không lắp đặt hệ thống quan trắc liên tục, tự động.

3. Về quản lý chất thải rắn thông thường

Rác thải từ các hoạt động sinh hoạt trong phân xưởng bao gồm 2 dạng:

- Loại rác thải vô cơ như đồ hộp, vỏ lon, nhựa, thủy tinh…
- Loại rác thải hữu cơ gồm thức ăn dư, vỏ trái, cây…

Lượng rác thải sinh hoạt phát sinh ít do không nấu ăn trong khu vực nhà máy, ước tính khoảng 9kg/ngày.

- Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được thể hiện dưới bảng sau:

TT	Nhóm CTRSH	Khối lượng năm 2023 (tấn)	Tổ chức cá nhân tiếp nhận CTRSH	Khối lượng năm 2022 (tấn)
1	Chất thải rắn sinh hoạt			

- Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường được thể hiện dưới bảng sau:

Chất thải không nguy hại có khối lượng không đáng kể bao gồm những loại chất thải như bao bì, xi măng...ước tính khoảng 1kg/ngày.

TT	Nhóm CTRCNTT	Khối lượng năm 2023 (kg)	Tổ chức cá nhân tiếp nhận CTRCNTT	Khối lượng năm 2022 (kg)
1				
2				
3				
4				

4. Về quản lý chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại bao gồm những loại chất thải như giẻ lau máy, bao tay dính dầu nhớt, bóng đèn thủy tinh, dầu nhớt thải.Chất thải này chỉ phát sinh trong quá trình bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị mỗi năm 01 lần.

Pin, Ắc quy hết hạn, dầu nhớt thải của ô tô, dầu thủy lực của máy ép sau khi thay được các Garage ô tô, Đơn vị bán dầu thủy lực giữ lại, kể cả các can nhựa và phuy đựng dầu. Các hộp mực in máy phô tô sau khi thay thế, bên sửa chữa thu gom mang về, công ty không lưu giữ lại. Chỉ có phần ít bóng đèn huỳnh quang (đã dần thay thế bằng đèn Led), giẻ lau nhiễm dầu, mỡ được lưu trữ trong kho chất thải nguy hại của công ty nhưng với số lượng không nhiều. Vài năm công ty mới thuê đơn vị được cấp phép để thu gom 1 lần

- Khối lượng chất thải rắn nguy hại được thể hiện dưới bảng sau:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng năm 2023 (kg)	Phương pháp xử lý	Tổ chức cá nhân tiếp nhận CTNH	Khối lượng năm 2022 (kg)
1						
2						
3						
4						
5						
6						
	Tổng số lượng					

Ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách chiết lọc kết tinh); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập đóng kén); C (Chôn lấp); TR (Tẩy rửa); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

- **Kế hoạch quản lý chất thải nguy hại trong kỳ báo cáo tới:**

+ Thực hiện đúng trách nhiệm quy định của thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường

+ Công ty sẽ tiếp tục duy trì hợp đồng thu gom vận chuyển xử lý với các đơn vị có chức năng

Tiếp tục duy trì công tác kiểm tra chặt chẽ các hoạt động vệ sinh nhà xưởng, máy móc thiết bị, và các hoạt động có sử dụng dầu, hóa chất không để vung vãi, hòa lẫn vào nước mưa chảy tràn.

5. Về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

5.1. Việc xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường

Loại sự cố có thể xảy ra	Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường
Sự cố về HT máy móc	**Kiểm tra thường xuyên** - Thường xuyên theo dõi hoạt động của các máy móc xử lý, tình trạng hoạt động của hệ thống xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời.
Sự cố về HTXL nước thải, hệ tự hoại	- Thường xuyên theo dõi, đào tạo thực hành các thao tác vận hành hệ thống xử lý và thực hành xử lý các tình huống sự cố cho nhân viên vận hành hệ thống xử lý.
Sự cố về đường ống dẫn thoát nước	**Kiểm tra đột xuất** - Phối hợp, tạo điều kiện cho các ban ngành kiểm tra như: Phòng Tài Nguyên Và Môi Trường, Sở Tài Nguyên và Môi Trường...khi có kế hoạch kiểm tra về môi trường.

5.2. Báo cáo việc thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường, tập trung làm rõ các nội dung chính như sau

5.2.1. Các giải pháp phòng ngừa sự cố môi trường tại cơ sở

+ Các CBNV tuân thủ quy định PCCC: Cán bộ nhân viên không được hút thuốc, không mang bật lửa, quẹt diêm, các dụng cụ phát ra tia lửa trong khu vực có thể gây cháy

+ Các CBNV tham gia lịch huấn luyện PCCC theo thời gian mà Nhà máy đưa ra

+ Kiểm tra dây dẫn điện tránh sự quá tải trên đường dây

+ Thường xuyên kiểm tra đăng kiểm định kỳ đối với các máy móc, thiết bị làm việc ở nhiệt độ và áp suất cao. Các thiết bị này phải có đồng hồ đo nhiệt độ, áp suất...nhằm giám sát các thông số kỹ thuật

- Các thiết bị chữa cháy và báo cháy, các thiết bị và dây dẫn chống sét công trình được kiểm tra thường xuyên và ở trạng thái sẵn sàng để đảm bảo khi có sự cố xảy ra thì vẫn hoạt động tốt.

+ Nhà máy sẽ bảo dưỡng, sửa chữa và thay mới đối với các thiết bị, máy móc đã đến hạn bảo dưỡng hoặc thay thế.

- Phối hợp tốt với người dân địa phương trong bảo vệ an ninh trật tự khu vực.

- Đã trang bị thiết bị bảo hộ lao động và thường xuyên kiểm tra, đôn đốc công nhân thực hiện tốt công tác an toàn lao động, thực hiện các biện pháp phòng cháy chữa cháy theo đúng quy định.

5.2.2. Việc ứng phó và khắc phục sự cố môi trường xảy ra tại cơ sở

Trong năm 2023, Công ty không phát sinh sự cố môi trường trong quá trình hoạt động.

6. Về báo cáo quản lý các chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy

Trong hoạt động sản xuất Công ty không sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy.

7. Kết quả khắc phục các yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra và cơ quan nhà nước có thẩm quyền

Trong năm 2023, Công ty không có yêu cầu khắc phục của cơ quan thanh tra, kiểm tra và cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Trên đây là toàn bộ báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023 của Công ty cổ phần công nghiệp Đắk Nông – chủ đầu tư Nhà máy sản xuất gạch không nung Đắk Nông. Năm 2023 chất lượng môi trường của Nhà máy sản xuất gạch không nung Đắk Nông đảm bảo các quy định về giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Công ty rất mong Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông, phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đắk R'Lấp, tạo điều kiện giúp đỡ cho Công ty trong quá trình hoạt động tuân thủ đúng luật bảo vệ môi trường, kịp thời hướng dẫn Công ty các thay đổi cập nhật mới để công ty vừa tăng cường chất lượng sản xuất và góp phần phát triển kinh tế địa bàn, vừa đảm bảo tốt các vấn đề về môi trường theo đúng quy định pháp luật.

Nơi nhận:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP ĐẮK NÔNG

PHỤ LỤC

VILAS 521

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 0781-23-KK-52 *Đồng Nai, ngày 18 tháng 05 năm 2023*

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH MTV PHÚ QUỐC ĐẠI NGÂN
2. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY SẢN XUẤT GẠCH KHÔNG NUNG ĐẮK NÔNG
2. Địa chỉ : Thôn 2, xã Nhân Đạo, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông
3. Ngày lấy mẫu : 08/05/2023, trời nắng
4. Loại mẫu : Không khí
5. Thời gian thử nghiệm : 09/05/2023 – 15/05/2023
6. Phương pháp đo đạc và thử nghiệm:

Chỉ tiêu	Phương pháp thử nghiệm
Bụi	TCVN 5067 : 1995
NO_2	TCVN 6137 : 2009
SO_2	TCVN 5971 : 1995
CO	HDCV – QTK – 04

7. Kết quả thử nghiệm :

Mã mẫu	Vị trí đo	Bụi (1,2) ($\mu g/m^3$)	CO (1) ($\mu g/m^3$)	NO_2 (1) ($\mu g/m^3$)	SO_2 (1) ($\mu g/m^3$)
080523-03 (01-KK)	Khu vực bãi chứa nguyên liệu	268	5.521	95	81
Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh QCVN 05 : 2013/BTNMT (Trung bình 1 giờ)		**300**	**30.000**	**200**	**350**

Mã mẫu	Vị trí đo	Bụi (1,2) (mg/m^3)	CO (1) (mg/m^3)	NO_2 (1) (mg/m^3)	SO_2 (1) (mg/m^3)
080523-03 (02-KK)	Khu vực nhà xưởng sản xuất gạch	1.78	5.8	0.21	0.24
Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc QCVN 02 : 2019/BYT		**8**	-	-	-
Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc QCVN 03 : 2019/BYT		-	40	**10**	**10**

Ghi chú: Kết quả thử nghiệm và đo đạc có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm lấy
(1): Chỉ tiêu VIMCERTS công nhận, (2): Chỉ tiêu VILAS công nhận

ĐẠI DIỆN
PHÒNG THỬ NGHIỆM

CAO VŨ NGỌC TRAI

PHÓ GIÁM ĐỐC

VÕ LÊ DUY KHÁNH

VILAS 621

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC

Số: 0870-23-KĐ_3 *Đồng Nai, ngày 17 tháng 11 năm 2023*

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH MTV PHÚ QUỐC ĐẠI NGÂN
2. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY SẢN XUẤT GẠCH KHÔNG NUNG ĐẮK NÔNG
1. Địa chỉ : Thôn 2, xã Nhân Đạo, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông
3. Ngày lấy mẫu : 17/11/2023, trời nắng
4. Loại mẫu : Vi khí hậu & tiếng ồn
5. Phương pháp đo đạc và thử nghiệm:

Chỉ tiêu	Thiết bị đo	Phương pháp thử nghiệm
Độ ồn	CENTER 335	TCVN 7878-2:2010
Nhiệt độ	LUTRON LM8000	QCVN 46:2012/BTNMT
Độ ẩm	LUTRON LM8000	QCVN 46:2012/BTNMT
Tốc độ gió	LUTRON LM8000	QCVN 46:2012/BTNMT

6. Kết quả đo đạc :

Mã mẫu	Vị trí đo	Độ ồn (1,2) (dBA)	Nhiệt độ (°C) (1,2)	Độ ẩm (%) (1,2)	Tốc độ gió (m/s) (1,2)
171123-06 (01-KS)	Khu vực bãi chứa nguyên liệu	66,1	31,2	67,5	0,9
Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn QCVN 26 : 2010/BTNMT		***Từ 6 giờ - 21 giờ: 70***	-	-	-
171123-06 (02-KS)	Khu vực nhà xưởng sản xuất gạch	81,6	30,3	63,8	0,8
Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc QCVN 24: 2016/BYT		**85**	-	-	-
Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc QCVN 26: 2016/BYT		-	**18 - 32**	**40 - 80**	**0,2 – 1,5**

Ghi chú: Kết quả thí nghiệm và đo đạc có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo
(1): Chỉ tiêu VIMCERTS công nhận; (2): Chỉ tiêu VILAS công nhận

ĐẠI DIỆN
PHÒNG THỬ NGHIỆM

CAO VŨ NGỌC TRAI

PHÓ GIÁM ĐỐC

VÕ LÊ DUY KHÁNH

[illegible]
[illegible]
Email: [illegible]

VILAS 521

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 0870/23-KK-3 *Đồng Nai, ngày [illegible] tháng 11 năm 2023*

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH MTV PHÚ QUỐC ĐẠI NGÀN
2. Địa điểm lấy mẫu : NHÀ MÁY SẢN XUẤT GẠCH KHÔNG NUNG ĐẮK NÔNG
2. Địa chỉ : Thôn 2, xã Nhân Đạo, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông
3. Ngày lấy mẫu : 17/11/2023, trời nắng
4. Loại mẫu : Không khí
5. Thời gian thử nghiệm : 18/11/2023 – 24/11/2023
6. **Phương pháp đo đạc và thử nghiệm:**

Chỉ tiêu	Phương pháp thử nghiệm
Bụi	TCVN 5067 : 1995
NO_2	TCVN 6137 : 2009
SO_2	TCVN 5971 : 1995
CO	HDCV – QTK – 04

7. Kết quả thử nghiệm :

Mã mẫu	Vị trí đo	Bụi (1,2) (µg/Nm³)	CO (1) (µg/Nm³)	NO_2 (1) (µg/Nm³)	SO_2 (1) (µg/Nm³)
171123-06 (01-KK)	Khu vực bãi chứa nguyên liệu	257	3.500	91	77
Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí QCVN 05 : 2023/BTNMT (Trung bình 1 giờ)		**300**	**30.000**	**200**	**350**
Mã mẫu	**Vị trí đo**	**Bụi (1,2) (mg/m³)**	**CO (1) (mg/m³)**	**NO_2 (1) (mg/m³)**	**SO_2 (1) (mg/m³)**
171123-06 (02-KK)	Khu vực nhà xưởng sản xuất gạch	1,65	5,5	0,32	0,26
Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc QCVN 02 : 2019/BYT		**8**	-	-	-
Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việcs QCVN 03 : 2019/BYT		-	**40**	**10**	**10**

Ghi chú: Kết quả thử nghiệm và đo đạc có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo
(1): Chỉ tiêu VIMCERTS công nhận; (2): Chỉ tiêu VILAS công nhận

ĐẠI DIỆN PHÒNG THỬ NGHIỆM	PHÓ GIÁM ĐỐC
CAO VŨ NGỌC TRAI	VÕ LÊ DUY KHÁNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số PC17
BH kèm theo
Nghị định số
136/2020/NĐ-CP

Số: ..../PACC

PHƯƠNG ÁN CHỮA CHÁY CỦA CƠ SỞ

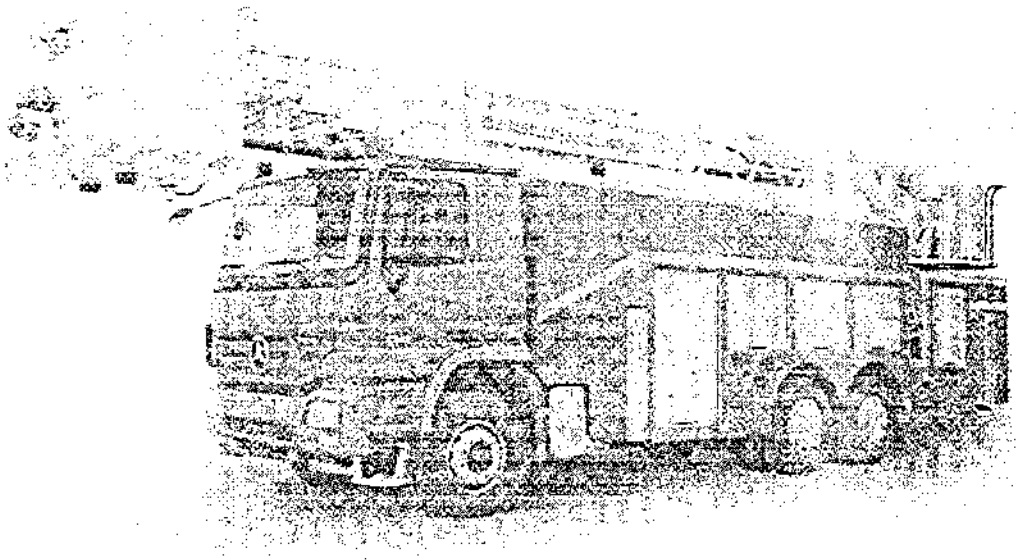

Tên cơ sở: Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Đắk Nông
Địa chỉ: Thôn 2, xã Nhân Đạo, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông
Điện thoại: 0867487777
Cơ quan công an được phân công thực hiện nhiệm vụ chữa cháy:
Phòng CS PCCC và CNCH - CAT Đắk Nông
Điện thoại: 114

Đắk Nông, năm 2022

SƠ ĐỒ MẶT BẰNGTỔNG THỂ

NHÀ DÂN

PHÒNG LÀM VIỆC

PHÒNG LÀM VIỆC

PHÒNG LÀM VIỆC

PHÒNG ĂN

NHÀ DÂN

ĐƯỜNG LIÊN XÃ

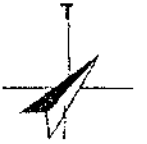

NHÀ XƯỞNG

ĐẤT
TRỐNG

A. ĐẶC ĐIỂM CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC CHỮA CHÁY

I. VỊ TRÍ CƠ SỞ:

Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Đắk Nông được xây dựng tại thôn 2, xã Nhân Đạo, huyện Đắk R'lập, tỉnh Đắk Nông. Trên tuyến đường thuận lợi, cổng chính tiếp giáp với đường liên xã có chiều rộng khoảng 6m, xe chữa cháy có thể tiếp cận. Cơ sở cách Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH khoảng 20km, cách đội Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an huyện Đắk R'lập khoảng 15km

- Vị trí tiếp giáp:

+ Phía Đông giáp: Nhà dân

+ Phía Tây giáp: Nhà dân

+ Phía Nam giáp: Đường liên xã

+ Phía Bắc giáp: Đất trống

II. GIAO THÔNG PHỤC VỤ CHỮA CHÁY:

Cơ sở được xây dựng trên tuyến đường thuận lợi, mặt chính của cơ sở tiếp giáp với mặt đường có chiều rộng khoảng 6m, xe chữa cháy có thể ra vào tiếp cận cơ sở.

- Từ Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH → Bùng binh tách đội rẻ phải → Đường 23/3 → Đường Quốc Lộ 14 (đi hướng TP. Hồ Chí Minh khoảng 12 km) → Đường liên xã khoảng 5km → Cơ sở nằm phía bên phải.

- Từ đội Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an huyện Đắk R'lập → Quốc lộ 14 (hướng đi TP. Buôn Ma Thuột khoảng 10km) → Đường liên xã → Cơ sở nằm phía bên phải.

- Hệ thống đường giao thông cơ sở có thể tiếp cận được từ 01 cổng chính nằm trên đường liên xã, thuận lợi cho công tác triển khai lực lượng chiến đấu của lực lượng PCCC chuyên nghiệp, cũng như sơ tán, cứu người và cứu tài sản khi có cháy xảy ra.

III. NGUỒN NƯỚC PHỤC VỤ CHỮA CHÁY:

TT	Nguồn nước	Trữ lượng (m^3) hoặc lưu lượng (l/s)	Vị trí, khoảng cách nguồn nước	Những điểm cần lưu ý
I	Bên trong:			
01	Bể nước sinh hoạt	Trữ lượng: 03 m^3	Trong khuôn viên cơ sở	Sử dụng chữa cháy ban đầu.
II	Bên ngoài:			
01	Hồ nước chữa cháy	Vô hạn	Cách cơ sở khoảng 150m	Máy bơm chữa cháy lấy nước thuận lợi.

IV. ĐẶC ĐIỂM CỦA CƠ SỞ:

- Tổng diện tích của cơ sở: 700m^2.

- Cơ sở hoạt động trong lĩnh vực sản xuất gạch không nung.... Chất cháy chủ yếu là giấy, gỗ, nhựa, bao, bì, hệ thống điện và các vật liệu cháy được khác.

- Số người thường xuyên có mặt tại cơ sở 08 người.

V. TÍNH CHẤT, ĐẶC ĐIỂM NGUY HIỂM VỀ CHÁY, NỔ, ĐỘC

1. Tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy nổ

- Cơ sở có chất cháy chủ yếu là giấy, gỗ, nhựa, bao, bì, hệ thống điện và các vật liệu cháy được khác, khi cháy sinh ra nhiệt lớn và các sản phẩm độc hại gây khó khăn cho quá trình cứu chữa. Vì vậy, trong quá trình kinh doanh rất dễ xảy ra cháy nổ nếu không có biện pháp an toàn PCCC.

- Khi xảy ra cháy nếu không được phát hiện sớm, đám cháy sẽ phát triển nhanh với vận tốc lan truyền của ngọn lửa lớn do đó đám cháy sẽ phát triển nhanh chóng thành đám cháy lớn cả về diện tích và cường độ, và có khả năng cháy lan sang các khu vực xung quanh.

Đặc điểm về hệ thống điện:

Nguồn điện của cơ sở được cung cấp bởi hệ thống điện lực với nguồn cung cấp 220V. Hệ thống điện trong cơ sở được sử dụng cung cấp điện chiếu sáng, hệ thống điều hòa không khí, nguồn điện để hoạt động kinh doanh

Đối với dây dẫn và hệ thống cầu dao, bảng điện: dây dẫn được nằm trên máng cáp và trong đường ống nhựa. Ngoài Aptomat các khu vực đều được trang bị cầu dao đóng mở nguồn điện.

Chiếu sáng chung: sử dụng bóng đèn chiếu sáng để chiếu sáng các khu vực làm việc.

Hệ thống thông tin liên lạc:

- Hệ thống thông tin liên lạc bên trong được thực hiện thông qua điện thoại cố định bố trí tại phòng làm việc của cơ sở.

- Thông tin liên lạc với cơ sở bên ngoài và lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp thông qua điện thoại cố định đặt ở phòng làm việc.

Hệ thống thông gió thoát khói:

Cơ sở có thiết kế hệ thống thông gió trực tiếp ra bên ngoài. Vì vậy khi xảy ra sự cố cháy, nổ khói sẽ được thoát ra các cửa trong quá trình cháy.

Hệ thống chống sét:

Hệ thống chống sét của cơ sở đã được lắp đặt.

2. Đặc điểm cháy của một số chất cháy trong cơ sở.

*** Chất cháy từ giấy, bìa catton:**

Số lượng giấy được phân bố trong toàn khu vực bán hàng: sử dụng giấy dưới dạng tài liệu, hóa đơn;

Khi xảy ra cháy giấy đám cháy sẽ bùng phát rất nhanh và là nguyên nhân mồi lửa cho chất cháy ở gần, trong quá trình cháy sẽ tạo ra bụi tro gây nguy hiểm cho người bị kẹt bên trong và cản trở cho công tác triển khai chữa cháy.

*** Chất cháy nhựa:**

Nhựa chiếm số lượng tương đối lớn và phân bố các khu vực của cơ sở dưới các dạng như: vỏ chai, hệ thống đường dây điện, ống nhựa các loại…

Khi xảy ra cháy nhựa sẽ toả ra một lượng lớn khói, khí độc dầy đặc rất dễ gây ngạt và các phản ứng hoá học, trong quá trình cháy nhựa sẽ nóng chảy tạo thành dòng chảy lan toả ra các hướng dẫn đến cháy lan.

Gây cản trở cho sự tiếp cận điểm cháy triển khai cứu người cứu tài sản và chữa cháy của lực lượng PCCC tại chỗ cũng như đội PCCC chuyên nghiệp.

3. Đặc điểm về nguồn nhiệt gây cháy

- Nguồn nhiệt do ngọn lửa trần: Sử dụng lửa nơi cấm sử dụng, hút thuốc, thắp hương thờ cúng…

- Nguồn nhiệt do hàn cắt kim loại.

- Nguồn nhiệt do điện: Khi chất cách điện bị hư hỏng, do quá tải hay ngắn mạch chập điện, dòng điện tăng cao gây nóng dây dẫn, do hồ quang điện sinh ra khi đóng cầu dao điện, khi cháy cầu chì, ...

- Nguồn nhiệt do tia bức xạ: Tia nắng mặt trời khi tiếp xúc với những hỗn hợp cháy, nắng rọi qua những tấm thủy tinh lồi có thể hội tụ sức nóng tạo thành nguồn.

- Nguồn nhiệt do sét đánh, tia lửa sét.

4. Đặc điểm khả năng cháy lan

- Cơ sở có diện tích khoảng 700m^2. Trong cơ sở bố trí nhiều loại chất cháy khác nhau với số lượng lớn, nếu chữa cháy không kịp thời, đám cháy sẽ lan ra toàn bộ cơ sở và lan sang các khu vực xung quanh.

VI. TỔ CHỨC LỰC LƯỢNG CHỮA CHÁY TẠI CHỖ

1. Tổ chức lực lượng:

- Đội PCCC cơ sở:

- Số lượng đội viên: 08 người. Được cấp chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC 05 người.

- Chỉ huy đội PCCC cơ sở: ông Đào Văn Huy

- Số điện thoại: 0867487777

2. Tổ chức thường trực chữa cháy:

- Số người thường trực trong giờ làm việc: 08 người.

- Số người thường trực ngoài giờ làm việc: 02 người.

VII. PHƯƠNG TIỆN CHỮA CHÁY TẠI CHỖ

STT	Chủng loại phương tiện chữa cháy	Đơn vị tính	Số lượng	Vị trí bố trí	Ghi chú
1	Bình chữa cháy xách tay	Bình	10	Bố trí tại văn phòng làm việc và nhà xưởng	

B. PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ MỘT SỐ TÌNH HUỐNG CHÁY

I. PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TÌNH HUỐNG CHÁY PHỨC TẠP NHẤT

1. Giả định tình huống cháy phức tạp nhất

- Vị trí cháy: Cháy tại khu vực nhà xưởng

- Thời điểm xảy ra cháy: 12h ngày X tháng Y năm Z

- Nguyên nhân: cháy do chập điện

- Do đặc điểm cơ sở là thông thoáng, lượng khói nhanh chóng bao phủ toàn cơ sở và lan sang các khu vực lân cận.

- Diện tích đám cháy lớn ngọn lửa bao trùm toàn bộ cơ sở, cháy lan sang các xe xung quanh.

2. Tổ chức triển khai chữa cháy

- Khi ngọn lửa đang bốc cháy thì nhân viên phát hiện và lập tức báo động toàn cơ sở bằng cách hô to: **"Cháy, cháy, cháy".** Lập tức lực lượng chữa cháy tại cơ sở triển khai phương án chữa cháy:

*** Lực lượng PCCC tại cơ sở:**

- Đội trưởng:

+ Hiệu lệnh triển khai đội hình chữa cháy, phân công nhiệm vụ cụ thể từng tổ viên (theo đội hình đã được tập luyện thường xuyên).

+ Cắt điện toàn bộ khu vực cơ sở.

+ Dừng mọi hoạt động tại cơ sở.

+ Điện thoại báo các lực lượng: Lực lượng cảnh sát PCCC theo số điện thoại: 114 và báo cho các lực lượng dân phòng, Công an xã

- Đội viên:

+ Lập tức sử dụng các bình chữa cháy đã được bố trí sẵn, tiếp cận phun vào đám cháy để khống chế ngọn lửa và chống cháy lan sang các công trình lân cận đến khi lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp đến.

+ Tổ chức di chuyển các phương tiện, tài sản đến khu vực an toàn.

+ Tổ chức hướng dẫn mọi người thoát nạn ra ngoài đám cháy, cứu người bị nạn (nếu có).

+ Phong tỏa toàn bộ các tuyến đường đi qua cơ sở, người dân trong khu vực gần cơ sở.

+ Thông báo và kịp thời hướng dẫn người dân ở nhà dân lân cận nhanh chóng thoát ra khu vực an toàn.

+ Sử dụng bình chữa cháy các loại, huy động các xe chở cát, chở đất đang gần khu vực xảy ra cháy đổ vào khu vực cháy ngăn chặn cháy lan sang khu vực xung quanh.

*** Nhiệm vụ của người chỉ huy chữa cháy tại chỗ khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH có mặt để chữa cháy:**

- Báo cáo tình hình diễn biến của đám cháy cho người chỉ huy của lực lượng Đội CC và CNCH.

- Báo cáo công tác chữa cháy của lực lượng chữa cháy tại chỗ đang tiến hành chữa cháy.

- Phối hợp và hướng dẫn nơi lấy nước, tiếp nước cho xe chữa cháy phục vụ kịp thời cho lực lượng chuyên nghiệp triển khai đội hình chữa cháy.

- Tổ chức nắm nguyên nhân và tình hình diễn biến của đám cháy.

- Triển khai cứu người bị nạn, tài sản và bảo vệ toàn khu vực cửa hàng.

- Không cho phương tiện, người không có nhiệm vụ vào khu vực cửa hàng.

3. Sơ đồ triển khai lực lượng, phương tiện chữa cháy:

SƠ ĐỒ GIẢ ĐỊNH TÌNH HUỐNG CHÁY PHỨC TẠP NHẤT

B

Vị

NHÀ DÂN

ĐƯỜNG LIÊN XÃ

PHÒNG LÀM VIỆC

PHÒNG LÀM VIỆC

PHÒNG LÀM VIỆC

PHÒNG ĂN

A - A

NHÀ XƯỞNG

ĐẤT TRỐNG

NHÀ DÂN

Ghi chú

	Bình chữa cháy bột
	Bình chữa cháy CO2
	Điểm xuất phát cháy
	Vị trí tập kết
	Diện tích đám cháy
	Hướng lan truyền của ĐC
	Hướng tấn công chính
	Lối thoát nạn

II. PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ CÁC TÌNH HUỐNG CHÁY ĐẶC TRƯNG

1. Tình huống 1

1.1 Giả định tình huống.

- Vị trí cháy: Tại khu vực nhà ăn

- Thời điểm xảy ra cháy: 13h ngày X tháng Y năm Z

- Nguyên nhân: do chập điện

1.2 Tổ chức triển khai chữa cháy:

- Nhân viên đang làm việc phát hiện đám cháy lập tức báo động toàn cơ sở bằng cách hô to: **"Cháy...Cháy ...Cháy"**. Khi nghe báo động tổ chữa cháy tại cửa hàng lập tức triển khai phương án chữa cháy:

Lực lượng PCCC tại cơ sở:

a. Đội trưởng:

- Hiệu lệnh triển khai đội hình chữa cháy, phân công nhiệm vụ cụ thể từng tổ viên (theo đội hình đã được tập luyện thường xuyên).

- Cúp điện toàn bộ khu vực cơ sở, dừng mọi hoạt động.

- Gọi điện thoại báo cháy theo số: 114 và báo cho các cơ quan chức năng địa phương xin hỗ trợ.

- Dùng bình chữa cháy xách tay tiếp cận phun vào đám cháy đến khi đám cháy được dập tắt hoàn toàn.

b. Đội viên:

- Các Đội viên lập tức sử dụng các phương tiện PCCC tại chỗ tiếp cận đám cháy, dập tắt đám cháy bằng các biện pháp như:

+ Dùng các bình chữa cháy xách tay được bố trí tại vị trí, rút chốt xịt vào đám cháy đến khi đám cháy dập tắt hoàn toàn.

- Tổ chức di chuyển các phương tiện ra khỏi khu vực đám cháy.

- Tổ chức hướng dẫn mọi người thoát nạn ra ngoài đám cháy, cứu người bị nạn (nếu có).

1.3. Sơ đồ triển khai lực lượng, phương tiện chữa cháy:

SƠ ĐỒ GIẢ ĐỊNH TÌNH HUỐNG CHÁY THỨ NHẤT

2. Tình huống 2:

2.1 Giả định tình huống cháy

- Vị trí cháy: Cháy tại khu vực văn phòng làm việc

- Thời điểm xảy ra cháy: 14h ngày X tháng Y năm Z.

- Nguyên nhân: do chập điện

2.2 Tổ chức triển khai chữa cháy:

Nhân viên đang làm việc phát hiện có cháy xảy ra tại trụ bơm, lập tức báo động toàn cơ sở bằng cách hô to: **"Cháy...Cháy...Cháy".** Khi nghe báo động Đội chữa cháy tại cơ sở lập tức triển khai phương án chữa cháy:

Lực lượng PCCC tại cơ sở

a. Đội trưởng:

- Hiệu lệnh triển khai đội hình chữa cháy, phân công nhiệm vụ cụ thể từng tổ viên (theo đội hình đã được tập luyện thường xuyên).

- Cúp điện toàn bộ khu vực cơ sở, dừng mọi hoạt động sản xuất.

- Gọi điện thoại báo cháy theo số: 114 và báo cho các cơ quan chức năng địa phương xin hỗ trợ.

- Dùng bình chữa cháy xách tay tiếp cận phun vào đám cháy đến khi đám cháy được dập tắt hoàn toàn.

b. Đội viên:

- Các Đội viên lập tức sử dụng các phương tiện PCCC tại chỗ tiếp cận đám cháy, dập tắt đám cháy bằng các biện pháp như:

+ Dùng các bình chữa cháy xách tay được bố trí tại vị trí, rút chốt xịt vào đám cháy đến khi đám cháy dập tắt hoàn toàn.

- Tổ chức di chuyển các phương tiện ra khỏi khu vực đám cháy.

- Tổ chức hướng dẫn mọi người thoát nạn ra ngoài đám cháy, cứu người bị nạn (nếu có).

2.3 Sơ đồ triển khai lực lượng, phương tiện chữa cháy:

SƠ ĐỒ GIẢ ĐỊNH TÌNH HUỐNG CHÁY THỨ HAI

B

NHÀ DÂN

ĐƯỜNG LIÊN XÃ

PHÒNG LÀM VIỆC

PHÒNG LÀM VIỆC

PHÒNG LÀM VIỆC

PHÒNG ĂN

NHÀ XƯỞNG

ĐẤT TRỐNG

NHÀ DÂN

Ghi chú

	Bình chữa cháy bột
	Bình chữa cháy CO_2
	Điểm nổi phát cháy
	Vị trí tập kết
	Diện tích đám cháy
	Hướng lan truyền của ĐC
	Hướng tấn công chính
	Lối thoát nạn

3. Tình huống 3:

3.1 Giả định tình huống cháy:

- Vị trí cháy: Cháy tại khu vực đường dây dẫn điện

- Thời điểm xảy ra cháy: 15h ngày X tháng Y năm Z

- Nguyên nhân: do chập điện

3.2 Tổ chức triển khai chữa cháy:

Nhân viên đang làm việc phát hiện có cháy xảy ra tại bàn làm việc, lập tức báo động toàn cơ sở bằng cách hô to: **"Cháy...Cháy...Cháy"**. Khi nghe báo động Đội chữa cháy tại cơ sở lập tức triển khai phương án chữa cháy:

Lực lượng PCCC tại cơ sở

a. Đội trưởng:

- Hiệu lệnh triển khai đội hình chữa cháy, phân công nhiệm vụ cụ thể từng tổ viên (theo đội hình đã được tập luyện thường xuyên).

- Cắt điện toàn bộ khu vực cơ sở, dừng mọi hoạt động sản xuất.

- Gọi điện thoại báo cháy theo số: 114 và báo cho các cơ quan chức năng địa phương xin hỗ trợ.

- Dùng bình chữa cháy xách tay tiếp cận phun vào đám cháy đến khi đám cháy được dập tắt hoàn toàn.

b. Đội viên:

- Các Đội viên lập tức sử dụng các phương tiện PCCC tại chỗ tiếp cận đám cháy, dập tắt đám cháy bằng các biện pháp như:

+ Dùng các bình chữa cháy xách tay được bố trí tại vị trí, rút chốt xịt vào đám cháy đến khi đám cháy dập tắt hoàn toàn.

- Tổ chức di chuyển các phương tiện ra khỏi khu vực đám cháy.

- Tổ chức hướng dẫn mọi người thoát nạn ra ngoài đám cháy, cứu người bị nạn (nếu có).

3.3. Sơ đồ triển khai lực lượng, phương tiện chữa cháy:

SƠ ĐỒ GIẢ ĐỊNH TÌNH HUỐNG CHÁY THỨ BA

B

NHÀ DÂN

ĐƯỜNG LIÊN XÃ

PHÒNG LÀM VIỆC

PHÒNG LÀM VIỆC

PHÒNG LÀM VIỆC

PHÒNG ÁN

NHÀ XƯỞNG

ĐẤT TRỐNG

NHÀ DÂN

Ghi chú

	Bình chữa cháy bột
	Bình chữa cháy CO_2
	Điểm xuất phát cháy
	Vị trí tập kết
	Diện tích đám cháy
	Hướng lan truyền của lửa
	Hướng tấn công chính
	Lối thoát nạn

C. BỔ SUNG, CHỈNH LÝ PHƯƠNG ÁN CHỮA CHÁY

TT	Ngày, tháng, năm	Nội dung bổ sung, chỉnh lý	Người xây dựng phương án ký	Người phê duyệt phương án ký

D. THEO DÕI HỌC VÀ THỰC TẬP PHƯƠNG ÁN CHỮA CHÁY

Ngày, tháng, năm	Nội dung, hình thức học tập, thực tập	Tình huống cháy giả định	Số người, phương tiện tham gia	Kết quả (đạt/không đạt)
				Đạt

Đắk Nông, ngày 6 tháng 6 năm 2022
NGƯỜI PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN

Trần Thanh Phú

Đắk Nông, ngày 31 tháng 5 năm 2022
NGƯỜI XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

GIÁM ĐỐC
Lê Văn Hùng

KÝ HIỆU DÙNG TRONG SƠ ĐỒ BỐ TRÍ LỰC LƯỢNG, PHƯƠNG TIỆN CHỮA CHÁY

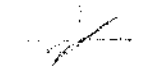

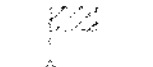

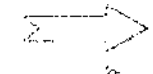

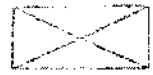

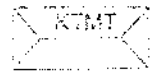

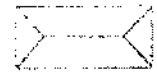

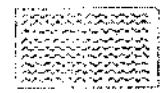

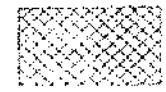

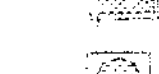

- Hướng gió thổi
- Điểm phát sinh cháy
- Lối thoát nạn
- Hướng đám cháy phát triển
- Hướng tấn công chính
- Nhà tranh, tre, nứa, lá
- Nhà nhiều tầng (N tầng)
- KTMT — Nhà khung thép mái tôn
- Nhà lợp ngói
- Khu vực bị khói
- Khu vực đám cháy
- Nhà mới bén cháy
- Đầm lầy
- Sông, ngòi
- Rừng cây
- Ao, hồ
- Bến lấy nước chữa cháy
- Hố ga lấy nước
- 100m3 — Bể nước chữa cháy 100m3
- Họng nước chữa cháy
- V - 100 — Đường ống cấp nước mạch vòng khép kín có đường kính D 100m
- C - 100 — Đường ống cấp nước chữa cháy nhánh cụt có đường kính D 100m
- Trụ nước chữa cháy loại nổi
- Trụ nước chữa cháy loại ngầm
- Cột lấy nước
- A — Đường vòi A chữa cháy
- B — Đường vòi B chữa cháy
- R — Cuộn vòi rụ lô chữa cháy
- Ống hút, gió lốc xe, máy bơm chữa cháy
- Ezector
- xx-yy — Đầu nối hỗn hợp đường kính xx - yy
- Lăng giá di động
- Lăng A
- Lăng B
- Lăng phun bọt
- Lăng phun bọt độ nở cao
- Lăng đa tác dụng
- Lăng hương sen
- Ba chạc chữa cháy
- Hai chạc chữa cháy
- Bình chữa cháy xách tay gốc nước
- Bình bột chữa cháy xách tay
- Bình khí chữa cháy xách tay

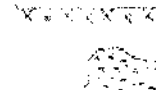

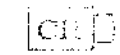
Xe chỉ huy

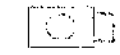
Xe chữa cháy có tốc

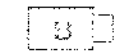
Xe chữa cháy không tốc (xe bơm)

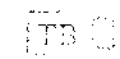
Xe trạm bơm

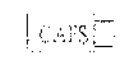
Xe chữa cháycông nghệ CAFS

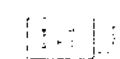
Xe chữa cháy công nghệ 1 - 7

Xe chữa cháy sân bay

Xe chữa cháy rừng

Xe chữa cháy hóa chất

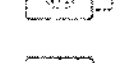
Xe chữa cháy đường hầm

Xe đường sắt chữa cháy

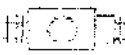
Xe chữa cháy lướng cư

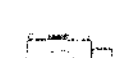
Máy bơm chữa cháy thiếng bay

Máy bơm chữa cháy loại nổi

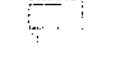
Tàu chữa cháy ven biển

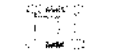
Tàu chữa cháy trên sông

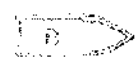
Xuồng, ca nô chữa cháy

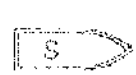
Máy bay chữa cháy

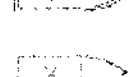
Xe cứu nạn, cứu hộ

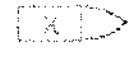
Xe cứu thương

Xe thang

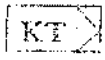
Xe kiểm tra, sửa chữa kỹ thuật

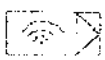
Xe thông tin chỉ huy

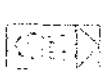
Xe chiếu sáng chữa cháy

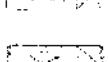
Xe xử lý hóa chất

Xe chữa nước

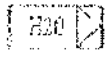
Xe [illegible]

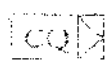
Xe chở phương tiện chữa cháy

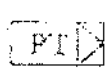
Xe chở vật liệu chữa cháy

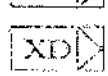
Xe chở hóa chất chữa cháy

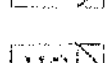
Xe chở vòi chữa cháy

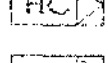
Xe thang

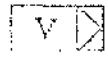
Xe [illegible]

Xe [illegible]

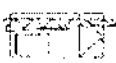
Xe [illegible]

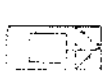
Xe [illegible]

Cờ chỉ huy chữa cháy

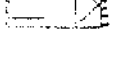
Thang [illegible]

Thang [illegible]

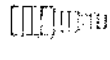
Thang [illegible]

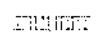
Thang [illegible]

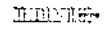
Điểm báo cứu người

Máy hút khói

Đèn chiếu sáng di động

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

o0o

Đắk Nông, ngày 12 tháng 01 năm 2018

BIÊN BẢN
NGHIỆM THU CÔNG TRÌNH

Công trình: Hệ thống thu gom thoát nước mưa,hệ thống nước thải,bể tự hoại.

Địa điểm thực hiện: Nhà máy sản xuất vật liệu không nung - Thôn 2, Xã Nhân Đạo,Huyện Đắk R'lấp, Tỉnh Đắk Nông.

I. THÀNH PHẦN TRỰC TIẾP THAM GIA NGHIỆM THU

1. Đại diện Chủ đầu tư: Công ty CPCN Đắk Nông

- Ông: Đào Văn Huy — Chức vụ: Phó giám đốc
- Ông: Đồng Quang Linh — Chức vụ: Giám sát trưởng

2. Đại diện Nhà thầu thi công: Công ty TNHH Một thành viên CĐ1

- Ông: Mai Quốc Đại — Chức vụ: Giám đốc
- Ông: Nguyễn Minh Công — Chức vụ: Chỉ huy trưởng công trình

II. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM NGHIỆM THU

Bắt đầu: 13 giờ 00 phút ngày 12 tháng 01 năm 2018.

Kết thúc: 15 giờ 00 phút ngày 12 tháng 01 năm 2018.

Tại hiện trường: Nhà máy sản xuất vật liệu không nung thuộc thôn 2 xã Nhân Đạo huyện Đắk R'lấp tỉnh Đắk Nông

III. ĐÁNH GIÁ VỀ CHẤT LƯỢNG CÔNG VIỆC

1. Chất lượng công việc

Công ty TNHH Một thành viên CĐ1 thực hiện gói thầu : Hệ thống thu gom thoát nước,hệ thống nước thải,bể tự hoại tại nhà máy sản xuất vật liệu không nung đúng theo tiêu chuẩn, tuân thủ các tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật và yêu cầu kỹ thuật của công việc; Đảm bảo đáp ứng theo hồ sơ phương án được Chủ đầu tư phê duyệt, tuân thủ đúng quy trình thi công và biện pháp thi công đã trình duyệt.

2. Khối lượng công việc hoàn thành: Có danh mục chi tiết kèm theo.

3. Các ý kiến khác: Không.

IV. KẾT LUẬN

Các bên thống nhất nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành gói thầu: Hệ thống thu gom thoát nước,hệ thống nước thải,bể tự hoại đạt yêu cầu kỹ thuật của chủ đầu tư.

Biên bản được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Chủ đầu tư giữ 03 bản và Nhà thầu giữ 01 bản./.

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU GIÁM ĐỐC	ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ PHÓ GIÁM ĐỐC
Mai Quốc Đại	Đào Văn Huy
Nguyễn Minh Công	*Đồng Quang Linh*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN
Số: 04/2024/HDMB
V/v Mua bán hệ thống xử lý

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015;

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Căn cứ nhu cầu và thỏa thuận của hai bên;

Hôm nay, ngày 15 tháng 04 năm 2024 chúng tôi gồm:

Bên bán	**Công ty TNHH Cơ khí Đúc Thành Long (ĐTL)**	
Người đại diện	Ông Nguyễn Ngọc Lương	Chức vụ: Giám Đốc
Địa chỉ	Số 4, Khu Tân Lâm, Thị Trấn Lâm, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định	
Mã số thuế	0600277211	
Số tài khoản	111699999999	Tại NH: Vietinbank Chi nhánh Bắc Nam Định
Điện thoại	0228. 3823 122	
Bên mua	**Công ty Cổ phần công nghiệp Đắk Nông**	
Người đại diện	**Ông Nguyễn Thành Luân**	Chức vụ: Giám đốc
Địa chỉ	Thôn 2 , xã Nhân Đạo , huyện Đắk R'lấp , tỉnh Đắk Nông	
Mã số thuế	6400348804	
Số tài khoản	112000177923	Tại NH: TMCP Công Thương Việt Nam _ Chi nhánh Đắk Nông
Điện thoại	02612226666	

Thông qua hợp đồng này, bên mua đồng ý mua và bên bán đồng ý bán hàng hóa sau.

Điều 1. Hàng hóa.

STT	Tên sản phẩm	Số lượng	Đơn giá (đồng/ch)	Thành tiền (đồng)
1	Motor quạt hút: Công suất: 4Kw-5.5HP,Điện áp 380V, Vòng tua 2800v/p.	01 Cái	10.500.000	13.500.000
2	2. Khoang chưa túi lọc KT: 1200mmx2000m Thép c45 dày 6mm sơn tĩnh điện.	01 Cái	20.000.000	17.000.000

Được quét bằng CamScanner

STT	Tên sản phẩm	Số lượng	Đơn giá (đồng/ch)	Thành tiền (đồng)
3	Túi lọc bụi : Kích thước 2300mm x đường kính 300mm dày 2mm Chất liệu vải lọc polyester	01 Cái	7.400.000	7.400.000
4	Đường ống hút bụi Ống hút bụi chuyên dụng lõi thép, đường kính 300m dày 4mm	01 Cái	3.000.000	3.000.000
	Tiền hàng			**40.900.000**
	Thuế VAT 10%			**4.090.000**
	Tổng cộng			**44.990.000**

Bằng chữ: Bốn mươi bốn triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng.

Điều 2: Điều kiện về giá bán:

- Giá bán được nêu tại điều 1 cố định trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng.
- Hàng mới 100%, chưa qua sử dụng, phù hợp với tiêu chuẩn Việt Nam và tiêu chuẩn của nhà sản xuất.
- Hàng phải đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật, chất lượng, không bị khuyết tật, đúng nguồn gốc xuất xứ lắp đặt vừa vặn vào thiết bị hiện có của bên A.

Điều 3: Giao nhận hàng hóa:

- Thời gian giao hàng: Trong vòng 15 ngày kể từ khi nhận được số tiền thanh toán của bên A.

  Địa điểm giao hàng: Tại kho Bên A

  Phương thức giao nhận: Bên B vận chuyển hàng đến kho Bên A.

Điều 4: Thanh toán:

- Bên mua có nghĩa vụ thanh toán cho bên bán:
- Thanh toán 100% giá trị đơn hàng khi Bên B thông báo giao hàng.

Bộ chứng từ thanh toán bao gồm:

- Biên bản bàn giao hàng hoá;
- Hoá đơn tài chính hợp lệ (bản gốc)
- Đề nghị thanh toán

- Đồng tiền thanh toán và hình thức thanh toán: Thanh toán bằng Việt Nam Đồng. Hình thức thanh toán bằng chuyển khoản.

Được quét bằng CamScanner

Điều 5: Bảo hành

5.1. Bên B chịu trách nhiệm bảo hành 12 tháng.
5.2. Hàng hoá kém chất lượng hoặc bị sự cố do lỗi của Bên B trong thời gian bảo hành sẽ được Bên B khắc phục hoặc thay thế bằng sản phẩm mới 100%. Chi phí chuyển hàng bảo hành tới địa điểm của Bên A do Bên B chịu và ngược lại.
5.3. Nghĩa vụ bảo hành không áp dụng đối với những hỏng hóc do lỗi người sử dụng gây ra và do các điều kiện bất khả kháng gây ra bao gồm nhưng không hạn chế động đất, núi lửa, sóng thần, lũ lụt, bão tố, lốc xoáy, đình công, bạo động, khủng bố, chiến tranh, và những hao mòn mang tính tự nhiên.
5.4. Địa điểm tiếp nhận, hoàn trả hàng bảo hành: Bên A có trách nhiệm gửi hàng cần báo hành đến địa điểm của Bên B và ngược lại.

Điều 6: Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại:

6.1. Bên vi phạm hợp đồng phải chịu phạt và bồi thường thiệt hại cho bên kia do sự vi phạm hợp đồng gây ra. Mức bồi thường thiệt hại sẽ do hai bên thoả thuận và xác định.
6.2. Khi Bên B vi phạm hợp đồng, Bên A có quyền gửi đến Bên B giấy đòi tiền phạt hoặc bồi thường thiệt hại cho Bên A. Bên B có trách nhiệm trả tiền phạt và bồi thường trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được giấy đòi tiền phạt hoặc bồi thường. Nếu quá thời hạn trên, Bên B phải chịu lãi suất trả chậm trên số tiền phạt theo mức lãi suất quá hạn của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm đó.
6.3. Nếu Bên B giao hàng chậm so với tiến độ quy định thì Bên B sẽ phải chịu mức phạt bằng 0,1% (không phẩy một phần trăm) giá trị lô hàng giao chậm cho mỗi tuần giao chậm, tuy nhiên tổng mức phạt không quá 08% (tám phần trăm) giá trị hàng giao chậm. Trong trường hợp bất khả kháng bao gồm nhưng không hạn chế động đất, núi lửa, sóng thần, lũ lụt, bão tố, lốc xoáy, đình công, bạo động, khủng bố, chiến tranh, dịch bệnh, thì bên B không phải chịu phát do chậm tiến độ giao hàng .
6.4. Nếu Bên A chậm thanh toán quá 10 ngày theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng này, Bên B có quyền gửi giấy yêu cầu thanh toán và đòi tiền phạt với mức phạt là 0,1% giá trị thanh toán chậm cho mỗi tuần thanh toán chậm,tuy nhiên tổng mức phạt không quá 08% (tám phần trăm) tổng giá trị thanh toán. Bên A có trách nhiệm trả phần tiền chậm thanh toán và tiền phạt trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được giấy yêu cầu thanh toán và đòi tiền phạt.
6.5. Nếu một bên đơn phương hủy bỏ hợp đồng mà không thuộc những điều khoản cho phép đơn phương hủy hợp đồng hoặc không có sự thỏa thuận bằng văn bản của bên kia thì phải chịu phạt 100% (một trăm phần trăm) tổng giá trị Hợp đồng.

Điều 7: Điều khoản chung

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký
- Mọi sửa đổi, bổ sung đối với Hợp đồng này chỉ có giá trị pháp lý khi được hai bên thỏa thuận bằng văn bản và được ký, đóng dấu hợp lệ
- Không bên nào có quyền chuyển nhượng, chuyển giao bất kỳ nghĩa vụ nào phát sinh theo Hợp đồng này cho bên thứ ba khi chưa có sự đồng ý bằng văn bản của

Được quét bằng CamScanner

Bên còn lại

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản trong Hợp đồng. Trường hợp có tranh chấp phát sinh, hai bên sẽ cùng bàn bạc, giải quyết trên cơ sở tôn trọng và hiểu biết lẫn nhau vì lợi ích cao nhất của mỗi bên. Các vấn đề không thể giải quyết được bằng thương lượng thì bên khiếu nại có quyền khởi kiện lên Tòa án nhân dân TP. Hà Nội, quyết định của Tòa là cơ sở pháp lý cuối cùng để hai bên thực hiện, mọi chi phí phát sinh liên quan do bên có lỗi chịu
- Hợp đồng hết hiệu lực khi hai bên hoàn thành xong các nghĩa vụ của Hợp đồng. Sau 30 ngày hai bên không còn xảy ra khiếu nại hay chấp thi Hợp đồng tự động thanh lý.
- Hợp đồng này bao gồm ba (03) trang và được lập thành bốn (04) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ hai bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ ĐỨC THÀNH LONG	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP ĐẮK LẮK
GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Lương	Nguyễn Thành Luân

Được quét bằng CamScanner

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

oOo

Đắk Nông, ngày 15 tháng 06 năm 2024

BIÊN BẢN
NGHIỆM THU CÔNG TRÌNH

Công trình: Xử lý hệ thống Túi lọc

Địa điểm thực hiện: Nhà máy sản xuất vật liệu không nung - Thôn 2, Xã Nhân Đạo,Huyện Đắk R'lấp, Tỉnh Đắk Nông.

I. THÀNH PHẦN TRỰC TIẾP THAM GIA NGHIỆM THU

1. Đại diện Bên Mua: Công ty CPCN Đắk Nông

- Ông: Nguyễn Thành Luân Chức vụ: Phó giám đốc
- Ông: Đồng Quang Linh Chức vụ: Giám sát trưởng

2. Đại diện Bán Bán: Công ty TNHH Cơ khí Đúc Thành Long (ĐTL)

- Ông: Nguyễn Ngọc Lương Chức vụ: Giám đốc
- Ông: Nguyễn Đang Khang Chức vụ: Chỉ huy trưởng công trình

II. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM NGHIỆM THU

Bắt đầu: 13 giờ 00 phút ngày 15 tháng 06 năm 2024.

Kết thúc: 15 giờ 00 phút ngày 15 tháng 06 năm 2024.

Tại hiện trường: Nhà máy sản xuất vật liệu không nung thuộc thôn 2 xã Nhân Đạo huyện Đắk R'lấp tỉnh Đắk Nông

III. ĐÁNH GIÁ VỀ CHẤT LƯỢNG CÔNG VIỆC

1. Chất lượng công việc

Công ty TNHH Cơ khí Đúc Thành Long (ĐTL) thực hiện cung cấp: Hệ thống lọc bụi tại nhà máy sản xuất vật liệu không nung đúng theo tiêu chuẩn, tuân thủ các tài liệu chỉ dẫn kỹ thuật và yêu cầu kỹ thuật của công việc; Đảm bảo đáp ứng theo hồ sơ phương án được Chủ đầu tư phê duyệt, tuân thủ đúng quy trình thi công và biện pháp thi công đã trình duyệt.

2. Khối lượng công việc hoàn thành: Có danh mục chi tiết kèm theo.

3. Các ý kiến khác: Không.

IV. KẾT LUẬN

Được quét bằng CamScanner

Các bên thống nhất nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành: Hệ thống lọc bụi đạt yêu cầu kỹ thuật của chủ đầu tư.

Biên bản được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Chủ đầu tư giữ 03 bản và Nhà thầu giữ 01 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN	ĐẠI DIỆN BÊN MUA
CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ THÀNH LONG	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP ĐẮK NÔNG
Nguyễn Ngọc Lương	Nguyễn Thành Luân
Nguyễn Đăng Khang	*Đồng Quang Linh*

Được quét bằng CamScanner

DANH MỤC CHI TIẾT KÈM THEO

STT	Tên sản phẩm	Số lượng	Ghi chú
1	Motor quạt hút: Công suất: 4Kw-5.5HP,Điện áp 380V, Vòng tua 2800v/p.	01 Cái	
2	Khoang chưa túi lọc KT: 1200mmx2000m Thép c45 dày 6mm sơn tĩnh điện.	01 Cái	
3	Túi lọc bụi : Kích thước 2300mm x đường kính 300mm dày 2mm Chất liệu vải lọc polyester	01 Cái	
4	Đường ống hút bụi Ống hút bụi chuyên dụng lõi thép, đường kính 300m dày 4mm	01 Cái	

Được quét bằng CamScanner

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 182-ASTN/HĐKT-CTNH/2024

Về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại

- Căn cứ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật này;

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11, ngày 14 tháng 06 năm 2005 của Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật này;

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật này;

- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường;

- Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp với mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.089.VX;

- Căn cứ vào nhu cầu của hai bên;

Hôm nay, ngày 15 tháng 04 năm 2024, chúng tôi gồm các bên dưới dây:

1. BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP ĐẮK NÔNG (Đơn vị chủ nguồn thải chất thải nguy hại)

Đại diện: Ông **NGUYỄN THÀNH LUÂN** Chức vụ: Giám Đốc

Địa chỉ: Thôn 2, Xã Nhân Đạo, Huyện Đắk R'lấp, Đắk Nông

Điện thoại: 0261.222.6666

MST: 6400348804

Số tài khoản: 112000177923 tại Ngân hàng Vietinbank – Chi nhánh Đắk Nông

2. BÊN B: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG AN SINH

Đại diện: Ông **NGUYỄN VĂN THÀNH** Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ văn phòng: Tổ 1, phường Lãm Hà, quận Kiến An, Tp Hải Phòng, Việt Nam.

Mã số thuế: 0200576224

Tài khoản số: 117002688209

Tại : Ngân Hàng Vietinbank - CN Bắc Hải Phòng

Nhà máy xử lý: Chi nhánh Công Ty TNHH TM&XD An Sinh tại Quảng Nam

Địa chỉ: Thôn Phú Hải, Xã Đại Hiệp, Huyện Đại Lộc, Tỉnh Quảng Nam

Địa chỉ CN Tây Nguyên: 79 Nguyễn Công Trứ, P. Tự An, Tp. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại: 02623.561236 Hotline: 0916.586.579

HAI BÊN THOẢ THUẬN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG
VỚI NHỮNG ĐIỀU KHOẢN SAU

ĐIỀU 1: NỘI DUNG VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

1. Bên B nhận thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý tiêu hủy chất thải nguy hại cho bên A (nằm trong danh mục CTNH mà bên B được phép xử lý.

2. Thời gian thực hiện: Thực hiện thu gom, vận chuyển theo nhu cầu bên A. Khi có nhu cầu thu gom Bên A phải báo trước 05 ngày bằng điện thoại, email, fax hoặc khi đi thu gom định kỳ Bên B sẽ báo trước 02 ngày.

3. Địa điểm thu gom CTNH: *Nhà máy sản xuất vật liệu không nung DNI.....-Thôn 2, Xã Nhân Đạo, Huyện Đắk R'lấp, Đắk Nông*

4. Phương tiện vận chuyển: Xe chuyên dụng vận chuyển CTNH.

5. Thời hạn hợp đồng: Từ ngày 25 tháng 04 năm 2024 đến ngày 25 tháng 04 năm 2025.

6. Tần suất thu gom: 01 lần.

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

<u>Trách nhiệm Bên A:</u>

1. Phân loại, bảo quản và lưu trữ CTNH trong thiết bị lưu chứa phù hợp theo từng loại CTNH riêng biệt theo quy định. Các loại chất thải khi giao phải được đóng gói bao bì cẩn thận (việc đóng gói và bao bì đóng gói do bên A tự lo liệu) và tập trung tại một điểm duy nhất.

2. Bên A cung cấp cho Bên B những giấy tờ có liên quan đến nguồn gốc, xuất xứ và thành phần của loại chất thải nguy hại (đăng ký môi trường/giấy phép bảo vệ môi trường), (nếu có).

3. Các chứng từ chuyển giao CTNH sẽ được bên A và bên B cùng thống nhất chuyển giao CTNH và phải được ghi rõ ràng, đầy đủ các thông tin và ký tên đóng dấu của bên A.

4. Xác nhận số lượng, khối lượng vận chuyển chất thải bằng biên bản giao nhận.

5. Bàn giao chất thải nguy hại đúng thời hạn theo Hợp đồng.

6. Bên A chịu trách nhiệm hoàn toàn nếu để lẫn CTNH không có trong danh mục CTNH của nội dung hợp đồng.

7. Bên A tự chịu trách nhiệm đối với các chất thải nguy hại không bàn giao cho bên B vận chuyển và xử lý theo Hợp đồng này.

8. Chịu trách nhiệm nghiệm thu, thanh lý hợp đồng và thanh toán cho bên B theo đúng giá trị hợp đồng thực tế.

Trách nhiệm Bên B:

1. Hướng dẫn bên A Phân loại, bảo quản và lưu trữ CTNH trong thiết bị lưu chứa phù hợp theo từng loại CTNH riêng biệt theo quy định.

2. Chịu trách nhiệm trong quá trình thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại từ điểm tiếp nhận chất thải của bên A đến khu xử lý CTNH của bên B.

3. Bên B có quyền từ chối tiếp nhận các loại chất thải nguy hại không nằm trong danh mục chất thải nguy hại được quy định trong hợp đồng này cũng như CTNH chưa được lưu chứa.

4. Bàn giao chứng từ CTNH sau khi đã xử lý xong cho bên A.

5. Bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm về tư cách pháp nhân và hồ sơ pháp lý trong việc ký kết hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại.

6. Bên B có trách nhiệm phát hành hóa đơn cho bên A phù hợp với quy định của pháp luật theo thông tin:

Tên đơn vị: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP ĐẮK NÔNG**

Địa chỉ: Thôn 2, Xã Nhân Đạo, Huyện Đắk R'lấp, Đắk Nông

Mã số thuế: 6400348804

ĐIỀU 3: DANH MỤC CTNH VÀ GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

STT	Danh mục chất thải	Mã CTNH	Trạng thái	Điều kiện lưu trữ	Đơn giá khoán
1	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	Rắn	Bao PE cột kín	**8.800.000 (VNĐ) ≤100kg/01 cơ sở**
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thuỷ tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	Bao PE cột kín	
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	Bao PE cột kín	
4	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	Lỏng	Thùng chứa có nắp	
5	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	18 01 02	Rắn	Bao PE cột kín	
6	Ắc quy chì thải	19 06 01	Rắn	Bao PE cột kín	
Tổng giá trị đã bao gồm thuế VAT					**8.800.000**

(Bằng chữ: Tám triệu tám trăm ngàn đồng chẵn)

❋ <u>Ghi chú:</u>

- Đơn giá trên áp dụng cho khối lượng bàn giao CTNH phát sinh ≤ **100kg/01 lần thu gom/01 cơ sở**. Nếu khối lượng CTNH bàn giao vượt quá khối lượng quy định thì sẽ tính thêm lượng chất thải vượt là **30.000 VNĐ/kg**. Riêng bóng đèn huỳnh quang chỉ thu gom ≤ **10 kg/năm**, nếu phát sinh vượt mức quy định – đơn giá tính cho khối lượng vượt là **50.000 đồng/kg**.

- Đơn giá trên **đã** bao gồm thuế VAT.

- Nếu khách hàng yêu cầu thực hiện vận chuyển lần thứ 2 trở lên, chi phí vận chuyển sẽ được tính là **5.000.000 đồng/chuyến.**

- Khối lượng được xác nhận dựa trên biên bản giao nhận, chứng từ CTNH được hai bên ký xác nhận.

- Ký hiệu và mã CTNH theo hướng dẫn của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

ĐIỀU 4: PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN VÀ THANH TOÁN

4.1. Phương thức giao nhận

Tại kho lưu trữ CTNH của bên A. Hai bên sẽ xác định khối lượng đối với từng mã CTNH, lập biên bản giao nhận CTNH, lập chứng từ chất thải nguy hại để làm cơ sở cho việc thanh toán và quản lý CTNH.

4.2. Hình thức thanh toán:

- Thanh toán bằng: Chuyển khoản/Tiền mặt

- Thông tin tài khoản nhận tiền: Được nêu tại phần thông tin của Bên B

- Đồng tiền thanh toán: Việt Nam Đồng

Đợt 1: Bên A thanh toán cho bên B 50% giá trị hợp đồng trong thời hạn 10 ngày sau khi hai bên đã ký kết hợp đồng.

- Đợt 2: Bên A thanh toán cho bên B 50% số tiền còn lại và số tiền vượt phát sinh (nếu có) trong thời hạn 07 ngày sau khi bên A nhận được:

+ Công văn đề nghị thanh toán của bên B;

+ Biên bản giao nhận CTNH;

+ Hóa đơn GTGT theo quy định.

Trong trường hợp bên A không phát sinh CTNH hoặc bên A không yêu cầu thu gom theo kế hoạch thu gom của bên B, khi hết hạn hợp đồng thì bên A vẫn phải thanh toán phí duy trình hợp đồng là **8.800.000 đồng** *(Bằng chữ: Tám triệu tám trăm ngàn đồng).*

Trường hợp Bên A quá hạn thanh toán trên thì bên A phải chịu thêm lãi suất theo mức lãi suất tín dụng quá hạn của Ngân hàng nhà nước Việt Nam tại thời điểm thanh toán tính trên số tiền và thời gian chậm thanh toán. Thời hạn chậm thanh toán tối đa 45 ngày, nếu quá hạn chậm thanh toán bên A phải chịu phạt với phí phạt gấp đôi giá trị hợp đồng.

ĐIỀU 5: ĐIỀU KHOẢN THANH LÝ

Khi hợp đồng hết thời hạn xem như là bản thanh lý khi 2 bên thực hiện đúng, đầy

đủ các điều khoản đã cam kết trong Hợp đồng.

ĐIỀU 6: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

1. Mọi sửa đổi, bổ sung hay chấm dứt hợp đồng đều phải được thông báo trước cho các bên ít nhất 30 ngày và phải được thống nhất bằng phụ lục hợp đồng. Phụ lục này sẽ là một phần không tách rời của hợp đồng.

2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có tranh chấp phát sinh sẽ giải quyết bằng thương lượng và hoà giải trên tinh thần hợp tác giữa các bên.

3. Trường hợp không đạt được thỏa thuận giữa các bên, việc giải quyết tranh chấp được đưa ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết.

4. Hợp dồng này được lập thành 05 (năm) bản, bên A giữ 02 (hai) bản và bên B giữ 03 (ba) bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thành Luân	Nguyễn Văn Thành

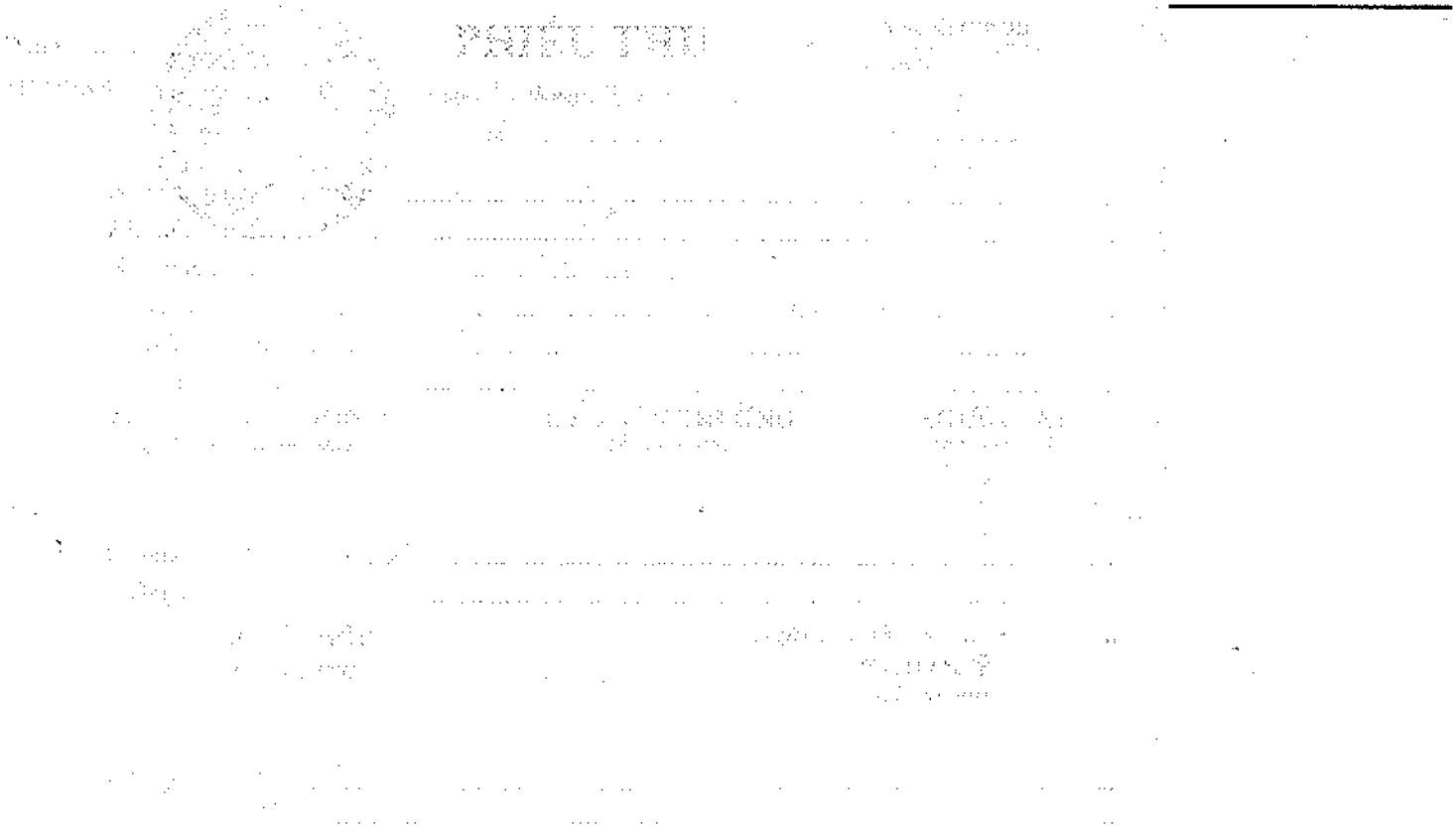

CÔNG AN TỈNH ĐẮK NÔNG
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001
- Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ –CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy .
- Căn cứ Thông tư số 66/2014/TT – BCA ngày 16 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công an.
- Xét hồ sơ đề nghị cấp " giấy xác nhận điều kiện an toàn về PCCC" của đại diện CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP ĐẮK NÔNG là ông ĐỖ VĂN YÊN – hiện tại đang có NHÀ MÁY SẢN XUẤT GẠCH KHÔNG NUNG ĐẮK NÔNG tại địa chỉ: Thôn 2, xã Nhân Đạo, huyện ĐắkRLấp tỉnh ĐắkNông; Căn cứ biên bản kiểm tra về việc thực hiện các yêu cầu về PCCC của cán bộ kiểm tra an toàn PCCC ngày 28 tháng 9 năm 2017 đối với cơ sở.

Hôm nay vào lúc 09 giờ ngày 28 tháng 9 năm 2018 chúng tôi gồm :

I. Đại diện Cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH

1.Đ/c: Võ Ngọc Diệp : Chức vụ: Đội trưởng đội kiểm tra ATPCCC

2.Đ/c: : Chức vụ: Cán bộ kiểm tra an toàn PCCC

II. Đại diện cơ sở:

01. Ông: Đỗ Văn Yên : Chức danh: chủ cơ sở

02. Ông: : Quản lý

Cùng thống nhất và ghi nhận các nội dung đảm bảo các điều kiện về PCCC tại cơ sở như sau:

1/ Hồ sơ của cơ sở :

- Văn bản đề nghị cấp giấy xác nhận PCCC;

- Bản vẽ sơ đồ mặt bằng, hồ sơ giấy phép kinh doanh,hồ sơ thiết kế thi công công trình, các bản vẽ mặt bằng, sơ đồ chỉ dẫn, sơ đồ bố trí thiết bị;

- Biên bản kiểm tra về PCCC của cơ quan cảnh sát PCCC

- Các tài liệu có liên quan khác.

2/ Lực lượng PCCC cơ sở :

- Cơ sở đã thành lập lực lượng PCCC tại chỗ gồm 04 người

3/ Các phương thiết bị PCCC :

Cơ sở đã trang bị các phương tiện chữa cháy tại chỗ gồm :

+ Bình chữa cháy loại bằng bột.

+ Nội quy, tiêu lệnh chữa cháy - tình trạng hoạt động tốt

+ Đã thiết kế hệ thống chống sét đánh thẳng:

4/ Kết luận và kiến nghị:

- Cơ sở phải thực hiện đảm bảo và duy trì điều kiện an toàn PCCC theo Điều 7 Nghị định 79/2014/NĐ – CP ngày 31/7/2014

- Lập quản lý hồ sơ theo dõi các hoạt động về phòng cháy và chữa cháy, phương án chữa cháy – cứu hộ theo Thông tư 66/2014/TT – BCA ngày 16/12/2014 của Bộ Công An.

Tại thời điểm kiểm tra công tác PCCC tại cơ sở đều đảm bảo đúng các yêu cầu về công tác an toàn PCCC thực hiện các yêu cầu về an toàn PCCC.

Để đảm bảo an toàn phòng cháy, chữa cháy của cơ sở trong quá trình hoạt động, Phòng cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Đắk Nông yêu cầu cơ sở thường xuyên thực hiện nghiêm túc các quy định, nội quy về an toàn PCCC, kịp thời khắc phục các sơ hở, thiếu sót về mặt PCCC khi được cơ quan PCCC kiểm tra nhắc nhở và kiến nghị, đồng thời phải báo ngay cho cơ quan PCCC biết khi có sự thay đổi về tính chất hoạt động hoặc thay đổi về cấu trúc công trình. Biên bản đã được thông qua vào lúc 10 giờ cùng ngày và được xác nhận của cơ quan cảnh sát PCCC&CNCH Công An tỉnh ĐắkNông:

Đại diện cơ sở
(Ký tên, đóng dấu)

Đội trưởng đội kiểm tra PCCC

Vũ Ngọc Diệp

Phòng CS PCCC và CNCH

CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHIỆP ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Nông, ngày tháng năm 2023

BIÊN BẢN TỰ KIỂM TRA AN TOÀN PCCC CƠ SỞ, BẢO QUẢN BẢO DƯỠNG PHƯƠNG TIỆN, DỤNG CỤ PCCC

Hôm nay vào lúc.....giờ.....phút, ngày....tháng....năm 2023. Được sự ủy quyền của lãnh đạo cơ sở, tôi:.....; Chức vụ:.....

Đã tiến hành kiểm tra công tác an toàn PCCC và kiểm tra bảo quản, bảo dưỡng phương tiện dụng cụ chữa cháy như sau:

I. Phương tiện dụng cụ PCCC

STT	Tên chủng loại phương tiện	Ký hiệu	Số lượng	Nơi bố trí, lắp đặt	Chất lượng	Ghi chú
1	Bình chữa cháy	MFZ35	05	Nhà xưởng	Tốt	
2		MFZ4	01	Nhà	Tốt	
		MFZ5	02	Nhà	Tốt	

II. Tình hình công tác kiểm tra *(Kiểm tra phương tiện...; Kiểm tra vật tư, thiết bị, hệ thống điện; công tác tuyên truyền, huấn luyện quy định an toàn PCCC vv,... tình hình triển khai công tác PCCC khác liên quan).*

.....Các phương tiện dụng cụ vật tư thiết bị phòng cháy chữa cháy tốt.....

[illegible] lí đảm bảo [illegible]

[illegible] quy định an toàn [illegible] OBCMK

III. Ý Kiến kiến nghị đề xuất *(Ý kiến của người kiểm tra, đề xuất cho lãnh đạo cơ sở)*

[illegible] phòng chống chữa cháy [illegible] cơ sở tốt

[illegible] chuyên môn phòng chống chữa cháy của [illegible]

Biên bản kết thúc vào hồi.....giờ.....phú, ngày.....tháng.....năm 2023.

GIÁM ĐỐC	**NGƯỜI KIỂM TRA**
(Ký tên, đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*
[illegible]	[illegible]

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

HỒ SƠ
QUẢN LÝ CÔNG TÁC PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY
(Lưu hành nội bộ)

Tên cơ sở: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP ĐẮK NÔNG**

Địa chỉ: Thôn 2, xã Nhân Đạo, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông

Điện thoại: 081.748.7777

Đắk Nông, năm 2023

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

HỒ SƠ
QUẢN LÝ CÔNG TÁC PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY
(Lưu hành nội bộ)

Tên cơ sở: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP ĐẮK NÔNG**

Địa chỉ: Thôn 2, xã Nhân Đạo, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông

Điện thoại: 081.748.7777

Đắk Nông, năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP ĐẮK NÔNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 61/QĐ-PCCC	*Đắk Nông, ngày 17 tháng 01 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở

- Căn cứ Luật PCCC năm 2001, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC năm 2013;

- Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC;

- Căn cứ Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC;

- Căn cứ Thông tư 149/2020/TT - BCA, ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Công an;

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Doanh nghiệp;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thành lập Đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở của **Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Đắk Nông**, gồm... người, *(có tên theo danh sách đính kèm).*

Cử Ông Đào Văn Huy – giữ chức vụ Đội trưởng

Điều 2: Đội PCCC cơ sở có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về PCCC, CNCH. Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Đội trưởng phân công.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 01 năm 2023.

Điều 4: Đội trưởng và Đội viên Đội PCCC cơ sở có tên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: - Như Điều 4; - Lưu VT.	**GIÁM ĐỐC** *(Ký tên, đóng dấu)*

DANH SÁCH ĐỘI PCCC CƠ SỞ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 01/QĐ-PCCC, ngày 01 tháng 04 năm 2023)

STT	Họ và tên	Chức danh đang làm	Đã được cấp giấy CNHL PCCC	Ghi chú
1	[illegible]	NV	[illegible]	
2	[illegible]	NV	[illegible]	
3	[illegible]	NV	[illegible]	
4	[illegible]	NV	[illegible]	
5				
6				
7				
8				
9				
10				

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

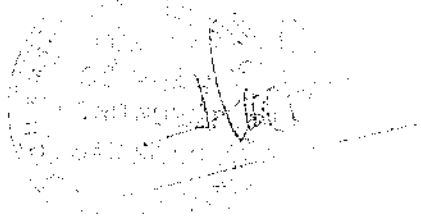

CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHIỆP ĐẮK NÔNG

Số: 12/QĐ-PCCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Nông, ngày 01 tháng 01 năm 2023

QUY TRÌNH – QUY ĐỊNH
Chức năng nhiệm vụ của Đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở

I. NHIỆM VỤ CHUNG

Nhiệm vụ chính của Đội Phòng cháy chữa cháy là tổ chức chữa cháy kịp thời để bảo vệ an toàn tính mạng và tài sản Nhà nước, tài sản tập thể, sẵn sàng chi viện cứu chữa các vụ cháy ở đơn vị bạn, và khu vực nhân dân ở gần đơn vị, đồng thời làm nòng cốt trong việc tuyên truyền vận động quần chúng ở cơ sở thực hiện các điều lệ, nội quy biện pháp an toàn PCCC và tham gia công tác giữ gìn an ninh, trật tự chung. Đề xuất những biện pháp xử lý kỷ luật và khen thưởng kịp thời đối với những trường hợp vi phạm nội quy PCCC và những trường hợp có thành tích trong công tác PCCC.

II. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Nghiên cứu nắm tình hình thực tế của đơn vị tham mưu do lãnh đạo đề ra các biện pháp phòng cháy chữa cháy thích hợp, lập kế hoạch phương án PCCC và thực tập phương án PCCC và thực tập phương án sẵn sàng chữa cháy kịp thời, có hiệu quả.

2. Định kỳ hàng tháng hoặc quý tổ chức cho Đội thực tập các dụng cụ chữa cháy.

3. Tham gia đề xuất với chính quyền về các biện pháp PCCC nhằm khắc phục kịp thời thiếu sót không an toàn PCCC do Công an PCCC hướng dẫn hoặc đơn vị tự kiểm tra đồng thời gương mẫu tuyên truyền vận động mọi người trong đơn vị thực hiện tốt công tác PCCC, đề xuất tổ chức cho tất cả cán bộ CNV nghe nói chuyện PCCC ít nhất là một lần trong năm.

4. Kiểm tra đôn đốc việc thực hiện điều lệ, các biện pháp, tiêu chuẩn về kỹ thuật phòng cháy chữa cháy.

5. Tham HTX NÔNG NGHIỆP, THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ TRƯỜNG THỊNH vệ hiện trường và lập biên bản, giúp công an điều tra các vụ cháy, tham gia giữ gìn trật tự an ninh và các công tác khắc phục hậu quả thiên tai, dịch họa.

6. Định kỳ linh hoạt hàng tháng, quý để kiểm tra công tác xây dựng đội và các hoạt động thực tiễn của đội.

7. Mỗi cán bộ, đội viên phải đề cao tinh thần cảnh giác, tinh thần trách nhiệm, đoàn kết nội bộ, đoàn kết nhân dân, thực hiện đầy đủ nhiệm vụ chung của đội và nhiệm vụ của từng người đã được tổ chức phân công.

III. NHIỆM VỤ CỦA BAN CHỈ HUY ĐỘI PCCC, CÁC TỔ VÀ ĐỘI VIÊN

1. Nhiệm vụ của đội trưởng PCCC

Đội trưởng là thủ trưởng trực tiếp của cán bộ đội viên trong đội là người chịu trách nhiệm trước chính quyền cơ sở về toàn bộ công tác chữa cháy, xây dựng đội và tổ chức thực hiện chương trình công tác như : Nghiên cứu lập và tập phương án dự trù mua trang bị phương tiện dụng cụ, huấn luyện nghiệp vụ, tuyên truyền vận động, tổ chức và chỉ huy chữa cháy ở cơ sở và hợp đồng với đơn vị bạn và trực tiếp phụ trách tổ 1.

2. Nhiệm vụ của đội phó

Đội phó là người giúp việc đội trưởng và thế đội trưởng khi vắng mặt.

a. Một đội phó phụ trách tuyên truyền, vận động quần chúng PCCC như : kiểm tra đôn đốc, nhắc nhở mọi người thực hiện nội quy PCCC... trực tiếp phụ trách tổ 1. Khi có cháy chỉ huy quần chúng tiếp nước cho tổ xung kích hoặc xe chữa cháy.

b. Một đội phó làm công tác chính trị tư tưởng, trang bị và bảo quản phương tiện dụng cụ của đội, trực tiếp phụ trách tổ 2 và khi có cháy chỉ huy tổ này (dưới sự chỉ huy chung của đội trưởng).

3. Nhiệm vụ của các tổ

a. Tổ xung kích chữa cháy (gọi là tổ 1): có nhiệm vụ chữa cháy là chính do đó phải thành thạo cách sử dụng phương tiện chữa cháy và nhanh nhẹn, dũng cảm, mưu trí dập tắt kịp thời có hiệu quả các đám cháy vừa mới phát sinh (phân công từ bộ phận, từng người, từng vị trí, ai phụ trách, dùng phương tiện gì để dập tắt).

b. Tổ vận chuyển tài sản và bảo vệ (gọi là tổ 2): gồm người khỏe mạnh có đạo đức tốt. Tổ này có nhiệm vụ cứu chữa và đưa ra những tài sản trong đám cháy và những nơi lân cận bị lửa uy hiếp đến nơi an toàn, và phối hợp với cán bộ bảo vệ, đội viên phòng dịa phương, công an, phường đội bảo vệ các tài sản và tham gia giữ gìn tài sản chung.

c. Tổ truyền tin báo động, tuyên truyền vận động và cứu thương (gọi là tổ 3): gồm những người có kinh nghiệm PCCC và có tín nhiệm với quần chúng. Tổ này có nhiệm vụ khi thấy cháy hoặc khi nghe xung quanh báo động có cháy thì kịp thời báo động để biết. Điện thoại ngay cho Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Đắk Nông số **05013.545.033** hoặc số **114**, phân công người cúp cầu dao điện nơi xảy ra cháy. Hướng dẫn xe chữa cháy và tiếp cận đám cháy. Tuyên truyền, vận động quần chúng ở cơ sở thực hiện các thể lệ, nội quy .

Phân công người có hiểu biết về y tế và chuẩn bị phương tiện để kịp thời sơ cấp cứu những người bị thương và đưa ngay đến trạm y tế gần nhất.

- Mỗi tổ có tổ trưởng hoặc cán bộ trực tiếp phụ trách.

- Việc phân công như vậy nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm và đi vào chuyên môn hóa về nghiệp vụ cho mỗi cán bộ đội viên.

- Nhiệm vụ của đội viên

Mỗi cán bộ đội viên phải gương mẫu thực hiện nghĩa vụ PCCC như quy định tại Luật PCCC đồng thời phải nâng cao tính thần trách nhiệm, thực hiện tốt nhiệm vụ chung của đội cụ thể của mình được tổ chức phân công, luôn luôn nêu cao phẩm chất đạo đức, ý thức kỷ luật, tinh thần đoàn kết tương trợ lẫn nhau./.

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHIỆP ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU KIỆN
AN TOÀN VỀ PCCC ĐỐI VỚI CƠ SỞ

1. Có quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn phù hợp với đặc điểm và tính chất hoạt động của cơ sở.

2. Có quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ phòng cháy và chữa cháy trong cơ sở.

3. Hệ thống điện, chống sét, chống tĩnh điện: thiết bị sử dụng điện, sinh lửa, sinh nhiệt; việc sử dụng nguồn lửa, nguồn điện phải đảm bảo an toàn về phòng cháy và chữa cháy.

4. Có quy trình kỹ thuật an toàn về phòng cháy và chữa cháy phù hợp với điều kiện sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

5. Có lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, chuyên ngành được huấn luyện nhiệm vụ phòng cháy và chữa cháy và tổ chức thường trực sẵn sàng chữa cháy đáp ứng yêu cầu chữa cháy tại chỗ.

6. Có phương án chữa cháy, thoát nạn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Nghị Định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính Phủ.

7. Có hệ thống giao thông, cấp nước, thông tin liên lạc phục vụ chữa cháy, hệ thống báo cháy, chữa cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy khác, phương tiện cứu người phù hợp với tính chất, đặc điểm của cơ sở đảm bảo về số lượng, chất lượng và hoạt động phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của Bộ Công an.

8. Có văn bản thẩm duyệt, kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy đối với công trình quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính Phủ.

9. Có hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động phòng cháy và chữa cháy theo quy định của Bộ Công an.

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP ĐẮK NÔNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: [illegible]/QĐ-PCCC	*Đắk Nông, ngày 6 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Nội quy phòng cháy và chữa cháy

- Căn cứ Luật PCCC năm 2001, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC năm 2013;

- Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC;

- Căn cứ Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về tổ chức cứu nạn, cứu hộ của lực lượng PCCC;

- Căn cứ Thông tư 149/2020/TT - BCA, ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Công an;

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Doanh nghiệp.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Nội quy phòng cháy và chữa cháy của **Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Đắk Nông.**

Điều 2: Nội quy có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Điều 3: Đội trưởng Đội PCCC cơ sở và các đội viên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHIỆP ĐẮK NÔNG

Số: /NQ-PCCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Nông, ngày 01 tháng 01 năm 2023

NỘI QUY PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-PCCC, ngày / /2023)

Điều 1: Phòng cháy chữa cháy là nghĩa vụ của toàn thể công nhân viên, mọi người đều phải tham gia tích cực vào công tác PCCC;

Điều 2: Nghiêm cấm tự ý mắc, thay đổi, sửa chữa các thiết bị an toàn về điện, thiết bị tiêu thụ điện, dây dẫn điện;

Điều 3: Không để chất dễ cháy gần cầu chì, bang điện, đè lên đường dây dẫn điện và dưới các bang điện cầu dao;

Điều 4: Nghiêm cấm NV hút thuốc lá, sử dụng ngọn lửa trần nơi có biển cấm lửa, nguy hiểm cháy nổ;

Điều 5: Phương tiện chữa cháy phải để đúng vị trí đã quy định, đảm bảo dễ thấy, dễ lấy. Không được sử dụng phương tiện PCCC vào việc khác;

Điều 6: CBNV trong cơ sở phải có trách nhiệm bảo quản phương tiện PCCC, tham gia học nghiệp vụ PCCC;

Điều 7: Nghiêm cấm khách và CBNV, mang chất dễ cháy, chất nổ vào trong cơ sở;

Điều 8: Khách hay CBNV khi phát hiện ra cháy phải báo động (bằng hệ thống điện thoại, kẻng hoặc chuông báo động, số điện thoại:114);

Điều 9: Đội viên phòng cháy chữa cháy tăng cường kiểm tra việc chấp hành nội quy PCCC trong và ngoài giờ làm việc tại nơi làm việc;

Điều 10: Nội quy này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHIỆP ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-PCCC

Đắk Nông, ngày 18 tháng 12 năm 2023

NỘI QUY SỬ DỤNG ĐIỆN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-PCCC, ngày / /2023)

Để bảo vệ tài sản cơ sở, tính mạng của cán bộ công nhân viên và giữ gìn trật tự an ninh chung. Nay **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP ĐẮK NÔNG** đề ra nội quy sử dụng điện như sau:

Điều 1. Nhân viên phải thực hiện tiết kiệm điện ở nơi mình làm việc; khi ra ngoài hoặc hết giờ làm việc, trước khi ra về phải cắt điện đối với mọi thiết bị tiêu thụ điện.

Điều 2. Không được đấu nối làm thay đổi hệ thống điện; không được để các ổ điện tiếp xúc lỏng lẻo phát sinh tia lửa điện; không được dùng điện quá tải gây cháy điện; không dùng dây đồng, giấy bạc thay cầu chì, không dùng dây điện cắm trực tiếp vào ổ điện, không để các chất dễ cháy gần cầu chì, băng điện và đường dây dẫn điện.

Điều 3. Thường xuyên kiểm tra hệ thống dây dẫn điện, thiết bị điện và thiết bị tiêu thụ điện, nếu phát hiện thấy có dấu hiệu mất an toàn phải kịp thời báo cho người có trách nhiệm để sửa chữa, khắc phục ngay; nghiêm cấm sử dụng thiết bị điện ở những vị trí, khu vực đã có quy định cấm; nghiêm cấm hàn, cắt ở các vị trí có nhiều chất cháy hoặc dung môi nguy hiểm cháy, nổ.

Điều 4. Cấm dùng các đồ điện cá nhân để đun nấu, sưởi, sấy..., thường xuyên kiểm tra an toàn điện để tránh các sự cố gây cháy, nổ do điện.

Điều 5. Khi hệ thống điện có sự cố chập, mất điện, không được tự ý sửa chữa, phải cắt điện và báo cáo ngay cho người phụ trách bố trí thợ điện đến sửa chữa.

Điều 6. Tất cả nhân viên và khách đến phải nghiêm túc thực hiện. Ai vi phạm để xảy ra các sự cố, thì tuỳ theo mức độ nặng nhẹ sẽ bị xử lý theo các quy định hiện hành của Pháp luật./.

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHIỆP ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU KIỆN
AN TOÀN VỀ PCCC ĐỐI VỚI CƠ SỞ

1. Có quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn phù hợp với đặc điểm về tính chất hoạt động của cơ sở.

2. Có quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ phòng cháy và chữa cháy trong cơ sở.

3. Hệ thống điện, chống sét, chống tĩnh điện; thiết bị sử dụng điện, sinh lửa, sinh nhiệt; việc sử dụng nguồn lửa, nguồn điện phải đảm bảo an toàn về phòng cháy và chữa cháy.

4. Có quy trình kỹ thuật an toàn về phòng cháy và chữa cháy phù hợp với điều kiện sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

5. Có lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, chuyên ngành được huấn luyện nhiệm vụ phòng cháy và chữa cháy và tổ chức thường trực sẵn sàng chữa cháy đáp ứng yêu cầu chữa cháy tại chỗ.

6. Có phương án chữa cháy, thoát nạn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Nghị Định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính Phủ.

7. Có hệ thống giao thông, cấp nước, thông tin liên lạc phục vụ chữa cháy, hệ thống báo cháy, chữa cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy khác, phương tiện cứu người phù hợp với tính chất, đặc điểm của cơ sở đảm bảo về số lượng, chất lượng và hoạt động phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của Bộ Công an.

8. Có văn bản thẩm duyệt, kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy đối với công trình quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính Phủ.

9. Có hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động phòng cháy và chữa cháy theo quy định của Bộ Công an.

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT
ĐẢM BẢO AN TOÀN PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Kính gửi: Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH – Công an tỉnh Đắk Nông.

Tên đơn vị ký cam kết: **Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Đắk Nông**

Địa chỉ: Thôn 2, xã Nhân Đạo, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

Để bảo vệ an toàn tính mạng người lao động, tài sản và đảm bảo an toàn PCCC chung, chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ và yêu cầu về PCCC sau đây:

1. Tổ chức quán triệt và thực hiện nghiêm túc các văn bản pháp luật về PCCC, các điều kiện an toàn về PCCC đối với cơ sở, cụ thể là:

a. Có quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn phù hợp với đặc điểm và tính chất hoạt động của cơ sở;

b. Có quy định phân công chức trách, nhiệm vụ công tác phòng cháy và chữa cháy trong cơ sở và tổ chức thực hiện;

c. Có văn bản đã thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy đối với công trình thuộc diện phải thiết kế và thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy;

d. Hệ thống điện, thiết bị sử dụng điện, hệ thống chống sét, nơi sử dụng lửa, phát sinh nhiệt phải đảm bảo an toàn về phòng cháy và chữa cháy;

e. Có quy trình kỹ thuật an toàn về phòng cháy và chữa cháy phù hợp với điều kiện sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;

f. Có lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở được tổ chức huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy và tổ chức thường trực sẵn sàng chữa cháy đáp ứng yêu cầu chữa cháy tại chỗ, có phương án chữa cháy, thoát nạn và được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

g. Có hệ thống chữa cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy khác, phương tiện cứu người phù hợp với tính chất, đặc điểm của cơ sở, bảo đảm về số lượng, chất lượng và hoạt động theo quy định của Bộ Công an và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy, có hệ thống giao thông, cấp nước, thông tin liên lạc phục vụ chữa cháy tại cơ sở theo quy định;

h. Có hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động phòng cháy và chữa cháy theo quy định.

2. Thường xuyên, định kỳ tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật và kiến thức PCCC cho người lao động, tổ chức huấn luyện nghiệp vụ PCCC cho cán bộ quản lý lao động, an toàn viên và những người làm việc trong môi trường có nguy hiểm về cháy, nổ. Thành lập lực lượng PCCC cơ sở, trang bị đủ phương tiện chữa cháy theo quy định và duy trì hoạt động của lực lượng này có hiệu quả.

3. Thường xuyên và định kỳ tự kiểm tra, khắc phục thiếu sót về PCCC, xử lý nghiêm những tập thể, cá nhân vi phạm quy định an toàn PCCC, thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn những kiến nghị của cơ quan quản lý nhà nước về PCCC.

4. Khi cơ sở có thay đổi về tính chất hoạt động và công năng thiết kế có liên quan đến an toàn PCCC thì báo cáo ngay với cơ quan Cảnh sát PCCC để được hỗ trợ các biện pháp, giải pháp về PCCC.

5. Lập phương án chữa cháy theo quy định và tổ chức tực tập phương án chữa cháy, thoát nạn ít nhất một năm một lần.

6. Không để xảy ra cháy hoặc khi có cháy thì dập tắt kịp thời.

7. Phối hợp với cơ quan cơ sở lân cận, hộ gia đình và chính quyền địa phương sở tại trong việc tổ chức các hoạt động PCCC.

8. Thực hiện lệnh huy động tham gia các hoạt động PCCC của cấp có thẩm quyền.

9. Tổ chức có các tập thể, cá nhân trong đơn vị ký cam kết đảm bảo an toàn PCCC.

Đắk Nông, ngày tháng năm 2023

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHIỆP ĐẮK NÔNG

Số: TK-PCCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Nông, ngày tháng năm 2025

BẢNG THỐNG KÊ
PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

STT	TÊN PHƯƠNG TIỆN	CHỦNG LOẠI VÀ KÝ HIỆU	SỐ LƯỢNG	NƠI BỐ TRÍ, LẮP ĐẶT
1	Bình chữa cháy bột khô	MFZ8	05	Nhà làm việc, nhà xưởng
2	Bình chữa cháy bột khô	MFZL35	01	
3	Bình chữa cháy CO_2	MT3	02	
4				
5				
6				

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHIỆP ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Nông, ngày tháng năm 2023

THEO DÕI HOẠT ĐỘNG TUYÊN TRUYỀN BỒI DƯỠNG, HUẤN LUYỆN NGHIỆP VỤ PCCC CỦA ĐỘI PCCC CƠ SỞ

I. Bảng thống kê theo dõi công tác huấn luyện của đội PCCC cơ sở

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh, nơi công tác PCCC	Ngày, tháng, năm huấn luyện	Ghi chú
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
10					

II. Tình hình công tác tuyên truyền, hoạt động của đội PCCC cơ sở

.....

.....

.....

.....

NGƯỜI THEO DÕI
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 04
Ban hành kèm theo Nghị định số [illegible]/NĐ-CP ngày [illegible]/2017

Số: 2 /PA-CNCH

PHƯƠNG ÁN CỨU NẠN CỨU HỘ CỦA CƠ SỞ

Tên cơ sở: CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP ĐẮK NÔNG - GẠCH KHÔNG NUNG

Địa chỉ: Thôn 2, xã Nhân Đạo, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông

Điện thoại:

Cơ quan Công an được phân công thực hiện nhiệm vụ chữa cháy và CNCH: Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Đắk Nông

Điện thoại: 114.

Năm 2023

SƠ ĐỒ MẶT BẰNG TỔNG THỂ

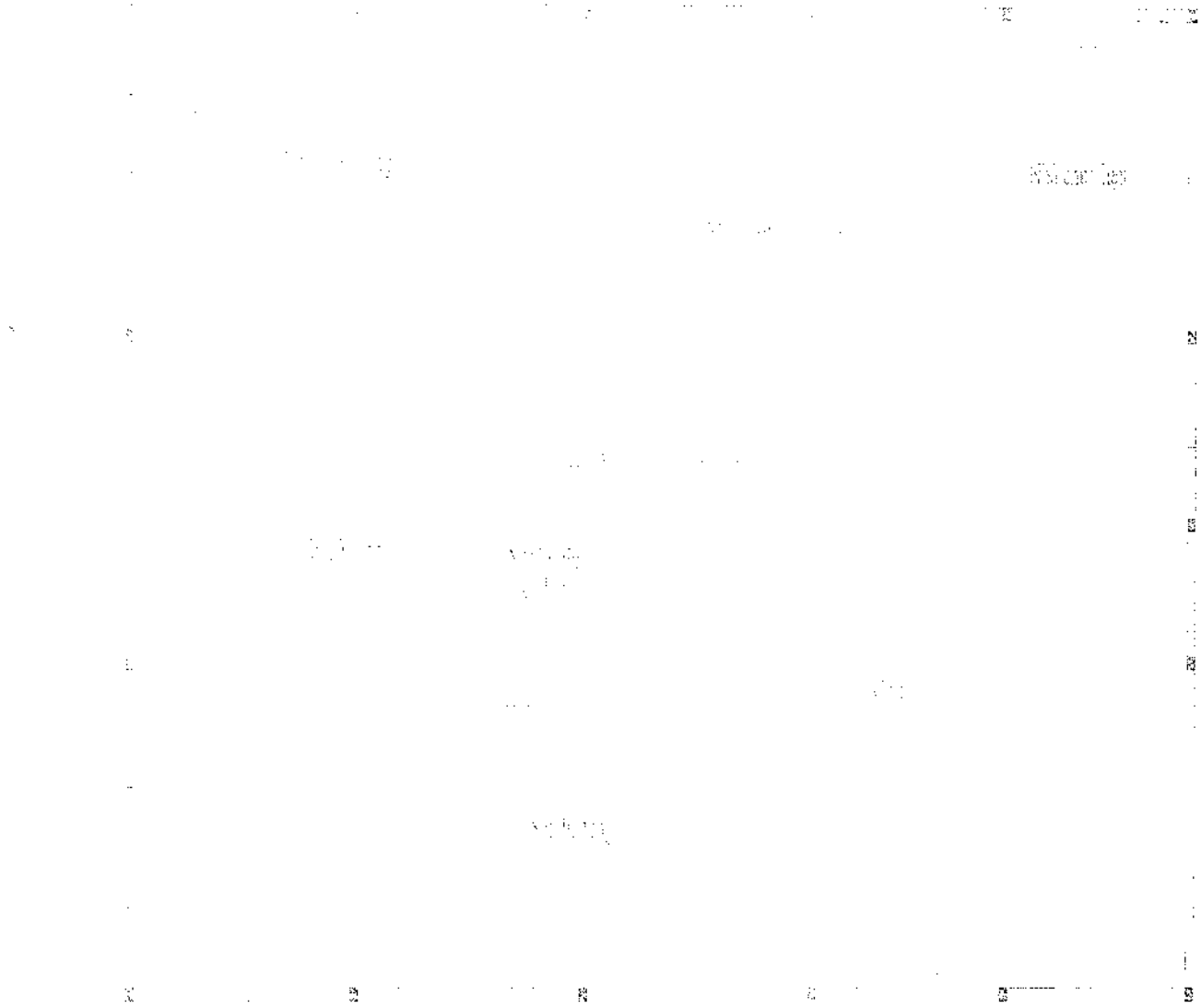

A. ĐẶC ĐIỂM CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC CỨU NẠN, CỨU HỘ

I. VỊ TRÍ CƠ SỞ

- Công ty CP công nghiệp Đắk Nông - Gạch không nung [illegible] lạc tại địa chỉ Thôn 2, xã Nhân Đạo, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông. Trên tuyến đường thuận lợi, cổng chính tiếp giáp với đường có chiều rộng khoảng 8m, xe chữa cháy có thể tiếp cận. Cơ sở cách Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH khoảng 24km.

- Các hướng tiếp giáp:

- Phía Đông giáp: Đất trống;

- Phía Tây giáp: Đất trống;

- Phía Nam giáp: Đất trống;

- Phía Bắc giáp: Đường nhựa;

II. GIAO THÔNG PHỤC VỤ CHỮA CHÁY

1. Giao thông bên trong cơ sở

Xe chữa cháy có thể hoạt động bình thường, tiếp cận từ phía cổng chính.

2. Giao thông bên ngoài

Từ cơ quan công an đến cơ sở theo các tuyến đường như sau:

Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Đắk Nông đến Công ty CP công nghiệp Đắk Nông - Gạch không nung: Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH → Bùng binh tỉnh đội rẻ phải → Đường 23/3 → Đi QL14 (đi hướng TP. Hồ Chí Minh khoảng 19km) → Ngã ba Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp (Vietinbank Đắk Nông - PGD Nhân Cơ) rẻ trái đi khoảng 4.6km→ Cơ sở bên trái

- Chú ý: Trên tuyến đường này vào các giờ cao điểm giao thông (Từ 6 giờ 00 đến 8 giờ 00 hoặc 17 giờ 00 đến 19 giờ 00) tại các giao lộ lưu lượng xe tham gia nhiều nên thường xảy ra tình trạng kẹt xe làm ảnh hưởng đến việc lưu thông của xe chữa cháy khi cháy xảy ra.

III. TÍNH CHẤT, ĐẶC ĐIỂM CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC CỨU NẠN, CỨU HỘ

1. Đặc điểm xây dựng công trình và hoạt động của cơ sở

- Cơ sở được xây dựng với nhiều hạng mục công trình như khu vực nhà làm việc, nhà bảo vệ, nhà xe, nhà kho, nhà xưởng....

- Do tính chất hoạt động của cơ sở nên thường xuyên có một lượng người có mặt tại đây bao gồm: Nhân viên, khách hàng.

2. Đặc điểm tâm lý người bị nạn

- Tại cơ sở thường xuyên có nhiều người tập trung tại đây, ngoài lực lượng

phòng cháy chữa cháy cơ sở đã được tập huấn nghiệp vụ về công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thì phần lớn là chưa được tập huấn, hướng dẫn các công tác về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ nên sẽ dễ xảy ra tình trạng hoang loạn khi xảy ra sự cố. Từ một người hoảng loạn sẽ làm cho nhiều người hoảng loạn theo có dẫn tới tình trạng chen lấn xô đẩy tạo ra sự chuyển động hỗn loạn. Khi chuyển động hỗn loạn sẽ kéo theo những tâm lý hoang loạn cho tất cả mọi người, ai cũng muốn tìm đường thoát ra ngoài nhanh nhất. Do đó, những người thể trạng yếu (phụ nữ, người già...) hoặc những người bị trượt chân ngã do xô đẩy sẽ khó thoát ra khỏi dòng người và những người khác dẫm đạp lên gây bị thương và tử vong.

- Khi nạn nhân bị mắc kẹt trong các khoảng trống an toàn của công trình sụp đổ, nếu nạn nhân còn tỉnh thì thường có tâm lý hoang loạn, lo sợ. Điều này dẫn tới việc hít không khí thở nhiều hơn. Vì vậy, trong trường hợp này nạn nhân bị thiếu oxy dẫn đến tình trạng nạn nhân bất tỉnh.

- Trường hợp bị vùi lấp dưới đống đổ nát hay bị cấu kiện xây dựng đè lên trong thời gian dài thì nạn nhân rất đau đớn dẫn đến nạn nhân bị hoang loạn tinh thần và họ là hét, gọi to sau đó đuối sức ngay cho nên bất tỉnh.

- Khi mà có nhiều người mắc nạn ở cơ sở, do đường thoát nạn bị chặn hay cấu kiện xây dựng bị sụp đổ thì mọi người thường hoan loạn về tinh thần, mất bình tĩnh do họ không có lối thoát. Khi lực lượng CNCH đến triển khai công tác cứu người xảy ra tình trạng chen lấn, xô đẩy.

IV. TỔ CHỨC LỰC LƯỢNG CỨU NẠN, CỨU HỘ TẠI CHỖ

1. Tổ chức lực lượng

- Cơ sở đã tổ chức thành lập đội PCCC và CNCH tại chỗ gồm [illegible] người, trong đó đã phân công Ông (bà): [illegible]..... làm đội trưởng chuyên cứu nạn, cứu hộ khi có sự cố.

2. Lực lượng thường trực cứu nạn, cứu hộ

- Trong giờ làm việc có khoảng [illegible] người.

- Ngoài giờ làm việc có [illegible] người.

V. PHƯƠNG TIỆN CỨU NẠN, CỨU HỘ CỦA CƠ SỞ

TT	DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ PHƯƠNG TIỆN	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Đèn chiếu sáng cá nhân cầm tay	[illegible]	Bình thường
2	Thiết bị thông tin cá nhân	[illegible]	Bình thường

3	[illegible] đa năng	[illegible]	Bình thường
4	[illegible]	[illegible]	Bình thường
5	[illegible]	[illegible]	Bình thường
6	[illegible]	[illegible]	Bình thường
7	[illegible]	[illegible]	Bình thường
8	[illegible]	[illegible]	Bình thường
9	[illegible]	[illegible]	Bình thường
10	Bộ đồ cứu thương tiêu chuẩn	[illegible]	Bình thường

B. PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ MỘT SỐ TÌNH HUỐNG SỰ CỐ, TAI NẠN

I. PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TÌNH HUỐNG CỨU NẠN, CỨU HỘ PHỨC TẠP NHẤT

1. Giả định tình huống cháy phức tạp nhất

Cháy xảy ra tại khu vực nhà xưởng sản xuất.

1.1. Thời điểm xảy ra cháy

- Vào lúc 23 giờ 35 phút ngày X tháng Y năm Z.

1.2. Vị trí phát sinh cháy: Ổ điện.

1.3. Chất cháy chủ yếu: Ghế, bàn, nhựa, gỗ, thiết bị điện…

1.4. Nguyên nhân xảy ra cháy: Do vi phạm quy định về an toàn phòng cháy và chữa cháy, chập điện gây cháy lan sang toàn bộ khu vực.

1.5. Khả năng phát triển của đám cháy

- Do lượng chất cháy tại khu vực này lớn, sắp xếp gần nhau nên đám cháy nhanh chóng lan ra toàn khu vực, phát triển lan ra rất lớn nếu không được cứu chữa kịp thời.

- Khi đó đám cháy ngày càng sinh ra nhiều sản phẩm khói, khí độc khi cháy [illegible] gây [illegible].

- Với số lượng chất cháy nhiều và độc, phát triển nhanh có thể xảy ra hỗn loạn, có người bị kẹt trong khu vực cháy.

- Các vị trí thoát nạn: Thoát theo các lối thoát nạn, qua hành lang, qua lối đi chung [illegible].

Khả năng phát triển sự cố, tai nạn: Nếu đám cháy mà không xử lý kịp thời sẽ phát triển ra toàn bộ căn nhà có nguy cơ gây sập đổ toàn bộ công trình, khói

khí độc hoặc các nguồn đe dọa đến tính mạng của toàn bộ người mắc kẹt tại đây và giữ vững ổn định công tác CNCH.

2. Tổ chức triển khai cứu nạn, cứu hộ

Bắt đầu từ khi xảy ra sự cố cho đến khi phối hợp với lực lượng PCCC chuyển nhiệm vụ đến nơi:

- Đội PCCC cơ sở nhanh chóng tập hợp lực lượng và chủ động tổ chức triển khai CNCH bằng các phương tiện được trang bị, đồng thời báo cáo cho chủ cơ sở biết để tổ chức huy động lực lượng đến ứng cứu. CNCH kịp thời.

Khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa có mặt tại hiện trường thì lại điện thoại cho bộ người chỉ huy công tác CNCH và nhanh chóng triển công nhiệm vụ tiến hành các hoạt động sau:

* *Công tác thông tin liên lạc*

Báo động cho người xung quanh biết sự việc.

Phân công người gọi điện thoại cho Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH, Công an Quận Đất Nông và Công an khu vực để báo cháy và thông báo đầy đủ các thông tin cần thiết như tên cơ sở, vị trí xảy ra sự cố, số người mắc kẹt, diễn biến của vụ việc...

- Trung tâm y tế và bệnh viện khu vực...

- Các lực lượng khác nếu cần thiết.

* *Công tác bảo vệ:*

+ Tổ chức các chốt bảo vệ xung quanh cơ sở và các cổng ra vào cơ sở, ngăn chặn những người không có nhiệm vụ vào khu vực bên trong xảy ra tai nạn sự cố.

Cử người làm nhiệm vụ đón xe CNCH, xe cứu hỏ, xe cứu thương và các lực lượng Công an khác đến làm nhiệm vụ.

+ Chuẩn bị sơ đồ mặt bằng khu vực làng nghề và các sơ đồ khác có liên quan đến công tác CNCH (sơ đồ điện, sơ đồ bố trí lối đi, đường giao thông...) để cung cấp cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH khi có yêu cầu.

+ Cử người bảo vệ tài sản được di chuyển ra bên ngoài.

+ Tham gia việc hướng dẫn thoát nạn, bố trí địa điểm tập kết những người thoát ra ngoài, tổ chức điểm danh và báo cáo lại cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH.

+ Nắm tình hình, diễn biến tại nạn, sự cố cung cấp cho cơ quan điều tra.

+ Bảo vệ hiện trường và tham gia khắc phục hậu quả sự cố khi kết thúc quá

cứu nạn, cứu hộ.

- Đảm bảo công tác hậu cần khi công tác cứu nạn, cứu hộ kéo dài.

b) Công tác cứu nạn, cứu hộ:

- Tổ chức cứu người bị nạn, hướng dẫn thoát nạn:

- Dùng hệ thống loa phát thanh và trực tiếp hướng dẫn (dùng loa pin hoặc hô hoán) nhằm làm tâm lý cho mọi người giữ bình tĩnh, không chen lấn xô đẩy giẫm đạp và nhanh chóng ra khỏi khu vực xảy ra tai nạn đồng thời tập trung tại khu vực an toàn theo hộ gia đình xung quanh để kiểm tra lượng người làm việc trong cơ sở.

- Tổ chức công tác cứu người bị nạn, sơ cấp cứu cho những người bị thương trong khu vực xảy ra sự cố, tai nạn, di chuyển ra khu vực an toàn.

- Nếu phát hiện cháy thì sử dụng các phương tiện chữa cháy tại chỗ để dập tắt đám cháy. Nếu phát hiện có khói, khí độc thì phải báo cho mọi người biết và có biện pháp phòng chống.

- Huy động mọi phương tiện y tế hiện có như băng, cáng cứu thương, thuốc men phục vụ công tác cấp cứu người bị thương và di chuyển ra nơi cứu thương.

b) Công tác cứu nạn, cứu hộ:

Cắt toàn bộ hệ thống điện xung quanh cơ sở.

- Kiểm tra sự vận hành hệ thống đèn chiếu sáng sự cố.

- Huy động toàn bộ phương tiện CNCH (đèn pin, rìu, búa, xà beng...) để phá dỡ các cấu kiện bị sập đổ mở lối thoát nạn và cứu người bị mắc kẹt bên trong.

- Xác định các vị trí bị sập đổ và vị trí có người bị nạn.

- Tiến hành sơ cấp cứu người bị ngất hoặc bị thương và đưa họ ra ngoài.

- Thực hiện việc hướng dẫn mọi người thoát nạn:

Yêu cầu tất cả mọi người phải thật bình tĩnh và kiềm soát sự sợ hãi. Bình tĩnh xem xét thông tin về sự cố đang xảy ra (cháy, nổ, sập đổ công trình...).

Yêu cầu mọi người di chuyển theo hàng lối, tránh chen lấn, xô đẩy.

Quan sát tìm xung quanh các vị trí xảy ra sự cố, vị trí thoát nạn như cửa thoát hiểm, cầu thang... và tìm các di chuyển về phía đó.

Tìm cách liên lạc với tất cả mọi người và yêu cầu cung cấp thêm thông tin nếu họ đang ở vị trí khác.

Quan sát hướng bay lên của khói để xác định hướng di chuyển mình.

Di chuyển trong đám đông theo tư thế ngang (Thực tế chứng minh rằng khi 6 hoặc 7 người cùng đẩy về một phía thì lực đẩy có thể lên đến gần 500 kg. Lực

[illegible] cong một thanh sắt hoặc làm đổ một bức tường. Những nạn nhân tử vong thường được tìm thấy ở tư thế đứng. Thậm chí khi đám đông được giải tán, họ tử vong khi vẫn đang đứng như vậy. Những nạn nhân này thường chết vì bị gãy xương sườn hoặc bị vỡ nội tạng bên trong do bị chèn ép trực tiếp lên cơ thể [illegible] hoặc [illegible]. Vì vậy khi di chuyển trong đám đông, tư thế tốt nhất là di chuyển ngang để lực ép của đám đông lên cạnh bên cơ thể của mình).

- Khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH đến, Đồng chí chỉ huy CNCH của lực lượng cơ sở báo cáo ngay với chỉ huy của lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH về tình hình và diễn biến của sự cố, tai nạn, đường giao thông và tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ do người chỉ huy của lực lượng CNCH yêu cầu.

3. Sơ đồ triển khai lực lượng, phương tiện xử lý tình huống phức tạp nhất

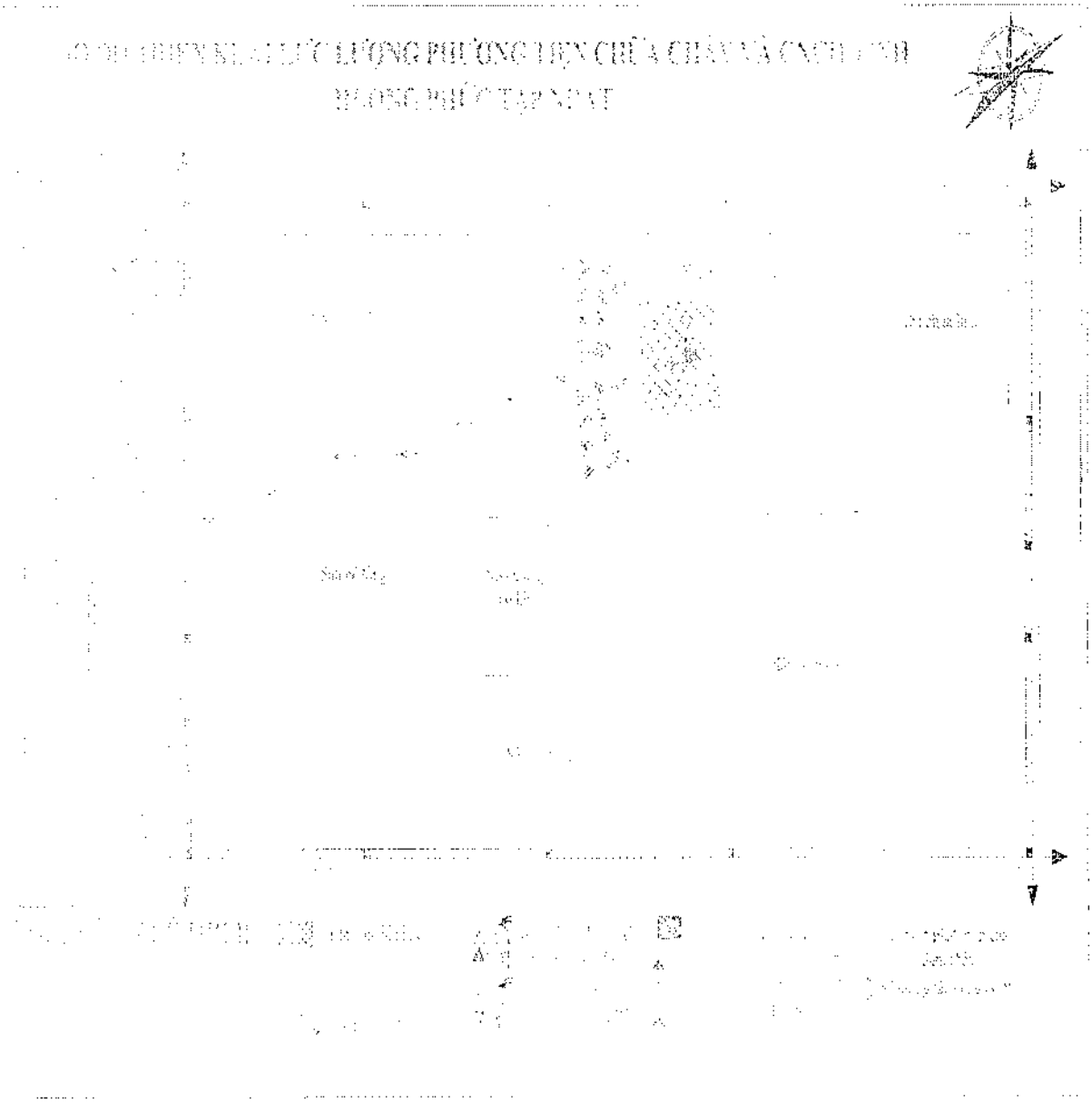

4. Nhiệm vụ của người chỉ huy cứu nạn, cứu hộ tại chỗ khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH đến hiện trường để cứu nạn, cứu hộ

- Phát hiện sự cố, cắt điện toàn bộ cơ sở, gọi điện báo cho Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Đắk Nông và các lực lượng địa phương đến hỗ trợ.

- Xác định vị trí, số lượng người còn bị mắc kẹt trong khu vực sập đổ.

- Cứu người bị mắc kẹt trong đống đổ nát.

- Hướng dẫn phân luồng giao thông để lực lượng chức năng có thể tiếp cận hiện trường. Tăng cường công tác đảm bảo an ninh trật tự tại khu vực xảy ra sự cố, tai nạn.

- Khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH đến, Đồng chí chỉ huy CNCH của đơn vị có trách nhiệm báo cáo với chỉ huy của lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH về tình hình và diễn biến của sự cố, tai nạn, đường giao thông, và tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ do người chỉ huy của lực lượng CNCH yêu cầu.

- Khắc phục hậu quả sau sự cố xảy ra.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của chỉ huy tại hiện trường.

II. PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ CÁC TÌNH HUỐNG CỨU NẠN, CỨU HỘ ĐẶC TRƯNG

1. Giả định tình huống sự cố, tai nạn

1.1. Thời điểm xảy ra sự cố, tai nạn: Vào 14 giờ 15 phút, ngày X tháng Y năm Z.

1.2. Địa điểm xảy ra sự cố, tai nạn: Cháy tại khu vực hội trường phòng.

1.3. Nguyên nhân sự cố, tai nạn: Trong quá trình sửa chữa tổng thể công trình, các công nhân xây dựng đã dùng máy khoan và kìm loại để cắt bỏ một số thanh thép của cột, dầm chịu lực dẫn đến suy yếu kết cấu và làm sập đổ một phần khu nhà về phía bên trong của công trình. Va chạm kết cấu với hệ thống điện làm phát sinh đám cháy.

1.4. Diễn biến sự cố, tai nạn: Do công trình đang trong quá trình tổng sửa chữa nên trong thời gian đó toàn bộ nhân viên làm việc tại cơ sở được nghỉ làm chỉ còn một nhân viên đứng bên ngoài giám sát hoạt động. Tại thời điểm xảy ra sự cố chỉ có các công nhân đang tiến hành sửa chữa công trình do vậy trong hiện trường không có nhiều người mắc kẹt. Thông tin ban đầu cho thấy sau tai nạn có khoảng 07 nạn nhân là công nhân đang sửa chữa do không chạy kịp ra ngoài nên đã bị mắc kẹt trong đống đổ nát.

1.5. Dự kiến số người bị nạn: Khi xảy ra sự cố lực lượng phòng cháy chữa

cháy cơ sở tổ lập tức dùng bình chữa cháy xách tay phun vào đám cháy để dập tắt đám cháy. Đa số tất cả mọi người được lực lượng PCCC cơ sở hướng dẫn thoát ra ngoài an toàn. Số người bị thương và mắc kẹt bên trong sẽ tự thoát ra được.

Khả năng phát triển sự cố, tai nạn: Nếu đám cháy mà không xử lý kịp thời sẽ phát triển ra toàn bộ căn nhà có nguy cơ gây sập đổ toàn bộ công trình, khói khí độc lan tỏa nhiều đe dọa đến tính mạng của toàn bộ người mắc kẹt tại đây và gây ảnh hưởng đến công tác CNCH.

2. Tổ chức triển khai cứu nạn, cứu hộ

Bắt đầu từ khi xảy ra sự cố cho đến khi phối hợp với lực lượng PCCC chuyên nghiệp đến nơi:

Nhân viên giám sát lập tức báo ngay cho chủ cơ sở và đội trưởng Đội PCCC cơ sở để nhanh chóng tập hợp lực lượng và chủ động tổ chức triển khai CNCH bằng các phương tiện được trang bị và huy động lực lượng đến cứu, CNCH kịp thời.

Khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH chưa có mặt tại hiện trường thì đại diện cơ sở là người chỉ huy công tác CNCH và nhanh chóng triển khai nhiệm vụ theo các hoạt động sau:

** Công tác thông tin liên lạc:*

- Báo động cho người xung quanh biết sự việc.

- Phân công người gọi điện thoại cho Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH – Công an tỉnh Đắk Nông và Công an khu vực để báo cháy và thông báo đầy đủ các thông tin như: tên cơ sở, vị trí xảy ra sự cố, số người mắc kẹt, diễn biến của vụ việc…

- Trung tâm y tế và bệnh viện khu vực…

- Các lực lượng khác nếu cần thiết.

** Công tác bảo vệ:*

- Tổ chức các chốt bảo vệ xung quanh cơ sở và các cổng ra vào cơ sở, ngăn chặn những người không có nhiệm vụ vào khu vực bên trong xảy ra tai nạn sự cố.

- Cử người làm nhiệm vụ dẫn xe CNCH, xe cứu hộ, xe cứu thương và các lực lượng chuyên môn khác đến làm nhiệm vụ.

- Chuẩn bị sơ đồ mặt bằng khu vực làng nghề và các sơ đồ khác có liên quan đến công tác CNCH (sơ đồ điện, sơ đồ bố trí lối đi, đường giao thông…) để cung cấp cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH khi có yêu cầu.

- Cử người bảo vệ tài sản được di chuyển ra bên ngoài

- Thực hiện việc hướng dẫn thoát nạn, bố trí địa điểm tập kết những người thoát ra ngoài, tổ chức điểm danh và báo cáo lại cho lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH.

- Nắm tình hình, diễn biến tai nạn, sự cố cung cấp cho cơ quan điều tra.

- Bảo vệ hiện trường và tham gia khắc phục hậu quả sau khi kết thúc quá trình cứu nạn, cứu hộ.

- Phối hợp công tác hậu cần khi công tác cứu nạn, cứu hộ kéo dài.

b) Công tác cứu nạn, cứu hộ:

- Tổ chức cứu người bị nạn, hướng dẫn thoát nạn:

- Dùng hệ thống loa phát thanh và trực tiếp hướng dẫn (bằng loa pin hoặc hô hoán) nhằm ổn định tâm lý cho mọi người giữ bình tĩnh, không chen lấn xô đẩy giẫm đạp lên nhau, ra khỏi khu vực xảy ra tai nạn đồng thời tổ chức tại khu vực an toàn, bố trí lực lượng xung quanh để kiểm tra lực lượng người làm việc trong cơ sở.

- Tổ chức công tác cứu người bị nạn, sơ cấp cứu cho những người bị thương trong khu vực xảy ra sự cố, tai nạn, đi chuyển ra khu vực an toàn.

- Nếu phát hiện cháy thì sử dụng các phương tiện chữa cháy tại chỗ để dập tắt đám cháy. Nếu phát hiện có khói, khí độc thì phải báo cho mọi người biết và có biện pháp phòng chống.

- Huy động mọi phương tiện y tế hiện có như băng, cáng cứu thương, thuốc men phục vụ công tác cấp cứu người bị thương và di chuyển ra trạm cứu thương.

b. Tổ chức cứu nạn, cứu hộ:

- Cắt toàn bộ hệ thống điện xung quanh cơ sở.

- Kiểm tra sự vận hành hệ thống đèn chiếu sáng sự cố.

- Huy động toàn bộ phương tiện CNCH (đèn pin, rìu, búa, xà beng…) để phá dỡ các bức tường bị sập đổ mở lối thoát nạn và cứu người bị mắc kẹt bên trong.

- Xác định các vị trí bị sập đổ và vị trí có người bị nạn.

- Tiến hành sơ cấp cứu người bị ngất hoặc bị thương và đưa họ ra ngoài.

- Thực hiện việc hướng dẫn mọi người thoát nạn:

Yêu cầu tất cả mọi người phải thật bình tĩnh và kiềm chế sự sợ hãi. Bình tĩnh xung quanh không tác về sự cố đang xảy ra (cháy, nổ, sập đổ công trình…).

Yêu cầu mọi người di chuyển theo hàng lối, tránh chen lấn, xô đẩy.

Quan sát tìm xung quanh các vị trí xảy ra sự cố, vị trí thoát nạn như cửa thoát hiểm, sân nhất ... và tìm các di chuyển về phía đó.

Thường xuyên liên lạc với tất cả mọi người và yêu cầu cung cấp thêm thông tin nếu họ đang ở vị trí khác.

Quan sát hướng bay lên của khói để xác định hướng đi của mình.

- Khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH đến, Đồng chí chỉ huy CNCH của lực lượng cơ sở báo cáo ngay với chỉ huy của lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH về tình hình và diễn biến của sự cố, tai nạn, đường giao thông và tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ do người chỉ huy của lực lượng CNCH yêu cầu.

3. Sơ đồ triển khai lực lượng, phương tiện xử lý tình huống đặc trưng

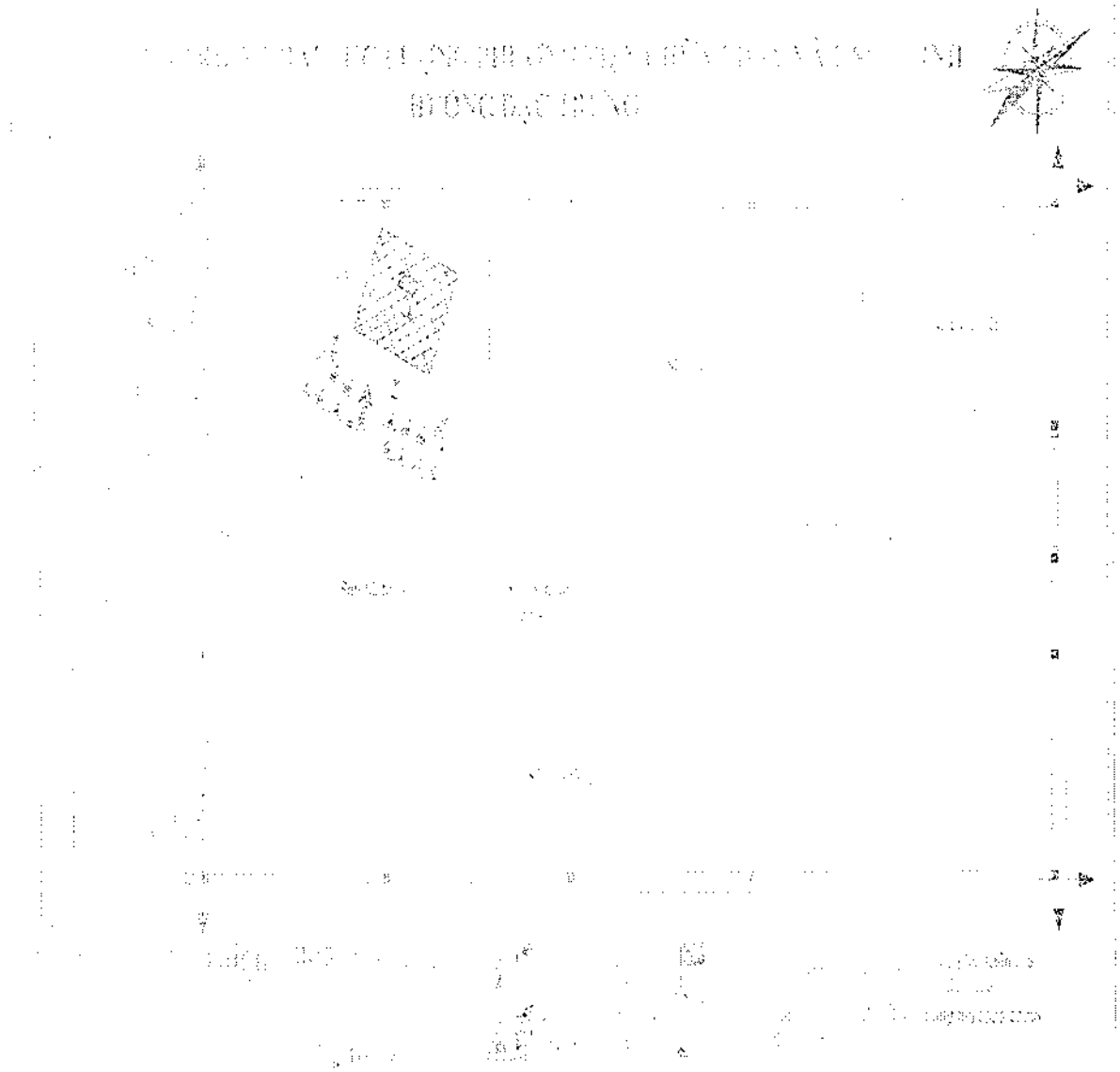

4. Nhiệm vụ của người chỉ huy cứu nạn, cứu hộ tại chỗ khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH đến hiện trường để cứu nạn, cứu hộ

- Phát hiện sự cố, cắt điện toàn bộ cơ sở, gọi điện báo cho Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH – Công an tỉnh Đắk Nông và các lực lượng địa phương đến hỗ trợ.

- Xác định vị trí, số lượng người còn bị mắc kẹt trong khu vực sập đổ.

- Cứu người bị mắc kẹt trong đống đổ nát.

- Thành lập phân luồng giao thông để lực lượng chức năng có thể tiếp cận hiện trường. Tăng cường công tác đảm bảo an ninh trật tự tại khu vực xảy ra sự cố, tai nạn.

- Khi lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH đến, Đồng chí chỉ huy CNCH của lực lượng cơ sở báo cáo với chỉ huy của lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH về tình hình và diễn biến của sự cố, tai nạn, đường giao thông và tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ do người chỉ huy của lực lượng CNCH yêu cầu.

- Khắc phục hậu quả sau sự cố xảy ra.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của chỉ huy tại hiện trường.

BỔ SUNG, CHỈNH LÝ PHƯƠNG ÁN CHỮA CHÁY

TT	Ngày, tháng, năm	Nội dung bổ sung, chỉnh lý	Người xây dựng phương án ký	Người phê duyệt phương án ký
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1				
2				
3				

D. THEO DÕI TÌNH HÌNH HỌC, THỰC TẬP PHƯƠNG ÁN CHỮA CHÁY

Ngày, tháng, năm	Nội dung, hình thức học tập, thực tập	Tình huống cháy	Lực lượng, phương tiện tham gia	Nhận xét, đánh giá kết quả
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

Đắk Nông, ngày 14/04/2023
NGƯỜI PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN

Đắk Nông, ngày 15/04/2023
NGƯỜI XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

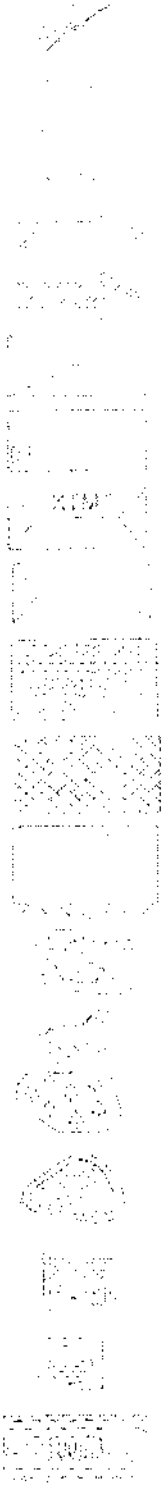

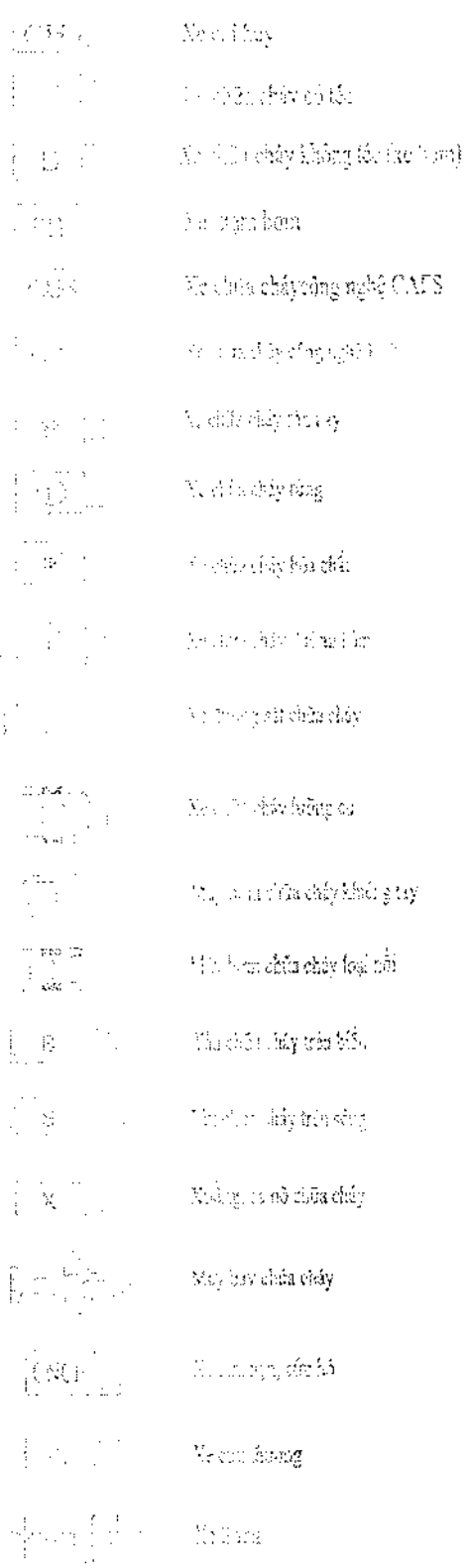

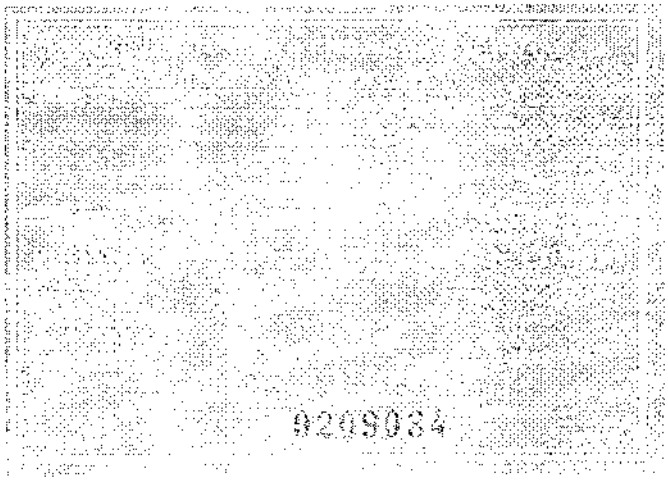
9209034

CÔNG AN TỈNH ĐẮK NÔNG
PHÒNG CS PCCC&CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH

CHỨNG NHẬN:

Ông/bà: Nguyễn Thanh Luân Năm sinh: 1987

Số CMND/Hệ chiếu: Đặc 87012039 Ngày cấp: 09/03/2020

Nơi làm việc/trường trú: Cty CP Công Nghiệp Đắk Nông

Đã được bồi dưỡng nghiệp: PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Thời gian: ngày 08 05 2022 đến ngày 10 05 2022

Đắk Nông, ngày 11 tháng 05 năm 2022

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Trung tá Phan Thành Nam

Cý giá trị sử dụng trên 3 năm

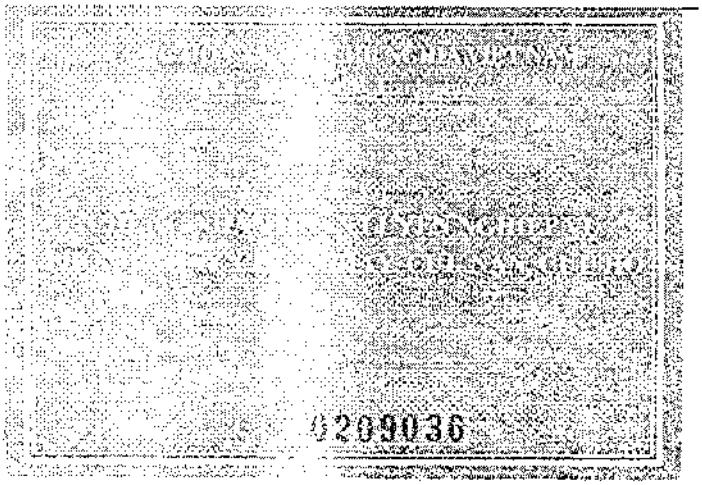
0209036

CÔNG AN TỈNH ĐẮK NÔNG
PHÒNG CS PCCC&CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH

CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

Ông (bà): Nguyễn Văn Cảnh Năm sinh: 1965
Số CMND/Hộ chiếu: 245229909 Ngày cấp: 06/01/2010
Nơi làm việc/chương trình: Cty C.P Công Nghiệp Đắk Nông
Đã được huấn luyện nghiệp vụ: PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY
Thời gian từ ngày: 08 / 05 / 2022 đến ngày 10 / 05 / 2022

Đắk Nông, ngày 11 tháng 05 năm 2022
KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Trung tá Phạm Thành Nam

-

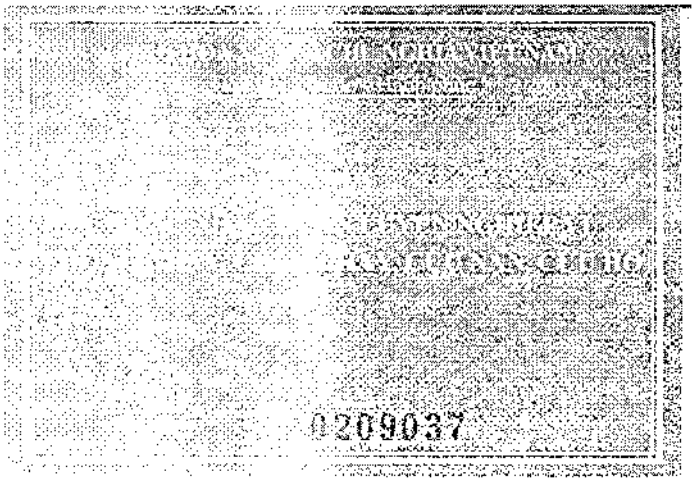
0209037

CÔNG AN TỈNH ĐẮK NÔNG
PHÒNG CS PCCC&CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH

CHỨNG NHẬN

Ông/bà: Nguyễn Phú Quốc Năm sinh: 1980

Số CMND/Hộ chiếu: 245284799 Ngày cấp: 11/10/2011

Nơi làm việc/thường trú: Cty CP Công Nghiệp Đắk Nông

Đã được huấn luyện nghiệp vụ: PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Thời gian: Từ ngày 06 / 05 / 2022 đến ngày 10 / 05 / 2022

Đắk Nông, ngày 11 tháng 05 năm 2022

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Trung tá Phạm Thành Nam

0209035

CÔNG AN TỈNH ĐẮK NÔNG
PHÒNG CSPCCC&CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH

CHỨNG NHẬN

Ông/Bà: Phạm Văn Quang Năm sinh: 1972
Số CMND/Hộ chiếu: 034072011289 Ngày cấp: 25/4/2021
Nơi làm việc/thường trú: Cty CP Công Nghiệp Đắk Nông
Đã được huấn luyện nghiệp vụ: PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY
Thời gian: Từ ngày: 05 / 05 / 2022 đến ngày: 10 / 05 / 2022

Đắk Nông, ngày 11 tháng 05 năm 2022

KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Trương Phạm Thành Nam

Có giá trị sử dụng trong vòng

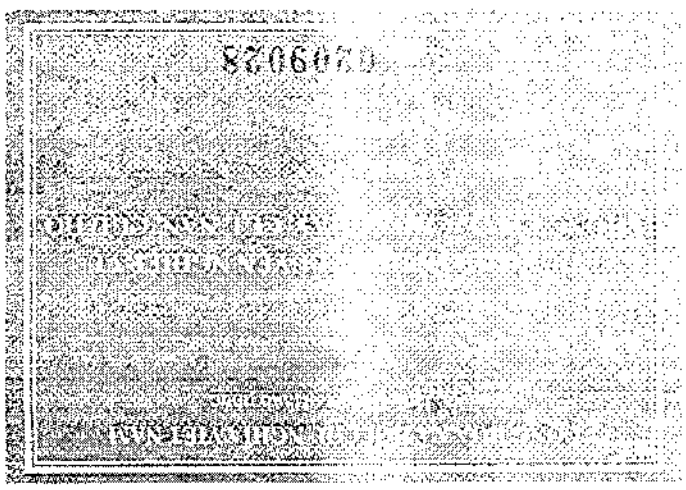

CÔNG AN TỈNH ĐẮK NÔNG
PHÒNG CS PCCC&CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH

CHỨNG NHẬN:

Ông bà: Nguyễn Hồng Sơn Năm sinh: 1998
Số CMND/Hộ chiếu: 042098018253 Ngày cấp: 04/03/2022
Nơi làm việc/Chương trình: Cty CP Công Nghiệp Đắk Nông
Đã được huấn luyện nghiệp vụ: PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY
Thời gian: Từ ngày: 08 / 05 / 2022 đến ngày: 10 / 05 / 2022

Đắk Nông, ngày 11 tháng 05 năm 2022

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Trung tá Phạm Thành Nam

Công ty Điện lực Đắk Nông

Mã số thuế *(Tax Code)*: **0400101394-023**

Địa chỉ *(Address)*: Tổ 3 Lê Duẩn, Phường Nghĩa Tân, Thành Phố Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 19001909

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: Điện lực ĐăkR'Lấp - Số TK: 63510000201466 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đắk Nông

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 31 tháng (month) 01 năm (year) 2023

Ký hiệu *(Serial)*: **1K23TAQ**

Số *(No)*: **169405**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Đắk Nông

Mã số thuế *(Tax code)*: 6400348804

Địa chỉ *(Address)*: Thôn 2, xã Nhân Đạo, H. Đắk RLấp, T. Đắk Nông (Trụ 81/55AT98)

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PC13BB0721920

Số tài khoản *(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 1 năm 2023 từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/01/2023	kWh	2.600	-	5.098.600
	(kèm theo bảng kê số 1282413721 ngày 31 tháng 01 năm 2023)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*	**5.098.600**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 10%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount)*:	**509.860**
Tỷ giá *(Exchanged rate)*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment)*:	**5.608.460**

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Năm triệu sáu trăm lĩnh tám nghìn bốn trăm sáu mươi đồng*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Khởi tạo từ *(Created by)*: Phần mềm CMIS – Công ty *(Company)*: Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin – EVN – MST *(Tax code)*: [illegible]

Công ty Điện lực Đắk Nông

Mã số thuế *(Tax Code)*: **0400101394-023**

Địa chỉ *(Address)*: Tổ 3 Lê Duẩn, Phường Nghĩa Tân, Thành Phố Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 19001909

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: Điện lực ĐắkRLấp - Số TK: 63510000201466 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đắk Nông

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 28 tháng (month) 02 năm (year) 2023

Ký hiệu *(Serial)*: **1K23TAQ**

Số *(No)*: **342033**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Đắk Nông

Mã số thuế *(Tax code)*: 6400348804

Địa chỉ *(Address)*: Thôn 2, xã Nhân Đạo, H. Đắk RLấp, T. Đắk Nông (Trụ 81/55AT98)

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PC13BB0721920

Số tài khoản *(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 2 năm 2023 từ ngày 01/02/2023 đến ngày 28/02/2023	kWh	5.100	-	10.006.600
	(kèm theo bảng kê số 1287436801 ngày 28 tháng 02 năm 2023)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*	**10.006.600**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 10%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount)*:	**1.000.660**
Tỷ giá *(Exchanged rate)*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment)*:	**11.007.260**
Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Mười một triệu không trăm linh bảy nghìn hai trăm sáu mươi đồng*					

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Khởi Cổ Bộ *(Created by)*: Phần mềm CMIS - Công ty *(Company)*: Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin - EVN - MST *(Tax code)*: 010010-079-019

Công ty Điện lực Đắk Nông

Mã số thuế *(Tax Code)*: **0400101394-023**

Địa chỉ *(Address)*: Tổ 3 Lê Duẩn, Phường Nghĩa Tân, Thành Phố Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 19001909

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: Điện lực ĐắkRLấp - Số TK: 63510000201466 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đắk Nông

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 31 tháng (month) 03 năm (year) 2023

Ký hiệu *(Serial)*: **1K23TAQ**

Số *(No)*: **514319**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Đắk Nông

Mã số thuế *(Tax code)*: 6400348804

Địa chỉ *(Address)*: Thôn 2, xã Nhân Đạo, H. Đắk RLấp, T. Đắk Nông (Trụ 81/55AT98)

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PC13BB0721920

Số tài khoản *(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 3 năm 2023 từ ngày 01/03/2023 đến ngày 31/03/2023	kWh	6.500	-	12.446.200
	(kèm theo bảng kê số 1292559071 ngày 31 tháng 03 năm 2023)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*	**12.446.200**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 10%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount)*:	**1.244.620**
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment)*	**13.690.820**

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Mười ba triệu sáu trăm chín mươi nghìn tám trăm hai mươi đồng.*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Khởi tạo từ *(Created by)* Phần mềm CMIS – Công ty *(Company)*: Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin – EVN – MST *(Tax code)*: 0100101079-010

Công ty Điện lực Đắk Nông

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0400101394-023

Địa chỉ *(Address)*: Tổ 3 Lê Duẩn, Phường Nghĩa Tân, Thành Phố Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 19001909

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: Điện lực ĐăkR'Lấp - Số TK: 635100002014666 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đắk Nông

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 30 tháng (month) 04 năm (year) 2023

Ký hiệu *(Serial)*: 1K23TAQ
Số *(No)*: 687845

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Đắk Nông

Mã số thuế *(Tax code)*: 6400348804

Địa chỉ *(Address)*: Thôn 2, xã Nhân Đạo, H. Đắk R'Lấp, T. Đắk Nông (**Trụ** 81/55A/798)

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PC13BB0721920

Số tài khoản*(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK **Đồng tiền thanh toán** *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 4 năm 2023 từ ngày 01/04/2023 đến ngày 30/04/2023	kWh	4.900	-	9.530.500
	(kèm theo bảng kê số 1297660575 ngày 30 tháng 04 năm 2023)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*	**9.530.500**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 10%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount)*	**953.050**
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment)*:	**10.483.550**

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Mười triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn năm trăm năm mươi đồng*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Khởi tạo bởi *(Created by)*: Phần mềm CMIS – Công ty Cổ phần Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin – EVN – MST *(Tax code)*: 0100109211-010

Công ty Điện lực Đắk Nông

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0400101394-023

Địa chỉ *(Address)*: Tổ 3 Lê Duẩn, Phường Nghĩa Tân, Thành Phố Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 19001909

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: Điện lực ĐăkR'Lấp - Số TK: 63510000201466 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đắk Nông

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 31 tháng (month) 05 năm (year) 2023

Ký hiệu *(Serial)*: **1K23TAQ**

Số *(No)*: **861363**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Đắk Nông

Mã số thuế *(Tax code)*: 6400348804

Địa chỉ *(Address)*: Thôn 2, Xã Nhân Đạo, H. Đăk RLấp, T. Đắk Nông

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PC13BB0721920

Số tài khoản *(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 5 năm 2023 từ ngày 01/05/2023 đến ngày 31/05/2023	kWh	3,300	-	6,597,400
	(kèm theo bảng kê số 1303046669 ngày 31 tháng 05 năm 2023)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	**6,597,400**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 10%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount)*:	**659,740**
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment)*:	**7,257,140**

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Bảy triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn một trăm bốn mươi đồng*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Khởi tạo từ *(Created by)*: Phần mềm CMIS – Công ty *(Company)*: Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin – EVN – MST *(Tax code)*: 0100100079-010

Công ty Điện lực Đắk Nông

Mã số thuế *(Tax Code)*: **0400101394-023**

Địa chỉ *(Address)*: Tổ 3 Lê Duẩn, Phường Nghĩa Tân, Thành Phố Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 19001909

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: Điện lực ĐắkR'Lấp - Số TK: 63510000201466 - Tại NH Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đắk Nông

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 30 tháng (month) 06 năm (year) 2023

Ký hiệu *(Serial)*: **1K23TAQ**

Số *(No)*: **1032639**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Đắk Nông

Mã số thuế *(Tax code)*: 6400348804

Địa chỉ *(Address)*: Thôn 2, Xã Nhân Đạo, H. Đắk RLấp, T. Đắk Nông

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PC13BB0721920

Số tài khoản *(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 6 năm 2023 từ ngày 01/06/2023 đến ngày 30/06/2023	kWh	2.200	-	4.275.800
	(kèm theo bảng kê số 1508165971 ngày 30 tháng 06 năm 2023)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*	**4.275.800**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 10%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount)*:	**427.580**
Tỷ giá *(Exchanged rate)*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment)*:	**4.703.380**

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Bốn triệu bảy trăm lĩnh ba nghìn ba trăm tám mươi đồng.*

Người mua hàng *(Buyer)*:

Người bán hàng *(Seller)*:

Công ty Điện lực Đắk Nông

Mã số thuế *(Tax Code)*: **0400101394-023**

Địa chỉ *(Address)*: Tổ 3 Lê Duẩn, Phường Nghĩa Tân, Thành Phố Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 19001909

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: Điện lực ĐắkR'Lấp - Số TK: 63510000201466 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đắk Nông

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 31 tháng (month) 07 năm (year) 2023

Ký hiệu *(Serial)*: **TK23TAQ**

Số *(No.)*: **1203377**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Đắk Nông

Mã số thuế *(Tax code)*: 6400348804

Địa chỉ *(Address)*: Thôn 2, Xã Nhân Đạo, H. Đắk RLấp, T. Đắk Nông

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PC13BB0721920

Số tài khoản *(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 7 năm 2023 từ ngày 01/07/2023 đến ngày 31/07/2023	kWh	2.900	-	5.718.500
	(kèm theo bảng kê số 1313389364 ngày 31 tháng 07 năm 2023)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	**5.718.500**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount)*:	**457.480**
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment)*:	**6.175.980**

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Sáu triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn chín trăm tám mươi đồng.*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Khởi tạo bởi *(Created by)*: Phần mềm CMIS - Công ty *(Company)*: Viện thông điện lực Công nghệ thông tin - EVN - MST *(Tax code)*: 01-0100-79-010

Công ty Điện lực Đắk Nông

Mã số thuế *(Tax Code)*: **0400101394-023**

Địa chỉ *(Address)*: Tổ 3 Lê Duẩn, Phường Nghĩa Tân, Thành Phố Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 19001909

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: Điện lực ĐắkR'Lấp - Số TK: 63510000201466 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đắk Nông

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 31 tháng (month) 08 năm (year) 2023

Ký hiệu *(Serial)*: **1K23TAQ**

Số *(No)*: **1374402**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Đắk Nông

Mã số thuế *(Tax code)*: 6400348804

Địa chỉ *(Address)*: Thôn 2, Xã Nhân Đạo, H. Đắk RLấp, T. Đắk Nông

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PC13BB0721920

Số tài khoản *(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 8 năm 2023 từ ngày 01/08/2023 đến ngày 31/08/2023	kWh	5.300	-	6.413.700
	(kèm theo bảng kê số 1318493788 ngày 31 tháng 08 năm 2023)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*	**6.413.700**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount)*:	**513.096**
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment)*	**6.926.796**

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Sáu triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm chín mươi sáu đồng.*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Khởi tạo từ *(Created by)*: Phân hiệu CMIS – Công ty *(Company)*: Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin – EVN – MST *(Tax code)*: 01-0100-079-010

EVN

Công ty Điện lực Đắk Nông

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0400101394-023

Địa chỉ *(Address)*: Tổ 3 Lê Duẩn, Phường Nghĩa Tân, Thành Phố Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 19001909

Thông tin thanh toán *(Payment information)*: Điện lực ĐắkR'Lấp - Số TK: 63510000201466 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đắk Nông

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 30 tháng (month) 09 năm (year) 2023

Ký hiệu *(Serial)*: **1K23TAQ**

Số *(No)*: **1545854**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Đắk Nông

Mã số thuế *(Tax code)*: 6400348804

Địa chỉ *(Address)*: Thôn 2, Xã Nhân Đạo, H. Đắk RLấp, T. Đắk Nông

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PC15BB0721920

Số tài khoản *(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 9 năm 2023 từ ngày 01/09/2023 đến ngày 30/09/2023	kWh	4.300	-	8.521.100
	(kèm theo bảng kê số 1323682601 ngày 30 tháng 09 năm 2023)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*	**8.521.100**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount)*:	**681.688**
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment)*:	**9.202.788**

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Chín triệu hai trăm linh hai nghìn bảy trăm tám mươi tám đồng*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Công ty Điện lực Đắk Nông

Mã số thuế *(Tax Code)*: **0400101394-023**

Địa chỉ *(Address)*: Tổ 3 Lê Duẩn, Phường Nghĩa Tân, Thành Phố Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 19001909

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: Điện lực ĐắkR'Lấp - Số TK: 6350201466 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đắk Nông

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 31 tháng (month) 10 năm (year) 2023

Ký hiệu *(Serial)*: **1K23TBQ**

Số *(No)*: **4204**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Đắk Nông

Mã số thuế *(Tax code)*: 6400348804

Địa chỉ *(Address)*: Thôn 2, Xã Nhân Đạo, H. Đắk RLấp, T. Đắk Nông

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PCI3BB0721920

Số tài khoản *(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện năng phản kháng tháng 10 năm 2023 từ ngày 01/10/2023 đến ngày 31/10/2023	kVArh	7.300	-	5.076.390
	(kèm theo bảng kê số 1327625459 ngày 31 tháng 10 năm 2023)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*	**5.076.390**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount)*:	**406.111**
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment)*	**5.482.501**

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Năm triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn năm trăm linh một đồng*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Khởi tạo từ *(Created by)*: Phân hiệu CMIS - Công ty *(Company)*: Viễn thông điện lực và công nghệ thông tin - EVN - MST *(Tax code)*: 0100700079-010

Công ty Điện lực Đắk Nông

Mã số thuế *(Tax Code)*: **0400101394-023**

Địa chỉ *(Address)*: Tổ 3 Lê Duẩn, Phường Nghĩa Tân, Thành Phố Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 19001909

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: Điện lực ĐăkRLấp - Số TK: 63502015666 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đắk Nông

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 30 tháng (month) 11 năm (year) 2023

Ký hiệu *(Serial)*: **1K23TBQ**

Số *(No.)*: **4478**

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Đắk Nông

Mã số thuế *(Tax code)*: 6400348804

Địa chỉ *(Address)*: Thôn 2, Xã Nhân Đạo, H. Đắk RLấp, T. Đắk Nông

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PC13BB0721920

Số tài khoản *(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện năng phản kháng tháng 11 năm 2023 từ ngày 01/11/2023 đến ngày 30/11/2023	kVArh	8.300	-	6.415.100
	(kèm theo bảng kê số 133101090 ngày 30 tháng 11 năm 2023)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*	**6.415.100**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				**Tiền thuế GTGT** *(VAT amount)*	**513.208**
Tỷ giá *(Exchanged rate)*:				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment)*	**6.928.308**

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Sáu triệu **chín trăm hai mươi tám nghìn ba trăm linh tám đồng.***

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

Đơn vị tư vấn (Consulting Unit): Chi nhánh Tổng Công ty Công nghệ thông tin và Viễn thông Công ty TNHH MTV (Branch of Viettel Information and Communication Technology Corporation - Viettel Cyberspace Center)

EVN

Công ty Điện lực Đắk Nông

Mã số thuế *(Tax Code)*: 0400101394-023

Địa chỉ *(Address)*: Tổ 3 Lê Duẩn, Phường Nghĩa Tân, Thành Phố Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam

Điện thoại *(Phone Number)*: 19001999

Thông tin thanh toán *(Payment Information)*: Điện lực ĐăkRTắp - Số TK: 6350201466 - Tại NH: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đắk Nông

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 31 tháng (month) 12 năm (year) 2023

Ký hiệu *(Serial)*: 1K23TRQ
Số *(No)*: 4909

Họ tên người mua hàng *(Buyer name)*:

Tên đơn vị *(Company name)*: Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Đắk Nông

Mã số thuế *(Tax code)*: 6400348804

Địa chỉ *(Address)*: Thôn 2, Xã Nhân Đạo, H. Đắk R'Lấp, T. Đắk Nông

Mã khách hàng *(Customer's Code)*: PC13BB0721920

Số tài khoản *(Account No)*:

Hình thức thanh toán *(Payment method)*: TM/CK

Đồng tiền thanh toán *(Payment currency)*: VND

STT *(No.)*	Tên hàng hóa, dịch vụ *(Description)*	ĐVT *(Unit)*	Số lượng *(Quantity)*	Đơn giá *(Unit price)*	Thành tiền *(Amount)*
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện năng phản khang tháng 12 năm 2023 từ ngày 01/12/2023 đến ngày 31/12/2023	kVArh	10.401	-	8.168.348
	(kèm theo bảng kê số 1340926945 ngày 31 tháng 12 năm 2023)				
				Cộng tiền hàng *(Total amount)*:	**8.168.348**
Thuế suất GTGT *(VAT rate)*: 8%				Tiền thuế GTGT *(VAT amount)*:	**653.468**
Tỷ giá *(Exchanged rate)*				**Tổng cộng tiền thanh toán** *(Total payment)*	**8.821.816**

Số tiền bằng chữ *(Amount in words)*: *Tám triệu **tám trăm** hai **mươi mốt nghìn tám trăm** mười sáu đồng*

Người mua hàng *(Buyer)*

Người bán hàng *(Seller)*

UBND HUYỆN ĐẮK R'LẤP
ĐOÀN KIỂM TRA SỐ 3502

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA

Vào hồi 08 giờ 30 phút, ngày 15 tháng 12 năm 2023

Tại Nhà máy chế biến hạt điều của Công ty Cổ phần Công nghiệp Đắk Nông

Địa chỉ: Thôn 2, xã Nhân Đạo, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông

I. Thành phần tham dự gồm có:

1. Thành viên đoàn kiểm tra:

Ông: Phạm Văn Hậu; Chức vụ : Phó trưởng phòng TN&MT – Trưởng đoàn

Ông: Trần Văn Huy, Chức vụ: Chuyên viên phòng Kinh tế - hạ tầng - Thành viên

Ông: Nguyễn Hữu Thọ, Chức vụ : Cán bộ công an huyện Đắk R'lấp - Thành viên

Ông: Phạm Quyết Thắng, Chức vụ : Công chức Địa chính UBND xã Nhân Đạo – Thành viên

Ông: Đoàn Ngọc Tân Chức vụ : CV phòng TN&MT- Thành viên

Ông: Nguyễn Văn Quý Chức vụ : CV phòng TN&MT- Thành viên

2. Đại diện Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Đắk Nông

- Ông Phạm Đình Thạch – Cán bộ lấy mẫu, Trung tâm quan trắc TNMT [illegible] Nông.

3. Công ty Cổ phần Công nghiệp Đắk Nông

Ông: Đào Văn Huy Chức vụ: Phó Giám đốc

II. Nội dung và kết quả kiểm tra:

Thực hiện quyết định số 3502/QĐ-UBND ngày 09/11/2023 của [illegible] Đắk R'lấp về Kiểm tra định kỳ việc chấp hành pháp luật về [illegible] với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn huyện Đắk R'lấp [illegible]

Đoàn đã Công bố quyết định kiểm tra đối với Cơ sở [illegible] cơ sở trước khi tiến hành thực hiện các nội dung kiểm tra.

Đoàn kiểm tra số 3502 tiến hành kiểm tra đối với Nhà máy [illegible] không nung của Công ty Cổ phần Công nghiệp Đắk Nông, kết quả [illegible]

1. Thông tin chung:

Tên cơ sở: Công ty Cổ phần Công nghiệp Đắk Nông

Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Thành Luân – [illegible]

Tên dự án kiểm tra: Nhà máy chế biến gạch không nung

Địa điểm thực hiện: Thôn 2, xã Nhân Đạo, huyện [illegible]

- Công suất thiết kế: 40.000.000 viên tiêu chuẩn [illegible] ty hoạt động với công suất khoảng 12.000.000 viên tiêu [illegible] nguyên liệu sản xuất.

- Nguồn nguyên liệu nhục vụ sản xuất: Trò bay, [illegible]

Cơ của Công ty Nhôm Đắk Nông.

-Diện tích thực hiện dự án: 22.471 m2

- Số lượng công nhân: 14 người.

- Quy trình sản xuất: Trộ bay, xi đáy lò được vận chuyển về [illegible] Nhân Cơ được tập kết, lưu chứa trong khu vực nhà máy -> [illegible] tuyến -> Xúc và di chuyển trộ, xỉ qua Phễu 3 khoang -> Cân định lượng nguyên liệu, bổ sung thêm xỉ măng, nước -> Định hình viên gạch (được di chuyển bằng các băng chuyền)-> Ép thủy lực định hình viên gạch -> Di chuyển [illegible] thống tời qua kho bảo dưỡng (24h) -> Bốc xếp, đóng gói sản phẩm -> Xuất bán.

2. Hồ sơ pháp lý do Công ty cung cấp.

Giấy xác nhận Kế hoạch BVMT số 37/GXN-UBND đã được UBND huyện Đắk R'lấp xác nhận ngày 09/9/2016,

Giấy phép xây dựng số 35/GPXD do Sở Xây dựng cấp ngày 06/10/2016

Quyết định số 1673/QĐ-UBND ngày 29/9/2016 của UBND tỉnh về việc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất;

Quyết định số 1053/QĐ-UBND ngày 30/6/2016 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư;

Báo cáo giám sát môi trường từ năm 2018 – 2023;

Giấy chứng nhận chất lượng cấp ngày 12/9/2023

3. Khai thác, sử dụng tài nguyên nước:

- Theo đại diện Công ty cho biết: Lượng nước sử dụng trung bình [illegible] toàn bộ Nhà máy khoảng 08 m³/ngày đêm, nguồn cung cấp nước: 01 [illegible] Lượng nước chủ yếu phục vụ cho sinh hoạt của công nhân viên, [illegible] phun xử lý bụi, nước sử dụng cho hoạt động sản xuất gạch khoảng 03m³ [illegible] giai đoạn phối trộn.

4. Kết quả kiểm tra việc chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường

Công ty đã được UBND huyện Đắk R'lấp xác nhận [illegible] 37/GXN-UBND ngày 09/9/2016,

Thực hiện giám sát môi trường định kỳ: Công ty đã [illegible] bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm từ 2018 đến [illegible] năm 2023.

+ Kê khai và nộp phí nước thải công nghiệp: Theo Công ty [illegible] không phát sinh nước thải sản xuất nên không thực hiện.

a. Công trình xử lý môi trường

- ***Công trình xử lý nước mưa chảy tràn:*** Toàn bộ nước [illegible] vực Nhà văn phòng, khu vực nhà xưởng sản xuất và khu vực [illegible] được thu gom dẫn vào mương bê tông -> dẫn đến hố thu gom -> [illegible] tông kín -> chảy tràn theo địa hình về phía Đông Nam [illegible]

Đối với khu vực nhà xưởng nước mưa được chảy [illegible] khuôn viên nhà xưởng sau đó thu gom về mương bê tông.

Đối với khu vực khu chứa nguyên liệu là [illegible] che) chưa có hệ thống thu gom, và xử lý nước mưa chảy tràn [illegible] chảy tràn, hoặc quá trình phun nước xử lý bụi sẽ [illegible]

gom và xử lý).

Qua kiểm tra khu vực sân bê tông trước khu vực kho xưởng sản xuất có lượng nhỏ tro, xỉ tồn đọng trên bề mặt sân bê tông phát sinh trong quá trình chuyển, từ khu vực lưu chứa tro xỉ vào khu vực sản xuất.

Đoàn Kiểm tra tiến hành lấy mẫu nước mưa chảy tràn để phân tích đánh giá (Có biên bản lấy mẫu kèm theo).

- ***Công trình xử lý nước thải sản xuất:***

Theo đại diện Công ty cho biết: quá trình sản xuất gạch chỉ sử dụng khoảng 03m^3 phục vụ cho giai đoạn phối trộn, không phát sinh nước thải sản xuất.

- ***Nước thải sinh hoạt:*** Được xử lý, thu gom bằng bể tự hoại, đảm bảo vệ sinh môi trường.

c. Công trình xử lý, lưu giữ chất thải nguy hại:

Theo Công ty cho biết: Đã bố trí kho chất thải nguy hại, chất thải phát sinh chủ yếu dầu nhớt thải, dẻ lau máy, bao tay dính dầu nhớt chỉ phát sinh trong quá trình sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, bóng đèn thủy tinh... lượng phát sinh là rất ít, do đó hàng năm thực hiện 01 lần. Đối với Pin, ắc quy, dầu nhớt thải của ô tô được thay thế, sửa chữa tại các Gara và được các Gara giữ lại.

Công ty chưa ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại.

d. Về quản lý chất thải rắn thông thường:

Theo Công ty cho biết: Đã hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom. Tuy nhiên chưa cung cấp được các chứng từ thu gom.

e. Về khí thải, mùi hôi, xử lý bụi:

Công trình xử lý bụi: Công ty đã bố trí hệ thống béc tưới nhằm giảm bụi tại khu vực lưu chứa tro, xỉ phục vụ sản suất và khu vực sân bê tông.

Đoàn Kiểm tra tiến hành lấy mẫu không khí xung quanh khu vực nhà máy đánh giá chất lượng và phạm vi ảnh hưởng của việc chế biến trong Nhà máy môi trường (Có biên bản lấy mẫu kèm theo).

5. Ý kiến của Công ty Cổ phần Công nghiệp Đắk Nông

Tro bay, xỉ đáy lò làm nguyên liệu cho nhà máy đã được Viện Khoa học công nghệ xây dựng – Bộ Xây dựng chứng nhận sản phẩm hợp chuẩn hợp quy làm vật liệu san lấp, sản phẩm gạch không nung của nhà máy đã được Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 2 – Bộ Khoa học và công nghệ chứng nhận phù hợp quy chuẩn quốc gia QCVN 16:2019/BXD và được phép sử dụng dấu hợp quy.

Thống nhất với các nội dung Đoàn thực hiện kiểm tra nêu trên. Đồng thời Công ty sẽ cung cấp các hồ sơ còn thiếu cho Đoàn kiểm tra và khắc phục các nội dung đoàn kiểm tra đã chỉ ra.

Trong quá trình sản xuất của Nhà máy không tránh khỏi thiếu sót, rất mong kiểm tra hướng dẫn để Công ty khắc phục trong thời gian tới.

6. Ý kiến của đại diện UBND Xã Nhân Đạo

Quá trình hoạt động của Nhà máy, UBND Xã Nhân Đạo chưa nhận được đơn thư phản ánh, kiến nghị của người dân. Đề nghị Công ty chấp hành các quy định

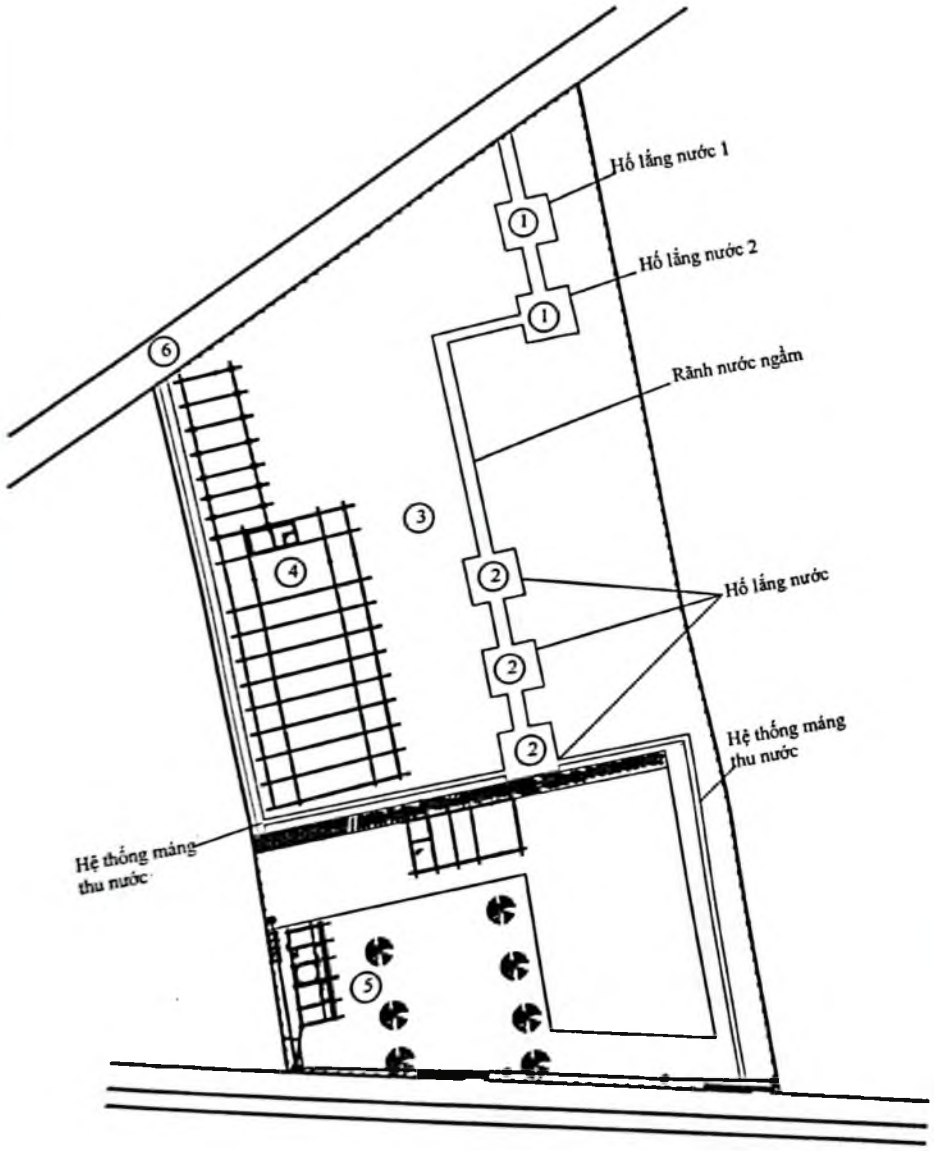

Ghi chú :

* Cấp nước:

- Nguồn nước cung cấp cho sinh hoạt và sản xuất được lấy từ giếng khoan.

* Thoát nước:

- Thoát nước sinh hoạt
- Nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý cục bộ qua hệ thống bể tự hoại.

* Giếng thấm:

- Thoát nước mưa
- Nước mua, nước mặt được thu gom thông qua hệ thống mương hở , hố ga được dẫn ra hồ chứa nước hiện hữu của khu vực

* Ký hiệu khu vực :

- (1) : Hố lắng kích thước 5x10
- (2) : Hố lắng kích thước 1x2
- (3) : Sân phơi gạch thành phẩm
- (4) : Khu vực nhà xưởng sản xuất
- (5) : Khu vực văn phòng bên trên
- (6) : Đường băng tải nhà máy Alumin DNA

M.S.D.N: 6400345804 - C.T.C.P * CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP ĐẮK NÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP ĐẮK NÔNG

Chức danh	Họ và Tên	Ký	Ngày	Tên công trình	Hệ thống thu gom nước mưa , hệ thống nước thải công ty cổ phần công nghiệp Đắk Nông
Giám đốc	Nguyễn Thành Luân				
Chỉ huy	Đào Văn Huy			Chủ đầu tư	Công ty cổ phần công nghiệp Đắk Nông (DNI)
Người lập	Đồng Quang Linh			Đơn vị TC	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên CDI
Hồ sơ	Thiết kế bản vẽ thi công			Ngày hoàn thành	Đắk Nông ngày.....tháng .....năm.....

Được quét bằng CamScanner

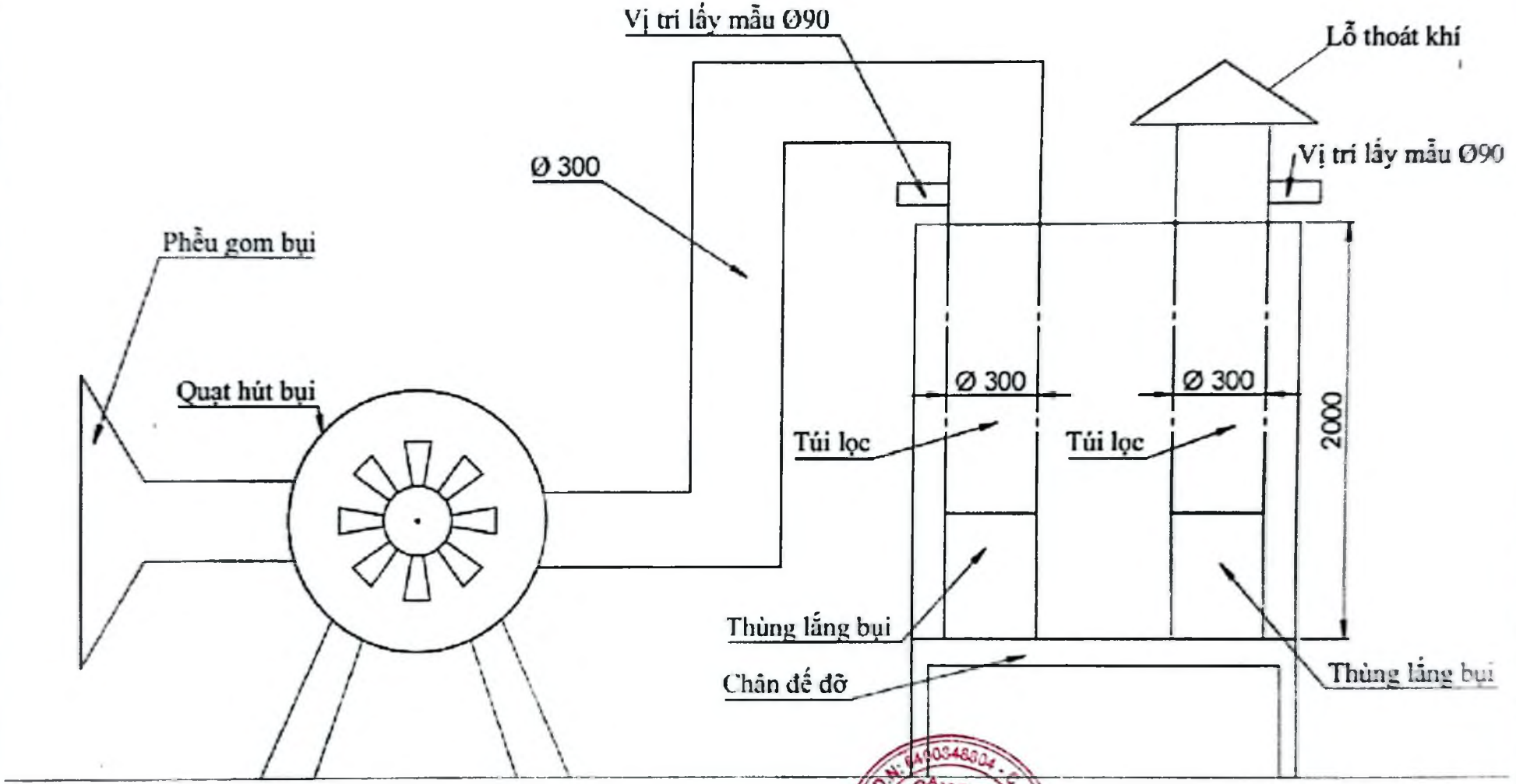

Vật liệu và công suất hệ thống lọc bụi :
- Quạt ly tâm 4 kw
- Cấu kiện hệ thống khung buồng và xử ý bụi thép C45 sơn tĩnh điện
- Túi lọc bụi vải polyester

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP ĐẮK NÔNG

Chức danh	Họ và tên	Chữ ký	Ngày
Người lập	Đồng Quang Linh		
Chỉ huy trưởng	Đào Văn Huy		
Giám đốc	Nguyễn Thành Luân		

Công trình :
Hệ thống hút và lọc bụi

Bản vẽ hoàn công

Tờ số: 01 | Số tờ: 01

Tỉ lệ: 1:1

Được quét bằng CamScanner

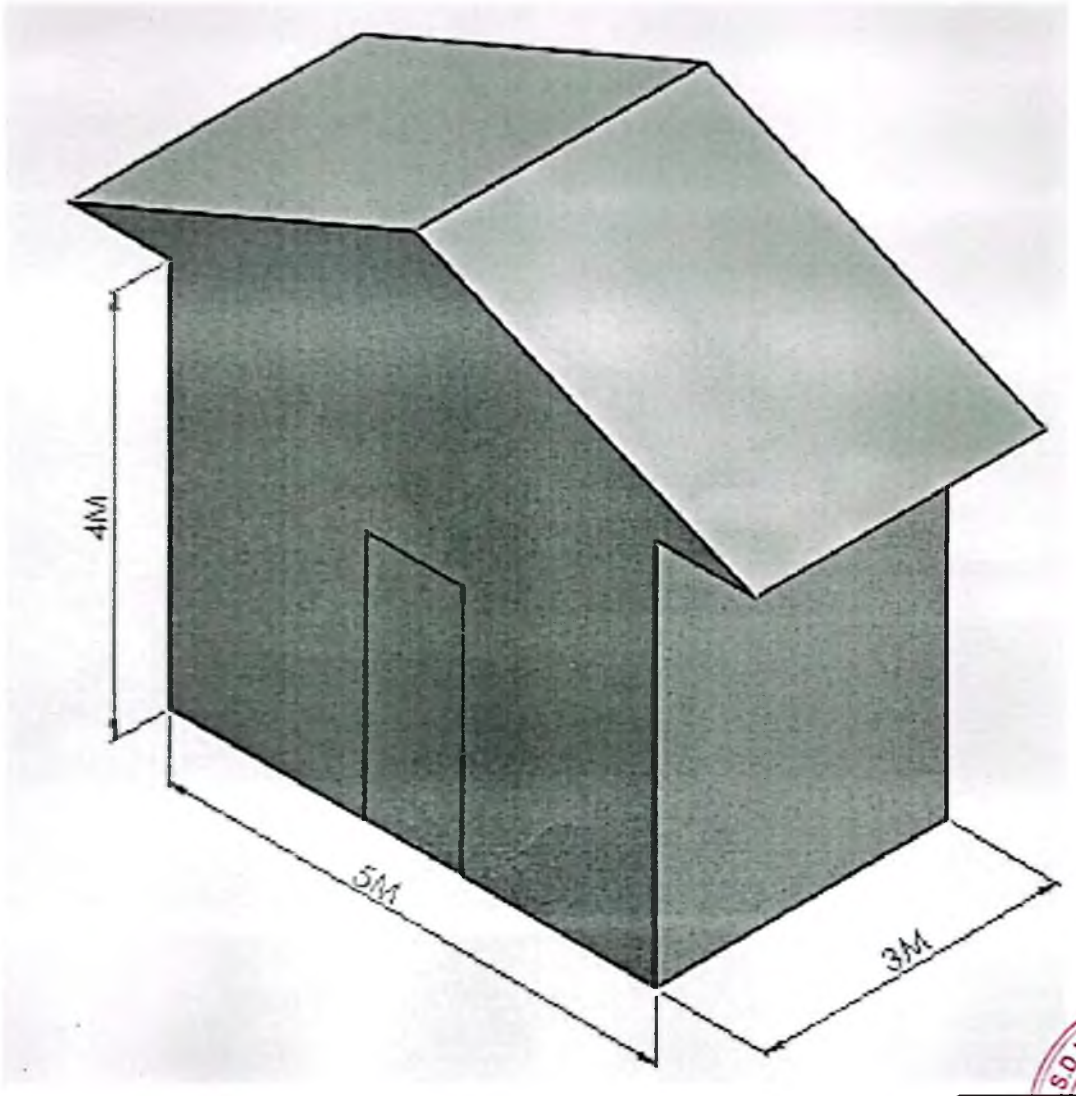

Ghi chú :

Kho chứa chất thải nguy hại có kích thước chiều dài 5Mx3Mx4M

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP ĐĂK NÔNG

Chức danh	Họ và Tên	Ký	Ngày		
Giám đốc	Nguyễn Thành Luân			Tên công trình	Kho chứa chất thải nguy hại
Chỉ huy	Đào Văn Huy			Chủ đầu tư	Công ty cổ phần công nghiệp Đăk Nông (DNI)
Người lập	Đồng Quảng Linh			Đơn vị TC	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên CDI
Hồ sơ	Thiết kế bản vẽ thi công			Ngày hoàn thành	Đăk Nông ngày ... tháng ... năm ...

Được quét bằng CamScanner